

釋迦牟尼佛



Thích Ca Mâu Ni Phật



Hòa Thượng Tuyên Hóa



勸發菩提心文

VĂN

KHUYẾN PHÁT

BỒ ĐỀ TÂM

Xuất Bản

Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới

Vạn Phật Thánh Thành

Mỹ Quốc, California, 2006

Nguyên Bản: **勸發菩提心文淺釋**
Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn Thiển Thích

Phiên Dịch và Xuất Bản:
Buddhist Text Translation Society
Vạn Phật Thánh Thành
1777 Murchison Drive
Burlingame, CA 94010-4504

©2006 Ban Phiên Dịch Kinh Điển
Trường Đại Học Pháp Giới
Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới
Vạn Phật Thánh Thành

Việt Ngữ – In lần thứ nhất 2006
Văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm
Hòa Thượng Tuyên Hóa Lược Giảng

12 11 10 09 08 07 06 10 9 8 7 6 5 4 3 2 1

ISBN 978-0-88139-812-0
In tại Đài Loan

MỤC LỤC

Lời Tựa

Phần Đầu	1
I. Phần Tự	4
II. Phần Chánh Tông	28
1. Nhớ ơn nặng của Phật	32
2. Nhớ ơn cha mẹ	38
3. Nhớ ơn sư trưởng	43
4. Nhớ ơn thí chủ	57
5. Nhớ ơn chúng sanh	61
6. Nhớ sanh tử khổ	65
7. Tôn trọng linh tánh của mình.....	89
8. Sám hối nghiệp chướng	96
9. Cầu sanh Tịnh-độ	102
10. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài....	107
III. Phần Lưu Thông	121
Phụ lục: Đại sư Tĩnh Am	133
Sơ lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa	143
Giới thiệu kinh sách	147

蓮社十一祖 清梵天省庵法師



Pháp Sư Tĩnh Am - Vị Tổ thứ mười một của Tông Liên Xã

Lời tựa

Danh từ phát Bồ-đề tâm nghe rất quen thuộc đối với những ai đã từng đọc qua kinh sách Phật. Quý vị nào có dịp về chùa cũng đã thường nghe nhiều người nhắc đến danh từ phát Bồ đề tâm. Tuy vậy, rất ít người thật sự hiểu rõ được ý nghĩa của danh từ phát Bồ-đề tâm này. Thế nào là Phát Bồ-đề tâm? Tại sao chúng ta phải phát Bồ-đề tâm và nên phát như thế nào?

Để trả lời những câu hỏi trên, ban phiên dịch Việt Ngữ Vạn Phật Thánh Thành xin giới thiệu cùng quý vị quyển Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm. Bài văn này do Ngài Thật Hiền tức Đại Sư Tĩnh Am sáng tác và được Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng.

Qua bài văn khuyến phát Bồ-đề tâm, Ngài Tĩnh Am đã khẩn cầu thống thiết, khuyên nhắc đại chúng rằng: Bồ-đề tâm là chánh nhân thành Phật đạo, nếu *quên mất tâm này, dù tu các pháp lành cũng đều là ma nghiệp*. Để đáp lời kêu gọi ân cần tha thiết của Ngài, cũng như nhận thức rõ: Bồ-đề tâm là yếu tố rất cần thiết cho sự tu hành, chúng ta nên mau phát Bồ Đề tâm và lập Bồ Tát nguyện, hầu thoát khỏi sanh tử luân hồi. Do đó, Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm này là một bài học vô cùng quý giá rất đáng cho chúng ta nương theo để tiến tu trên con đường Chánh Đẳng Chánh Giác.

*Ban Phiên Dịch Việt Ngữ
Vạn Phật Thánh Thành*



Lễ Xuất Gia tại Pháp Giới Thánh Thành (chi nhánh Vạn Phật Thánh Thành)

Ngày 11/12/05



*Bảng tên đường Hoa Nghiêm và đường Bồ Đề
tại Vạn Phật Thánh Thành*



勸發菩提心文

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Giảng:

Khuyến Phát Bồ-Đề Tâm Văn: Khuyến phát là chúng ta vốn chưa phát tâm, nay Đại sư Tịnh Am dùng ngôn ngữ vô cùng hợp lý, hợp pháp để khuyên nhắc, khuyến khích chúng ta, khiến chúng ta phát tâm. Phát tâm gì? Chính là phát tâm Bồ-đề.

Thế nào là tâm Bồ-đề? Tâm Bồ-đề là tâm rõ ràng sáng suốt, tâm bỏ mê quay về giác, là tâm bỏ tà quy chánh, là tâm biết rõ việc thị phi, là tâm không điên đảo, cũng chính là chân tâm. Trong chân tâm, không có các tướng khúc mắc quanh co, cũng chẳng có các hành vi bất chánh. Tâm Bồ-đề cũng có thể nói là tâm lợi người, tâm tự giác, giác tha, tâm tự lợi, lợi tha. “Bồ-đề” là tiếng Phạn, dịch là “giác đạo.” Giác đạo có nghĩa là hiểu rõ đạo, hiểu rõ con đường tu đạo này. Hiểu rõ đạo, mới có thể tu hành; nếu không hiểu đạo, thì không thể tu hành và thường hay điên đảo, rồi cho phải là trái, cho trái là phải, trắng đen không rõ, nón giày lẫn lộn, vị trí đảo ngược. Hiểu rõ đạo thì có thể đi trên con đường chân chánh; không hiểu rõ đạo thì

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

sẽ bước vào đường tà. Tóm lại, không làm các việc ác mà nên làm các điều lành, đó là tâm Bồ-đề. Cho nên, nếu chúng ta giữ gìn giới luật, quy củ, đó cũng chính là tâm Bồ-đề; không giữ gìn quy củ tức là làm mất đi tâm Bồ-đề. Đây là ý nghĩa khái quát của tâm Bồ-đề.

“Văn” là văn chương. Vì nó là từng thiên từng thiên, từng chương từng chương, nên gọi là văn chương. Văn gồm có khai hợp chuyển tích, các loại văn pháp tiếng Hán như “chi hồ giả dã hỹ yên tai,” lại có khởi thừa chuyển hợp, và lời văn viết ra mạch lạc, gọn gàng, bao hàm nhiều ý nghĩa. Bài “Văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm” này cũng giống như kinh điển vậy. Tuy chữ không nhiều, nhưng lý luận của bài văn rất viên mãn, vì thế bài văn này chiếm một địa vị vô cùng quan trọng trong Phật giáo.

Nguyên văn:

古杭梵天寺沙門實賢撰

Âm Hán Việt:

Cổ Hàng Phạm Thiên tự sa môn Thật Hiền soạn.

Dịch:

Sa môn Thật Hiền chùa Phạm Thiên Cổ Hàng soạn.

Giảng:

Cổ Hàng: Từ xưa đến nay đều có một chỗ như thế. Là chỗ nào? Chính là Hàng Châu. Hàng Châu là nơi Phật pháp phát triển hưng thịnh, vì gồm có Tây Thiên Mục, Đông Thiên Mục, Nam Thiên Mục, Bắc Thiên Mục và Thiên Thai Sơn. Bảy đời

chư Phật quá khứ đều xuất thế tại đây. Tại sao có nhiều chúng sanh có căn tánh Đại thừa ở Trung Quốc như thế? Chính là vì trước kia chư Phật thường chọn Trung Quốc làm nơi xuất thế, vì vậy chúng tử Đại thừa vốn đã gieo trồng tại đây.

Phạm Thiên tự: Phạm có nghĩa là thanh tịnh, chính là ngôi tự viện “Thanh Tịnh Thiên” này.

Sa môn: Sa môn là tiếng Phạn, tiếng gọi chung cho người xuất gia, dịch là “cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si.” Siêng tu giới định huệ có nghĩa là không điên đảo; dứt trừ tham sân si, có nghĩa là không hồ đồ, không có vô minh. Vì thế danh hiệu chung của người xuất gia gọi là cần túc – *cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si*. Vậy thì vị xuất gia này pháp hiệu là chi? Chính là Thật Hiền. Ngài vốn gọi là Tư Tề, chính là “Kiến hiền tư tề yên,” tức là khi thấy người hiền có đức hạnh thanh cao, thì muốn cố gắng làm cho bằng người. Ngài lại có một tên riêng gọi là Tĩnh Am. Vì thế người ta thường gọi Ngài là “Tĩnh Am Đại sư khuyến phát Bồ-đề tâm văn.”

Soạn là soạn thuật, thuật là nói ra. Soạn là đỡ soạn, chính là viết ra. Vậy bài văn này do ai soạn? Chính do Đại sư Tĩnh Am biên soạn. Sau khi Ngài biên soạn xong, vì không biết là đúng hay sai, cho nên Ngài khiêm nhường nói là soạn chớ không nói là trước tác. Lại nữa, Ngài cho rằng ý nghĩa mà Ngài viết ra, trước kia chưa có; vậy sau này có không? Không biết được, vì thế gọi là đỡ soạn. Đỡ soạn là chỉ có một, không giống với người khác; và hình thức sáng tạo cũng độc đáo mới mẻ khác người.



I. PHÂN TỰ

Nguyên văn:

不肖，愚下凡夫僧實賢。泣血稽顙，哀告現前大眾，及當世淨信男女等。惟願慈悲，少加聽察。嘗聞入道要門，發心爲首；修行急務，立願居先。願立則眾生可度；心發則佛道堪成。苟不發廣大心，立堅固願，則縱經塵劫，依然還在輪迴；雖有修行，總是徒勞辛苦。故華嚴經云：“忘失菩提心，修諸善法，是名魔業”。忘失尙爾，況未發乎！故知欲學如來乘，必先具發菩薩願，不可緩也。

Âm Hán Việt:

Bất tiểu, ngu hạ phàm phu tăng Thật Hiền, khắp huyết khê tạng, ai cáo hiện tiền đại chúng, cập đương thế tịnh tín nam nữ đẳng. Duy nguyện từ bi, thiểu gia thỉnh sát.

Thường văn nhập đạo yếu môn, phát tâm vi thủ; tu hành cấp vụ, lập nguyện cư tiên. Nguyện lập tắc chúng sanh khả độ, tâm phát tắc Phật đạo kham thành. Cầu bất phát quảng đại tâm, lập kiên cố nguyện, tắc tủng kinh trần kiếp, y nhiên hoàn tại luân hồi; tuy hữu tu hành, tổng thị đồ lao tân khổ. Cố Hoa Nghiêm kinh vân: “Vong thất Bồ-đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp.” Vong thất thượng

**nhĩ, hướng vị phát hồ! Cố tri dục học Như Lai thừa, tất tiên
cụ phát Bồ Tát nguyện, bất khả hoãn dã.**

Dịch:

*Thật Hiền tôi là kẻ phàm phu Tăng bất tiểu ngu hèn, khóc ra
lệ máu cúi đầu kính lạy, đau buồn khẩn thiết thưa với chư đại
chúng hiện tiền, cùng với chư thiện nam tín nữ có đức tin trong
sạch trong hiện đời. Cúi mong quý vị thương xót, lưu ý nghe một
chút và xét cho.*

*Từng nghe, cửa cốt yếu để vào đạo thì sự phát tâm làm đầu,
việc khẩn cấp tu hành thì sự lập nguyện đứng trước. Nguyện lập
thì có thể độ chúng sanh, tâm phát thì Phật đạo có thể thành.
Nếu không phát tâm rộng lớn, không lập chí nguyện vững bền
kiên cố, thì dù có trải qua nhiều kiếp như số vi trần, cũng vẫn
là ở trong vòng luân hồi, dù có tu hành cũng chỉ là uổng công
lao nhọc, khổ cực một cách vô ích. Nên kinh Hoa Nghiêm nói:
“Nếu quên mất tâm Bồ-đề mà tu các pháp lành, đó gọi là nghiệp
ma.” Quên mất mà còn như thế, huống chi chưa phát ư? Cho
nên muốn học Như Lai thừa thì trước phải phát Bồ Tát nguyện,
không thể chậm trễ vậy.*

Giảng:

Bất tiểu là không giống. Không giống cái gì? Không giống
trí huệ của chư Phật Bồ Tát và các vị Cao Tăng Đại Đức thuở
xưa. Vì các Ngài có trí huệ, nên bất luận các Ngài viết ra
những gì, cũng đều rất đáng tin cậy. Bất tiểu còn có cách
giải thích khác. Ví như cha là quan lớn, còn mình chỉ là một
kẻ nông phu, thì gọi là bất tiểu. Hoặc cha là người giàu có

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

sang trọng, mình lại là kẻ nghèo hèn cực khổ, đó cũng gọi là bất tiếu. Tóm lại, nếu không bằng người trước thì gọi là bất tiếu. Giống như vua Đế Nghiêu nhường thiên hạ cho Đế Thuấn mà không truyền cho con mình là Đan Chu. Cũng vì Đan Chu bất tiếu nên Ngài mới giao thiên hạ cho người khác. “Bất tiếu” cũng chính là không giống như cha, không giống với tổ tiên. Đại sư Tĩnh Am dùng chữ “bất tiếu” ý nói, tâm tư của Ngài không giống như chư Phật, chư Bồ tát. Tại sao không giống? Vì Ngài không có trí huệ như Phật và Bồ Tát.

Ngụ hạ phàm phu tăng Thật Hiền: Tôi là kẻ phàm phu, không phải là bậc thánh nhân; kẻ phàm phu Tăng này là ai? Là Thật Hiền.

Tuy Ngài là phàm phu Tăng ngu hèn, rất ngu si, rất hạ liệt, là kẻ phàm phu bình thường, nhưng Ngài có tâm thành, có chân tâm, nói ra lời chân thật phát xuất tận đáy lòng. Chân thành đến mức độ nào? Chính là **khấp huyết khể tằng:** Khấp huyết là khóc đến nỗi chảy ra nước mắt máu. Quý vị thử tưởng tượng nếu không phải chân thành đến cực điểm, thì dù có khóc đến đâu đi nữa, cũng không sao khóc ra lệ máu cho được - không thể nào! Đây tuy là danh từ để hình dung, nhưng cũng biểu lộ được tâm chân thành tha thiết của Ngài. Khể tằng là khấu đầu. Trán gọi là tằng; vì thế gọi là khể tằng, chính là dập đầu xuống đất.

Ai cáo hiện tiền đại chúng: Ôi! Tôi khóc không ra tiếng, đau buồn khẩn thiết thưa với đại chúng hiện tiền. Đại chúng này bao gồm người xuất gia, tại gia và tất cả chúng sanh; không những chỉ loài người mà gồm luôn tất cả các loài chúng sanh khác. Đại là quảng đại rộng lớn, chúng là chúng sanh.

Vì thế ở đây không những nói về loài người mà bao gồm tất cả chúng sanh. **Cập đương thế tịnh tín nam nữ đẳng:** Đương thế chính là đương thời, có thể nói là hiện tại, cũng giống như ngay “hiện tiền” đây, nhưng về mặt văn pháp thì Ngài dùng như thế. Tịnh là thanh tịnh; tín là thiện nam, tín nữ. Thiện nam tín nữ v.v... cũng là bao gồm tất cả những người tại gia.

Duy nguyện từ bi, thiếu gia thính sát: Hôm nay tôi chỉ mong quý vị, mỗi người từ bi thương xót nhìn ra chút ít thời gian nghe lời tôi nói rồi xem xét, suy nghĩ. Chữ “sát” này chính là xem xét và suy nghĩ; tiếng Anh gọi là think it over.

Thường văn nhập đạo yếu môn, phát tâm vi thủ: Tôi thường nghe người ta nói rằng. Nói cái gì? Nói, nếu muốn tu hành học đạo, thì con đường chính yếu quan trọng của nó là gì? Nhất định là cần phải phát Bồ-đề tâm trước, đây mới là điều quan trọng nhất. **Tu hành cấp vụ, lập nguyện cư tiên:** Chúng ta cần phải hiểu điều quan trọng nhất của sự tu hành là gì? Đó là cần phải phát nguyện, nếu không phát nguyện thì không thể tu hành được, và dù có nói là rất nỗ lực tu hành cũng chỉ là giả dối. Vì ngay cả nguyện chúng ta còn không dám phát, thì còn nói chi đến việc tu đạo? Chính là gạt người thôi! Còn nếu muốn chân chánh tu hành thì tại sao không dám phát nguyện? Vì thế, nói về tu hành thì sự lập nguyện là đứng đầu, nên chúng ta trước nhất cần phải lập nguyện.

Nguyện lập tắc chúng sanh khả độ: Chúng ta có nguyện lực, nghĩa là khi có thuyền bè rồi, thì mới có thể độ được người. Nếu không có thuyền, thì làm sao độ người và đưa người đến bờ bên kia cho được? Vì thế nguyện lực thì giống như chiếc thuyền vậy. Nếu chúng ta không lập nguyện, thì dù

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

cho mình có tu hành nhưng đến lúc đó thì quên hết, không còn nhớ gì nữa. Vì thế lập nguyện là đứng đầu, khi đã có nguyện hộ trì, mới có thể hóa độ chúng sanh. **Tâm phát tức Phật đạo kham thành:** Nếu quý vị phát tâm Bồ-đề thì mới có đủ tư cách thành Phật; nếu không phát tâm Bồ-đề, thì không có cơ hội thành Phật. Cho nên, điều này rất khẩn thiết và quan trọng vô cùng.

Cầu bất phát quảng đại tâm, lập kiên cố nguyện: Cầu là giả như, giả thiết. Nếu như quý vị không phát tâm rộng lớn, mà cứ hẹp hòi, nhỏ mọn, một chút thiệt thòi cũng không chịu, không xả bỏ được, thì cần phải lập nguyện kiên cố vững bền; rằng, ta nhất định phải làm theo nguyện, không thể nào thay đổi. Nếu không phát tâm rộng lớn, không lập nguyện kiên cố vững bền, **tắc túng kinh trần kiếp, y nhiên hoàn tại luân hồi:** thì dù có trải qua nhiều kiếp như số vi trần, cũng không thể thoát khỏi vòng luân hồi. Luân hồi là lục đạo luân hồi: ba thiện đạo (thiên đạo, nhân đạo, a-tu-la) và ba ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Rồi xoay chuyển trong vòng luân hồi, tức khi làm việc lành được sanh thiên, hay làm người hưởng phước báo cũng không có ý nghĩa gì, vì vẫn còn ở trong vòng luân hồi sanh tử!

Tuy hữu tu hành, tổng thị đồ lao tân khổ: Tuy ăn chay, tụng kinh, niệm Phật, nhưng dù chúng ta có cố gắng ra bao nhiêu công phu cực khổ đi nữa cũng đều uống phí công sức một cách vô ích; và cho dù chúng ta có tu pháp môn gì, cũng không phải là pháp cứu cánh.

Cố Hoa Nghiêm kinh vân: “Vong thất Bồ-đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp” Vì thế Kinh Hoa

Nghiêm nói: Nếu như quên mất tâm Bồ-đề, dù có tu các pháp lành, cũng là tu các nghiệp thiên ma ở sáu cõi trời Dục giới.” Vì vô minh của mình chưa đoạn, tâm dâm dục chưa dứt nên tu các pháp này đều là tạo nghiệp thiên ma. Quên mất tâm Bồ-đề chính là tâm niệm của chúng ta không được thanh tịnh. Nếu tâm niệm thanh tịnh mới là tâm Bồ-đề, còn tâm niệm không thanh tịnh tức chính là ma nghiệp. **Vong thất thượng nhĩ, hướng vị phát hồ:** Quên mất tâm Bồ-đề, dù tu các pháp lành cũng đều là ma nghiệp, hướng hồ là chưa phát ư! Nếu không phát tâm Bồ-đề, thì chúng ta còn tu được gì nữa? Vì tu cái gì cũng đều là ma nghiệp.

Cố tri dục học Như Lai thừa, tất tiên cụ phát Bồ Tát nguyện, bất khả hoãn dã: Vì thế muốn học Phật pháp, muốn học Phật thừa, chúng ta nhất định là trước phải phát nguyện lực Bồ Tát. Nếu không phát nguyện lực này, chúng ta sẽ đi tới đi lui quanh quẩn trong hang động của ma. Cho nên chúng ta không thể chờ đợi để phát tâm Bồ-đề này, không thể nói rằng: “Sau này ta sẽ phát tâm Bồ-đề, lập nguyện Bồ Tát!” Không thể như thế được! Chúng ta nhất định phải lập tức phát tâm Bồ-đề và hành Bồ Tát đạo ngay, như thế mới có thể vượt ra vòng luân hồi, liễu sanh thoát tử!

Nguyên văn:

然心願差別，其相乃多；若不指陳，如何趨向？今爲大眾略而言之，相有其八。所謂邪、正、真、僞、大、小、偏、圓是也。云何名爲邪、正、真、僞、大、小、偏、圓耶？世有行人，一向修行，不究自心，但知外務，或求利養，或好名聞，或貪現世欲樂，或望未來果報，如是發

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

心，名之爲邪。既不求利養名聞，又不貪欲樂果報，惟爲生死，爲菩提，如是發心，名之爲正。

Âm Hán Việt:

Nhiên tâm nguyện sai biệt, kỳ tướng nãi đa, nhược bất chỉ trần, như hà xu hướng? Kim vị đại chúng lược nhi ngôn chi, tướng hữu kỳ bát. Sở vị tà, chánh chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên thị dã. Văn hà danh vi tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên da? Thế hữu hành nhân, nhất hướng tu hành, bất cứu tự tâm, dẫn tri ngoại vụ, hoặc cầu lợi dưỡng, hoặc háo danh văn, hoặc tham hiện thế dục lạc, hoặc vọng vị lai quả báo. Như thị phát tâm, danh chi vi tà. Kỳ bất cầu lợi dưỡng danh văn, hựu bất tham dục lạc quả báo, duy vị sanh tử, vị Bồ-đề, như thị phát tâm, danh chi vi chánh.

Dịch:

Nhưng tâm nguyện vốn có nhiều tướng trạng khác nhau, nếu không chỉ ra thì làm sao biết phương hướng mà đến. Nay xin sơ lược trình bày với đại chúng. Sự phát tâm lập nguyện gồm tám tướng là: tà chánh, chân ngụy, đại tiểu và thiên viên. Thế nào là tà chánh, chân ngụy, đại tiểu và thiên viên? Đời có kẻ tu hành mà từ trước đến nay chỉ một bề, hành theo sự tướng, không biết tham cứu tự tâm, chỉ lo những việc bên ngoài, hoặc mong cầu lợi dưỡng, hoặc ưa thích hư danh, hoặc tham muốn dục lạc hiện đời, hoặc mong cầu phước báo mai sau, phát tâm như vậy gọi là tà. Đã không mong cầu hư danh lợi dưỡng, lại không tham quả báo dục lạc đời sau, chỉ vì mong liễu thoát sanh tử, vì chứng đắc Bồ đề, phát tâm như vậy gọi là chánh.

Giảng:

Nhiên tâm nguyện sai biệt: Nhiên chính là như thế. Đã là như thế, chúng ta nhất định phải phát tâm Bồ-đề, lập nguyện kiên cố vững bền. Nếu không phát tâm Bồ-đề, thì không bao giờ thành tựu Phật đạo; không lập nguyện kiên cố vững bền, sẽ không đạt đến mục đích, không đến chỗ cứu cánh. Nhưng tâm nguyện phát ra, có rất nhiều loại không giống nhau. Vì thế nên nói **kỳ tướng nãi đa:** Phát tâm chính là tư tưởng, mục đích, chí nguyện, mục tiêu của người; căn tướng này thì rất nhiều, có thể nói là nhiều đến cả tám vạn bốn ngàn tướng.

Nhược bất chỉ trần, như hà xu hướng: Trần là bày ra, hiện ra ở trước mặt cho chúng ta thấy. Nếu tôi không chỉ ra rõ ràng và không trình bày cặn kẽ điều này, thì quý vị làm sao biết mà tiến lên? Xu là tiến tới phía trước, đến chỗ đó. Hướng là hướng đến chỗ đó; đối diện với chỗ đó, gọi là đối hướng. Xu hướng là chúng ta làm sao để đạt mục tiêu? Làm sao để có phương châm, tông chỉ?

Kim vị đại chúng lược nhi ngôn chi: Đại sư Tĩnh Am nói: Tôi nay trình bày sơ lược với đại chúng về những điều quan trọng này. Lược là giản lược, tức không thể nói ra hết mà nói đơn giản một chút, nói ít lại một chút.

Tướng hữu kỳ bát: Nói tổng quát thì tướng trạng này có tám loại. Là tám loại gì? **Sở vị tà, chánh chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên thị dã:** Là có tà chánh, có chân ngụy, có đại tiểu và có thiên viên.

Thế nào gọi là tà? Là lòng ích kỷ, chỉ biết làm điều có lợi cho riêng mình. Thế nào gọi là chánh? Là không ích kỷ. Thế nào gọi là chân? Là làm điều có lợi cho người mà không nghĩ

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

lợi về mình. Còn nguy chính là làm điều có lợi mình mà không lợi cho người. Quý vị dùng Lục Đại Tông Chỉ ⁽¹⁾ để xem thì sẽ hiểu rõ.

Thế nào gọi là tiểu, thế nào gọi là đại? Tiểu là vì mình, đại là vì đại chúng. Nên nói “*Vì người không vì mình, cuối cùng là Phật thể, vì mình không vì đại chúng, rốt cuộc uổng phí cuộc đời,*” tức là nếu chỉ vì mình thì dù cho có bỏ cả sanh mạng mình, cũng không có ích lợi chi.

Đại là phát tâm quảng đại, cũng chính là hành Bồ Tát đạo. Vậy, nếu không phát đại tâm mà phát tiểu tâm thì sao? Chính là không hành Bồ Tát đạo, lại ích kỷ tự lợi, tranh giành, tham lam, tham cầu, chỉ tính toán cho mình, đó đều là Tiểu. Còn nếu biết lo nghĩ cho đại chúng, thêm chí công vô tư, chánh trực không thiên vị, cúng dường khắp nơi, lấy pháp giới làm thể, lấy hư không làm dụng, đó gọi là Đại.

Thiên là thiên về một bên, một phần nhỏ, không viên dung. Viên là bên trong bao la gồm cả vạn hữu, chính là viên mãn Bồ-đề, không có chỗ nào mà không bao hàm, chẳng có chỗ nào mà không dung chứa.

Tôi có một bài kệ tụng để hình dung về cái “viên” này:

***Pháp giới vi thể hữu hà ngoại,
Hư không thị dụng vô bất dung.
Vạn vật bình đẳng lià phân biệt,
Nhất niệm bất sanh tuyệt ngôn tông.***

(1) Lục Đại Tông Chỉ là không tranh, không tham, không mong cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không nói dối.

Dịch:

*Pháp giới là thể có chi ngoài,
Hư không là dụng đều dung chứa.
Vạn vật bình đẳng là phân biệt,
Một niệm không sanh bất ngữ ngôn.*

Viên chính là “Pháp giới vi thể hữu hà ngoại,” nếu lấy pháp giới làm thể, thì đâu còn gì ở bên ngoài pháp giới nữa? “Hư không thị dụng vô bất dung,” hư không là một đại dụng, không có gì là không bao chứa bên trong. “Vạn vật bình đẳng là phân biệt,” đối với vạn sự, vạn vật đều xem bình đẳng. “Nhất niệm bất sanh tuyệt ngôn tông,” một niệm không sanh, tuyệt đường ngôn ngữ, đây có thể nói là “viên.” Đoạn văn sau, Đại sư Tĩnh Am sẽ giải thích “thiên viên.” Ở đây tôi chỉ đại khái chiếu theo ý nghĩa của chữ để giải thích mà thôi. Nếu kết hợp bài “Khuyến phát Bồ-đề tâm văn” của Đại sư Tĩnh Am, với “Lục đại tông chỉ” của chúng ta, thì giống như *áo trời không thấy vết chỉ may*, thật là hoàn hảo vậy!

Vân hà danh vi tà, chánh, chân, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên da: Sao gọi là tà chánh, chân ngụy, đại tiểu, thiên viên? Chữ “da” là chữ dùng để hỏi.

Thế hữu hành nhân, nhất hướng tu hành, bất cứu tự tâm: Hành nhân là người tu hành. Ở trên thế gian có người tu hành, là người xuất gia. Họ tu hành thì tu đó, nhưng cứ mãi chấp trước, chuyên làm những việc có hình thức bên ngoài. Ví dụ, họ hằng ngày bái sám, lễ Phật, tụng kinh là chỉ để cho người ta xem, còn tự mình thì không biết hồi quang phản chiếu, coi trong tâm mình có bái sám, có niệm Phật, có lễ Phật,

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

có tụng kinh chẳng? Niệm ở trong tâm mới gọi là chân thật! Nếu cứ làm những việc có hình thức ở bên ngoài, ra điệu bộ như mình là người tu hành đàng hoàng, và bất luận dụng công phu gì, đều muốn cho người ta thấy, ví như quét nhà, quét sân cũng đợi có người đến mới làm, cho người ta biết mình đang làm việc cực khổ, như vậy chẳng những không có công đức gì, mà là tà đấy! Đó chỉ là để khoe công, thật không chánh đáng chút nào.

Lại có người làm được chút việc tốt gì với ai, bèn nói: “Bạn biết không? Vì bạn mà tôi làm như vậy, như vậy đó,” cốt cho người ta cảm kích mình thì gọi là Tà. Quý vị nên triệt để hiểu rằng; thi ân không cầu báo, giúp người không hối tiếc. Tức giúp được ai làm điều gì tốt, mình nên quên đi, không nên nhớ hoài, mở miệng là nhắc mãi, mỗi ngày từ sáng đến tối, cứ quảng cáo như: “À! Tôi đã làm việc thiện đó, chị có biết không? Ngôi chùa đó là do tôi tu bổ, chị có nhìn thấy tên tôi trên tấm bảng hiệu đó chẳng?” Vì sợ người khác không biết, nên mới kêu và chỉ người ta nhìn trên tấm biển có tên mình. Nếu cứ tham cầu danh vọng lợi dưỡng, đó chính là tà. Nếu không phải người như vậy thì là Chánh.

Vì thế, tà chánh thì trái ngược nhau; tà thuộc về âm, chánh thuộc về dương. Tà thì không nhìn thấy trời, không nhìn thấy ánh sáng. Chánh thì chánh đại quang minh, bất luận chỗ nào cũng đều làm được. Nhất hướng tu hành là từ trước đến nay tu hành. Ý nói, có người tu hành đã lâu mà không tự dụng công phu ở tâm, lại chuyên hướng ra bên ngoài giống ruồi tìm cầu.

Đẫn tri ngoại vụ: Âm chỉ cho những ai chỉ biết làm những việc ở bên ngoài, như đi tụng kinh, bái sám v.v... Quý vị xem

đó, họ làm thật rần rộ, mỗi ngày từ sáng đến tối mệt lả người, khổ sở vô cùng. Lại còn nói với mọi người rằng: “A! Tôi thật là vì pháp quên thân, quý vị có biết không?” Đó là cứ mãi kể công với người, rồi phô trương đức hạnh và tuyên truyền tài năng, chớ không biết khiêm nhường sửa đổi lỗi lầm của mình. Tại sao người này chỉ giống ruồi đeo đuổi theo những việc ở bên ngoài?

Hoặc cầu lợi dưỡng: Tức là vì lợi ích riêng tư nên bảo người cúng dường cho mình, tin tưởng mình. Hoặc là bảo người chưng nhân sâm, hoặc là nấu nắm mèo cho mình ăn v.v... Cho nên, nếu quý vị là đệ tử chân chánh của tôi thì không ai được phép nấu bất cứ món gì cho tôi ăn. Dù sao đi nữa tôi nay vẫn chưa chết đói kia mà! Thế nhưng có người, bữa nay thì nấu món canh này, ngày mai lại làm các món ăn rườm rà khác. Thật là chán ghê! Quý vị nói, vậy là thành tâm chăng? Quý vị đâu có nghĩ rằng, đó là giúp kẻ xấu làm điều ác, là làm cho người tu không còn tu hành gì được nữa. Quý vị hiểu chưa? Vì thế không nên cúng dường riêng biệt cho một người nào cả.

Hoặc háo danh văn: Hoặc có ý đồ muốn kẻ khác đi khắp nơi tuyên truyền cho mình, như nói mình là người tu hành đang hoàng, là vị đại chân tu, chân chánh lắm vậy! Rồi phái rất nhiều thủ hạ, nhân viên đi khắp nơi quảng cáo. Quý vị thấy có giống như “xí nghiệp hóa Phật giáo” chăng? Đây chính là tội nhân, là kẻ bại hoại trong Phật giáo! Làm sao mà xí nghiệp hóa Phật giáo cho được? Muốn xí nghiệp hóa thì còn xuất gia *ra khỏi nhà* gì nữa? Ở nhà cũng có thể làm xí nghiệp, ai cũng có thể buôn bán kiếm tiền mà! Tại sao người xuất gia, là Phật tử lại làm chuyện xí nghiệp như vậy?

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Thế mà có người còn nói: “Ồ! Nếu xí nghiệp hóa Phật giáo thì tốt lắm đó!”

Nói vậy là họ đang chui xuống địa ngục mà không biết, lại còn nói là hay, là tốt! Hoặc là vì mong cầu lợi dưỡng, rồi kêu gọi người cúng tiền cho mình để làm việc này, việc nọ. Hay cũng là vì tham được tiếng tốt.

Hoặc tham hiện thế dục lạc: Loại người xuất gia này, nếu không phải là tham muốn dục lạc hiện tại thì là cái gì? Nếu suốt ngày ăn ăn uống uống, lại còn ăn thịt, uống rượu loạn xạ, cái gì cũng làm ráo, thì là tham muốn dục lạc hiện tại. Đó, nếu không phải gieo giống địa ngục thì gieo cái gì?

Hoặc vọng vị lai quả báo: Hoặc nay làm các thứ công đức là vì mong muốn sau này được làm vua chúa. Hoặc nghĩ nếu làm như thế như thế, nữa sẽ có phước báo như vậy như vậy. Đó đều là Tà! Khi tôi nói, thì nói hết những gì tôi biết; tôi mà biết rồi thì không có gì mà tôi không nói hết.

Như thị phát tâm, danh chi vi tà: Trong số quý vị, có người vẫn còn không nhận ra, lại a dua phụ họa thêm: “Ồ! Họ xây cất chỗ đó đẹp giống y như hoàng cung vậy.” Hoàng cung thì sao? Vua trong hoàng cung cũng vẫn bị đọa lạc như thường chớ có gì hay ho đâu! Quý vị không hiểu đạo lý, rồi cứ mãi chạy theo tà tri tà kiến, tham sự náo nhiệt nhất thời như thế thì không nên!

Cái gì gọi là chánh? **Ký bất cầu lợi dưỡng danh văn:** Là không tham danh vọng lợi dưỡng, không muốn làm cho thanh danh của mình to lớn thêm và cũng không muốn mọi người cúng dường cho mình.

Hựu bất tham dục lạc quả báo: Lại không tham muốn

bất cứ dục lạc nào, cũng không nghĩ đến việc hưởng thụ ra sao. Tôi không thể nói là tôi chính chuyên, nhưng tôi nói với quý vị, tôi đến nước Mỹ đã hơn 20 năm mà tôi chưa từng đến Disney Land bao giờ. Quý vị thử nghĩ xem, có phải quý vị đến nước Mỹ phần đông đều đã thăm viếng qua Disney Land rồi phải không? Thậm chí không ít người xuất gia đến nước Mỹ cũng đều muốn tham quan Disney Land. Còn tôi là người quê mùa, nên không tham quan, mà cũng không muốn biết đến nơi đó để làm gì.

Duy vị sanh tử, vị bồ-đề: Vậy không tham vọng dục lạc, cũng không tham hưởng thụ phước báo mà chỉ vì mong liễu sanh thoát tử, vì mong giác ngộ, và vì mong cầu trí huệ chân chánh.

Như thị phát tâm, danh chi vi chánh: Phát tâm như thế gọi là Chánh. Nếu không phải vì liễu thoát sanh tử, không phải vì phát tâm Bồ-đề thì đó chính là Tà. Vì thế, mọi người nên nhận rõ điểm này; nếu không, thì dù có tu hoài tu mãi cũng là ma nghiệp và làm quyến thuộc của ma vương.

Nguyên văn:

念念上求佛道，心心下化眾生，聞佛道長遠，不生退怯，觀眾生難度，不生厭倦，如登萬仞之山，必窮其頂；如上九層之塔，必造其巔，如是發心，名之為真。有罪不懺，有過不除，內濁外清，始勤終怠，雖有好心，多為名利之所夾雜；雖有善法，復為罪業之所染污，如是發心，名之為偽。眾生界盡，我願方盡，菩提道成，我願方成。如是發心，名之為大。觀三界如牢獄，視生死如怨家，但期自度，不欲度人，如是發心，名之為小。

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Âm Hán Việt:

Niệm niệm thượng cầu Phật đạo, tâm tâm hạ hóa chúng sanh, văn Phật đạo trường viễn, bất sanh thối khiếp, quán chúng sanh nan độ, bất sanh yếm quyện, như đặng vạn nhẫn chi sơn, tất cùng kỳ đảnh, như thượng cửu tầng chi tháp, tất tháo kỳ điên. Như thị phát tâm, danh chi vi chân.

Hữu tội bất sám, hữu quá bất trừ, nội trước ngoài thanh, thủy cần chung đãi, tuy hữu hảo tâm, đa vị danh lợi chi sở giáp tạp, tuy hữu thiện pháp, phục vi tội nghiệp chi sở nhiễm ô. Như thị phát tâm, danh chi vi ngục. Chúng sanh giới tận, ngã nguyện phương tận, Bồ-đề đạo thành, ngã nguyện phương thành. Như thị phát tâm, danh chi vi đại. Quán tam giới như lao ngục, thị sanh tử như oán gia, đản kỳ tự độ, bất dục độ nhân, như thị phát tâm, danh chi vi tiểu.

Dịch:

Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh, nghe con đường thành Phật lâu xa cũng không sanh tâm thối chí khiếp sợ, thấy chúng sanh khó độ mà không chán nản mệt mỏi, như leo núi cao vạn trượng cũng quyết trèo lên tận đỉnh, như lên tháp chín tầng cũng cố lên cho đến tột nóc, phát tâm như vậy gọi là Chân.

Có tội không sám hối, có lỗi không bỏ trừ, trong trước ngoài thanh, trước siêng năng sau biếng lười, dù có tâm tốt phần lớn đều bị danh lợi xen lẫn, dù tu thiện pháp phần nhiều cũng bị nghiệp tội nhiễm ô, phát tâm như vậy gọi là Ngục. Chúng sanh độ hết, nguyện ta mới hết; đạo Bồ-đề thành, nguyện ta mới

thành, phát tâm như vậy gọi là Đại. Xét xem ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia, chỉ mong tự độ, không muốn độ người, phát tâm như vậy gọi là Tiểu.

Giảng:

Phần trên Đại sư Tĩnh Am đã giảng về “tà chánh,” bây giờ Ngài giảng về “chân ngụy.” **Niệm niệm thượng cầu Phật đạo:** Đây là nói niệm niệm không quên, tâm tâm niệm niệm, không nghĩ điều gì khác, chỉ nghĩ đến việc, trên cầu Phật đạo, là mong cầu thành Phật. **Tâm tâm hạ hóa chúng sanh:** Muốn thành Phật thì cần phải lập công. Quý vị chớ tưởng là không có một chút công lao gì cũng có thể thành Phật. Vậy thì như thế nào mới có thể thành Phật được? Là cần phải lập công bồi đức. Mà lập công bồi đức ở đâu? Tức là giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh bỏ tà quy chánh, bỏ vọng quy chân. Nếu có thể khiến cho chúng sanh giác ngộ, đó là chúng ta đã lập được công đức trong Phật giáo.

Văn Phật đạo trường viễn, bất sanh thối khiếp: Nhưng thành Phật không phải là chuyện dễ, vì Phật đạo là con đường rất lâu dài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. A-tăng-kỳ là Phạn ngữ, dịch là “Vô lượng số.” Ba A-tăng-kỳ kiếp là ba vô lượng số; không những là ba vô lượng số, mà còn là ba cái đại của vô lượng số. Cho nên gọi là ba đại tăng-kỳ kiếp.

Vậy khi nhìn thấy thời gian lâu dài như thế, thì “vọng dương hưng thán,” là nhìn thấy biển lớn quá rồi than thở, sanh lòng sợ hãi, nói: “Ôi thôi! Thời gian lâu dài như thế, thì tôi làm sao mà tu hành cho được!”

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Như khi tụng kinh, chúng ta nói: “A! Bộ kinh này dài quá, mình phải tụng cho đến khi nào mới hết và biết đến bao giờ mới học thuộc nổi!” Đây đều là tâm thối chí khiếp sợ. Phát đạo tuy lâu dài, nhưng quý vị cũng không nên sanh tâm thối lui sợ sệt, mà nên dũng mãnh tinh tấn, hướng về phía trước - trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, lúc nào cũng không quên bốn phận tu hành của mình.

Quán chúng sanh nan độ, bất sanh yếm quyết: Chúng sanh thì rất khó độ. Quý vị bảo họ bỏ tật xấu, họ chẳng những không bỏ được mà còn tăng thêm những tật khác nữa. Quý vị xem! Chúng sanh thì kỳ quái như thế. Quý vị muốn độ họ, mà họ cứ khăng khăng không chấp nhận sự hóa độ của quý vị, thật là không dễ gì. Nhưng nếu quý vị thấy khó độ như vậy rồi sanh tâm chán nản mệt mỏi, thì đó không phải là chân tâm!

Nếu quý vị không thấy chán nản mệt mỏi, thì giống như gì? **Như đằng vạn nhãn chi sơn, tất cùng kỳ đỉnh:** Tức giống như leo núi cao vạn trượng mình cũng nhất quyết trèo lên đến tận đỉnh. Vạn nhãn, có thể nói là vạn dặm, cũng có thể nói là vạn trượng. Tóm lại là leo lên ngọn núi rất cao. **Như thượng cửu tầng chi tháp, tất tháo kỳ diên:** Cũng giống như cả tòa bảo tháp cao chín tầng, quý vị cũng quyết chí lên đến tận đỉnh.

Như thị phát tâm, danh chi vi chân: Phát tâm như thế, không tự vạch mức tới đích, không bỏ cuộc nửa đường mà có thủy có chung, đó gọi là chân chánh phát Bồ-đề tâm.

Sao gọi là ngại? **Hữu tội bất sám:** Là người ấy vốn có tội, lại giấu giếm, không phát lồ sám hối với đại chúng, không thành thật với mọi người. **Hữu quá bất trừ:** Tức rõ ràng biết

mình là sai trái, có tật xấu, lại nói bướng: “Than ôi! Tôi không có cách gì sửa cho được, vì đây là tập khí khi sanh ra tôi đã có rồi.” Và không muốn dẹp trừ những lỗi lầm ấy. **Nội trước ngoại thanh:** Bên trong đều là tật đổ chướng ngại, si tâm vọng tưởng, tham sân si mạn nghi v.v... Bên ngoài thì “sắc trang giả hồ,” giả bộ ra dáng điệu thanh cao. **Thủy cần chung đãi:** Khi mới xuất gia thì tu hành rất siêng năng, tinh tấn, nhưng rốt cuộc có thủy mà không có chung, sau cùng là thả lỏng lơ là.

Tuy hữu hảo tâm, đa vị danh lợi chi sở giáp tạp: Tuy họ có tâm tốt, nhưng phần đông lại bị danh lợi xen lẫn. Tại sao họ muốn làm việc thiện? Vì muốn được tiếng tốt, tức là ngụy thiện, là làm toàn những việc gặt người. Cho nên nhứt cử nhứt động họ đều là vì danh lợi mà làm, chớ không phải thật sự vì Phật pháp.

Tuy hữu thiện pháp, phục vị tội nghiệp chi sở nhiễm ô: Tuy Phật pháp là rất thiện, nhưng họ vẫn ở trong thiện pháp đó mà làm những việc dâm dục hay làm những việc không dám công khai với người. Như hiện nay có một tôn phái nọ, các thành viên trong đó buông thả theo dục lạc, lộn xộn lãng nhăng khắp nơi, rồi còn nói rằng: “Tôn phái của chúng tôi phải là như thế.” Thật là hại chết người không! Vậy mà có một số người vô tri lại nghe theo, rồi nói: “Thật là pháp môn tối bí mật đấy!” Như vậy cũng như là người mù dẫn kẻ đui. Đó tức là nhiễm ô!

Như thị phát tâm, danh chi vi ngụy: Người phát tâm như thế chính là Ngụy.

Thế nào gọi là đại? **Chúng sanh giới tận, ngã nguyện phương tận:** Chúng sanh giới tận có nghĩa là sẽ độ hết tất cả

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

chúng sanh như Bồ Tát Địa Tạng Vương đã thệ nguyện:

“*Địa ngục vị không thệ bất thành Phật; chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề,*” nghĩa là khi nào độ hết chúng sanh, hết phiền não thì nguyện của Ngài mới hết.

Bồ-đề đạo thành, ngã nguyện phương thành: Khi tu Bồ Đề giác đạo và Phật đạo tu thành công rồi, thì nguyện lực của ta như mới được thành tựu.

Như thị phát tâm, danh chi vi đại: Phát tâm Bồ-đề như thế thì không có gì lớn hơn như: “Chúng sanh độ hết, nguyện ta mới hết.” Đó là sự phát tâm của Bồ Tát. **Quán tam giới như lao ngục, thị sanh tử như oán gia:** Đây chính là tiểu thừa. Nhị thừa thì tự độ mình vì nhìn thấy ba cõi – dục giới, sắc giới, vô sắc giới khổ như lao tù; cũng như nhìn thấy sanh rồi lại sanh, chết rồi lại chết, sanh sanh tử tử, giống như đối đầu với oan gia. **Đãn kỳ tự độ, bất dục độ nhân:** Vì thế họ chỉ biết độ mình mà không muốn độ kẻ khác.

Như thị phát tâm, danh chi vi tiểu: Phát tâm Bồ-đề như thế gọi là Tiểu. Tiểu tức là tâm lượng quá nhỏ hẹp. Đại nghĩa là vô cùng rộng lớn, hết sức tinh vi. Trước kia tôi viết bài “Pháp giới tụng” cũng chính là biểu hiện cho Đại như sau:

*Pháp giới là thể có chi ngoài,
Hư không là dụng đều dung chứa.
Vạn vật bình đẳng là phân biệt,
Một niệm không sanh bất ngữ ngôn.*

Đó là tâm vĩ đại! Cho nên nói:

**Tánh tận nhân kỷ tham thiên địa,
Tâm đồng nhật nguyệt diệu dương xuân.**

Dịch:

*Tánh cùng mình, người bao trùm trời đất,
Tâm như nhật, nguyệt sáng soi trời xuân.*

Nếu xem tất cả vạn sự vạn vật đều là một, thì không còn gì để phân biệt hết.

Nguyên văn:

若於心外見有眾生，及以佛道，願度願成，功勳不忘，知見不泯，如是發心，名之爲偏。若知自性是眾生，故願度脫，自性是佛道，故願成就，不見一法，離心別有，以虛空之心，發虛空之願，行虛空之行，證虛空之果，亦無虛空之相可得，如是發心，名之爲圓。知此八種差別，則知審察；知審察，則知去取；知去取，則可發心。云何審察？謂我所發心，於此八中，爲邪爲正，爲真爲僞，爲大爲小，爲偏爲圓。云何去取？所謂去邪去僞，去小去偏，取正取真，取大取圓。如此發心，方得名爲真正發菩提心也。

Âm Hán Việt:

Nhược ư tâm ngoại kiến hữu chúng sanh, cập dĩ Phật đạo, nguyện độ nguyện thành, công huân bất vong, tri kiến bất mất, như thị phát tâm, danh chi vi thiên. Nhược tri tự tánh thị chúng sanh, cố nguyện độ thoát, tự tánh thị Phật đạo, cố nguyện thành tựu, bất kiến nhất pháp, ly tâm biệt hữu, dĩ hư không chi tâm, phát hư không chi nguyện, hành hư

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

không chi hạnh, chứng hư không chi quả, diệc vô hư không chi tướng khả đắc, như thị phát tâm, danh chi vi viên.

Tri thử bát chủng sai biệt, tắc tri thẩm sát, tri thẩm sát, tắc tri khứ thủ, tri khứ thủ, tắc khả phát tâm. Vân hà thẩm sát? Vị ngã sở phát tâm, ư thử bát trung, vi tà vi chánh, vi chân vi ngụy, vi đại vi tiểu, vi thiên vi viên. Vân hà khứ thủ? Sở vị khứ tà khứ ngụy, khứ tiểu khứ thiên, thủ chánh thủ chân, thủ đại thủ viên. Như thử phát tâm, phương đắc danh vi chân chánh phát Bồ-đề tâm dã.

Dịch:

*Nếu ngoài tâm thấy có chúng sanh nguyện độ, có Phật đạo nguyện thành, công phu không xả, tri kiến không trừ, phát tâm như vậy gọi là thiên. Nếu biết tự tánh là chúng sanh nên nguyện độ thoát, tự tánh là Phật đạo nên nguyện viên thành, không thấy một pháp nào lìa tâm mà riêng có, lấy cái tâm hư không phát cái nguyện như hư không, làm cái hạnh như hư không, chứng cái quả hư không, cũng không có cái tướng **hư không** có thể đắc được, phát tâm như vậy gọi là Viên.*

*Biết tám tướng trạng khác nhau trên đây là biết quán xét kỹ càng, biết quán xét kỹ càng thì biết **lấy bỏ**, biết **lấy bỏ** thì có thể phát tâm. Quán xét như thế nào? Là xem sự phát tâm của ta, trong tám tướng trạng trên đây, là tà hay chánh, chân hay ngụy, đại hay tiểu, thiên hay viên. **Lấy bỏ** như thế nào? Là bỏ tà, bỏ ngụy, bỏ tiểu, bỏ thiên; lấy chánh, lấy chân, lấy đại, lấy viên. Phát tâm như vậy mới được gọi là chân chánh phát Bồ-đề tâm.*

Giảng:

Nhược ư tâm ngoại kiến hữu chúng sanh, cập dĩ Phật đạo, nguyện độ nguyện thành: Nhược là giả thuyết. Ư là tại, nơi. Giả như ở bên ngoài tâm của mình, thấy có chúng sanh để độ, thấy có Phật đạo để thành, mình bèn nguyện độ thoát chúng sanh ở ngoài tâm, nguyện thành tựu Phật ở ngoài tâm. **Công huân bất vong:** Cho rằng độ chúng sanh thành Phật là có công đức nên thường không quên rồi cứ chấp trước vào những công đức đó mà luôn muốn thành Phật. **Tri kiến bất mẫn:** Mẫn là trừ bỏ đi. Đây nói, không thể diệt trừ tà tri tà kiến.

Như thị phát tâm, danh chi vi thiên: Phát tâm như thế là trong tâm thường chấp trước vào những điều như trên thì gọi là Thiên. Vì họ không hiểu rõ đạo lý nên vẫn còn thiên kiến.

Nhược tri tự tánh thị chúng sanh, cố nguyện độ thoát: Nếu biết tự tánh chính là chúng sanh và chúng sanh không lìa tự tánh, thì tất cả chúng sanh đều ở trong tự tánh. Nếu có thể nhìn thấu suốt được như thế, tức là tự tánh thế nguyện độ chúng sanh, tự tánh thế nguyện đoạn phiền não, tự tánh thế nguyện học các pháp môn và tự tánh thế nguyện thành Phật đạo. **Tự tánh thị Phật đạo, cố nguyện thành tựu:** Vì muốn thành tựu Phật đạo của tự tánh, cũng bởi Phật đạo không lìa tự tánh, cho nên mong muốn thành Phật. **Bất kiến nhất pháp, ly tâm biệt hữu:** Là không thấy có một pháp môn nào để chấp trước, vì vậy quý vị không nên chấp vào bất cứ một pháp nào. Nếu cảm thấy có pháp để học, thì đó là quý vị học pháp và cầu pháp ở ngoài tâm, tức là ngoại đạo.

Vậy thì phải làm sao? **Dĩ hư không chi tâm:** Là giống như hư không. **Phát hư không chi nguyện:** Quý vị nên phát nguyện

VẤN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

rộng lớn như hư không. **Hành hư không chi hạnh:** Và quý vị nên thực hành các hạnh nguyện của mình cũng phải giống như hư không vậy. **Chứng hư không chi quả:** Tức chứng đắc quả vị rộng lớn như hư không. **Diệt vô hư không chi tướng khả đắc:** Nhưng cũng không chấp trước là *hư không* có bất cứ hình tướng gì. Vì nếu còn chấp trước vào một hình tướng nào, thì đã là chấp trước. Cho nên **như thị phát tâm, danh chi vi viên:** Phát tâm như thế gọi là Viên.

Tri thử bát chủng sai biệt, tắc tri thẩm sát: Khi đã biết qua tám tướng trạng khác nhau này, chúng ta nên cẩn thận quán xét kỹ càng. **Tri thẩm sát, tắc tri khứ thủ, tri khứ thủ, tắc khả phát tâm:** Khi chúng ta quán xét kỹ càng rồi tức sẽ biết bỏ cái gì, giữ cái gì. Như vậy mới có thể phát tâm được.

Vân hà thẩm sát? Quán xét như thế nào? **Vị ngã sở phát tâm, ư thử bát trung:** Là xem sự phát tâm của ta thuộc về loại nào trong tám loại phát tâm này. **Vi tà vi chánh, vi chân vi ngụy, vi đại vi tiểu, vi thiên vi viên:** Là thuộc về tà hay là chánh? Là thuộc về chân hay ngụy? Là lớn hay nhỏ? Là thiên hay là viên? Hãy tự hỏi lấy mình. **Vân hà khứ thủ?** Sau khi quán sát kỹ càng, tức chúng ta sẽ biết rõ là nên bỏ cái gì và giữ cái gì? **Sở vị khứ tà khứ ngụy, khứ tiểu khứ thiên:** Tức là cần phải bỏ đi cái tà, cái ngụy, cái nhỏ, cái thiên. **Thủ chánh thủ chân, thủ đại thủ viên:** Cần nên giữ lại cái chánh, cái chân, cái đại và cái viên.

Như thử phát tâm, phương đắc danh vi chân chánh phát Bồ-đề tâm dã: Nếu phát được tâm như thế, quý vị mới thật sự hiểu rõ thế nào là sự phát Bồ-đề tâm và sau này mới viên mãn được Bồ-đề nguyện rộng lớn như hư không.



II. PHẦN CHÁNH TÔNG

1. NHỚ ƠN NẶNG CỦA PHẬT
2. NHỚ ƠN CHA MẸ
3. NHỚ ƠN SƯ TRƯỞNG
4. NHỚ ƠN THÍ CHỦ
5. NHỚ ƠN CHÚNG SANH
6. NHỚ SANH TỬ KHỔ
7. TÔN TRỌNG LINH TÁNH
CỦA MÌNH
8. SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG
9. CẦU SANH TỊNH ĐỘ
10. LÀM CHO CHÁNH PHÁP
TỒN TẠI LÂU DÀI



II. PHẦN CHÁNH TÔNG

Nguyên văn:

此菩提心，諸善中王，必有因緣，方得發起。今言因緣，略有十種。何等爲十？一者念佛重恩故；二者念父母恩故；三者念師長恩故；四者念施主恩故，五者念眾生恩故，六者念生死苦故，七者尊重己靈故，八者懺悔業障故，九者求生淨土故，十者爲念正法得久住故。

Âm Hán Việt:

Thử Bồ đề tâm, chư thiện trung vương, tất hữu nhân duyên, phương đắc phát khởi. Kim ngôn nhân duyên, lược hữu thập chủng. Hà đẳng vi thập? Nhất giả niệm Phật trọng ân cố, nhị giả niệm phụ mẫu ân cố, tam giả niệm sư trưởng ân cố, tứ giả niệm thí chủ ân cố, ngũ giả niệm chúng sanh ân cố, lục giả niệm sanh tử khổ cố, thất giả tôn trọng kỷ linh cố, bát giả sám hối nghiệp chướng cố, cửu giả cầu sanh Tịnh-độ cố, thập giả vị niệm chánh pháp đắc cử trụ cố.

Dịch:

Tâm Bồ-đề này là vua trong các pháp lành, phải có nhân duyên mới phát khởi được. Nhân duyên ấy, nay nói tóm lược thì có mười thứ: Một, là nhớ ơn sâu nặng của Đức Phật, Hai là nhớ ơn

cha mẹ, Ba là nhớ ơn sư trưởng, Bốn là nhớ ơn thí chủ, Năm là nhớ ơn chúng sanh, Sáu là nhớ khổ sanh tử, Bảy là vì tôn trọng linh tánh của mình, Tám là sám hối nghiệp chướng, Chín là cầu sanh Tịnh-độ, Mười là vì muốn làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài.

Giảng:

Thử Bồ-đề tâm, chư thiện trung vương: Tâm Bồ-đề này, là tâm trí huệ mà mọi người chúng ta đang tìm cầu. Bồ-đề là giác đạo, giác đạo thì trái ngược với không giác đạo. Chúng ta là chúng sanh nên không giác. Nhưng khi giác rồi thì sẽ phát Bồ-đề tâm, còn nếu không giác thì sẽ không biết phát tâm Bồ-đề. Tâm Bồ-đề này là Vua trong các pháp lành. Bất luận chúng ta có làm việc lành nào đi nữa, cũng không quan trọng bằng việc phát tâm Bồ-đề. Vậy thì phát tâm Bồ-đề, nhất định phải có nhân duyên mới phát khởi được, cho nên nói **tất hữu nhân duyên, phương đắc phát khởi:** Nhân là nhân của hạt giống, duyên là trợ duyên giúp đỡ tâm Bồ-đề. Nhân là chánh nhân quan trọng, duyên là trợ duyên giúp đỡ cho chánh nhân này phát triển.

Tại sao cần phải phát Bồ-đề tâm? **Kim ngôn nhân duyên, lược hữu thập chủng:** Nay nói nhân duyên ấy có mười thứ. **Hà đẳng vi thập:** Mười thứ nhân duyên ấy là gì?

Nhất giả niệm Phật trọng ân cố: Chúng sanh không biết ân đức từ bi hỷ xả của Đức Phật đối với chúng ta ra sao? Ân đức này không có cách chi hình dung ra được, cũng không có ngôn ngữ nào để diễn tả cho hết. Vì thế ân này là tối “trọng” là sâu nặng nhất. Đức Phật đã tu phước huệ trong ba tăng-kỳ

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

kiếp và vun trồng các tướng tốt trong trăm kiếp cũng chỉ là muốn cứu độ chúng ta, những chúng sanh hiện tiền được ly khổ đặc lạc. Cho nên tự bản thân Phật làm gương tu hành trước, rồi trải qua các thử thách cực gian nan, đủ thứ cảnh giới không thể nhẫn, khó chịu đựng được, mà Ngài vẫn nhẫn chịu để cứu độ chúng sanh. Do đó ân đức của Phật là sâu nặng nhất.

Nhị giả niệm phụ mẫu ân cố: Ân đức của Phật không dễ chi đáp đền cho nên chúng ta cần phải phát Bồ-đề tâm để đền đáp công ân Phật. Còn cha mẹ đối với chúng ta cũng có ân đức sâu dày. Bởi cha mẹ sanh ra ta, mười tháng cưu mang, ba năm bú mớm, sau đó lại nuôi dưỡng chúng ta lớn lên thành người. Đó cũng là trọng ân không dễ gì báo đáp.

Tam giả niệm sư trưởng ân cố: Ân đức thứ ba chính là phải nhớ ơn Sư trưởng. Sư là những bậc Thầy mà chúng ta theo học Phật pháp hầu khai mở trí huệ. Thầy từ từ dẫn dắt, dạy dỗ chỉ bảo chúng ta, ân này chúng ta cũng cần phải báo đền.

Tứ giả niệm thí chủ ân cố: Thí chủ là những người hộ pháp. Chúng ta xuất gia tu hành, được thí chủ hộ trì, trợ giúp cho chúng ta tu đạo, nên cũng là ơn nặng. Nếu chúng ta không phát tâm Bồ-đề thì khó mà đáp trả được ân này. Như câu nói: **“Tam tâm bất liễu thủy nan tiêu”** nghĩa là nếu không quét sạch ba tâm thì dù có uống một hớp nước của thí chủ cũng không dễ gì tiêu cho được. Cho nên nhân duyên thứ bốn là phải nhớ ân thí chủ.

Ngũ giả niệm chúng sanh ân cố: Chúng sanh đối với ta cũng đều có ân nghĩa. Tất cả chúng sanh đều có mối quan hệ với chúng ta, cho nên chúng ta cũng cần phải báo ân.

Lục giả niệm sanh tử khổ cố: Thứ sáu là nhớ khổ sanh tử nên chúng ta cũng cần phải phát Bồ-đề tâm.

Thất giả tôn trọng kỷ linh cố: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có thể làm Phật. Vậy đã có Phật tánh thì nên phát tâm Bồ-đề để Phật tánh của chúng ta được thành tựu một cách viên mãn. Cho nên chúng ta cũng cần phải tôn trọng giác tánh linh minh vốn có của mình.

Bát giả sám hối nghiệp chướng cố: Nhân duyên thứ tám của sự phát Bồ-đề tâm là chúng ta phải sám hối nghiệp chướng, khiến cho nghiệp chướng của mình được tiêu trừ.

Cửu giả cầu sanh Tịnh-độ cố: Cầu sanh thế giới Tây phương Cực Lạc và được gặp Đức Phật A Di Đà.

Thập giả vị niệm chánh pháp đắc cử trụ cố: Chúng ta phát tâm Bồ-đề tu đạo, lại có thể tu hành chân chánh thì chánh pháp sẽ tồn tại lâu dài. Còn nếu không phát tâm Bồ-đề tu hành học đạo, thì chánh pháp sẽ không trụ thế lâu được.

Có mười loại nhân duyên như thế, cho nên bất luận là người nào cũng nên phát Bồ-đề tâm, khiến cho tâm Bồ-đề phát sanh. Không nên cho rằng chúng ta tu hay không tu, không có liên can gì đến người khác. Thật ra chúng ta cùng với khắp cả thế giới đều có mối quan hệ với nhau. Vì vậy nếu chúng ta phát tâm Bồ-đề, thì Phật pháp sẽ tồn tại lâu dài trên thế gian này và nếu không phát Bồ-đề tâm thì Phật pháp sẽ biến mất đi.



1. NHỚ ƠN NẶNG CỦA PHẬT

Nguyên văn:

云何念佛重恩？謂我釋迦如來最初發心，爲我等故，行菩薩道，經無量劫，備受諸苦。我造業時，佛則哀憐，方便教化；而我愚癡，不知信受。我墮地獄，佛復悲痛，欲代我苦；而我業重，不能救拔。我生人道，佛以方便，令種善根；世世生生，隨逐於我，心無暫捨。佛初出世，我尚沈淪；今得人身，佛已滅度。何罪而生末法？何福而預出家？何障而不見金身？何幸而躬逢舍利？如是思惟，向使不種善根，何以得聞佛法！不聞佛法，焉知常受佛恩！此恩此德，丘山難喻。自非發廣大心，行菩薩道，建立佛法，救度眾生，縱使粉骨碎身，豈能酬答！是爲發菩提心第一因緣也。

Âm Hán Việt:

Vân hà niệm Phật trọng ân? Vị ngã Thích Ca Như Lai tối sơ phát tâm, vị ngã đặng cố, hành Bồ Tát đạo, kinh vô lượng kiếp, bị thọ chư khổ. Ngã tạo nghiệp thời, Phật tác ai lân, phương tiện giáo hóa, nhi ngã ngu si, bất tri tín thọ. Ngã đọa địa ngục, Phật phục bi thống, dục đại ngã khổ, nhi ngã nghiệp trọng, bất năng cứu bạt. Ngã sanh nhân đạo, Phật dĩ phương tiện, linh chủng thiện căn. Thế thế sanh sanh,

tùy trực ư ngã, tâm vô tạm xả. Phật sơ xuất thế, ngã thượng trầm luân, kim đắc nhân thân, Phật dĩ diệt độ. Hà tội nhi sanh mạng pháp? Hà phước nhi dự xuất gia? Hà chướng nhi bất kiến kim thân? Hà hạnh nhi cung phùng Xá lợi? Như thị tư duy, hướng sử bất chủng thiện căn, hà dĩ đắc văn Phật pháp! Bất văn Phật pháp, yên tri thường thọ Phật ân! Thử ân thử đức, khâu sơn nan dụ! Tự phi phát quang đại tâm, hành Bồ Tát đạo, kiến lập Phật pháp, cứu độ chúng sanh, túng sử phần cốt toái thân, khởi năng thù đáp! Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ nhất nhân duyên dã.

Dịch:

Thế nào là nhớ ơn nặng của Phật? Phật Thích Ca Như Lai của chúng ta, lúc mới phát tâm, đã vì chúng ta mà tu Bồ-tát đạo, trải qua vô lượng kiếp chịu đủ các thử khổ cực. Khi ta tạo nghiệp, Đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không chịu tin theo. Ta dọa dẫm ngục, Phật càng thương xót, muốn thay ta chịu khổ nhưng vì nghiệp ta quá nặng nên không thể cứu vớt. Ta sinh làm người, Phật dùng phương tiện khiến cho ta gieo trồng căn lành.

Đời đời kiếp kiếp, Phật luôn theo ta, lòng Ngài không tạm rời bỏ. Khi Phật xuất thế ta còn trầm luân; nay ta được thân người, Phật đã diệt độ. Tội lỗi gì mà sinh vào thời mạng pháp? Phước đức nào lại được dự vào hàng ngũ xuất gia? Nghiệp chướng gì mà không thấy được thân sắc vàng của Phật? May mắn nào lại được cung nghinh xá lợi của Ngài? Suy nghĩ như vậy mới thấy, nếu đời quá khứ không gieo trồng căn lành thì làm sao nghe được Phật pháp. Không nghe Phật pháp thì làm

PHẦN CHÁNH TÔNG

sao biết là hằng thường thọ ân đức của Phật? Ân đức này, núi non cũng khó sánh bằng. Nếu ta không phát tâm quảng đại, hành Bồ Tát đạo, xây dựng hộ trì Phật pháp, cứu độ chúng sanh, thì dù cho thịt nát xương tan cũng không thể đền đáp được ân Phật. Đó là nhân duyên thứ nhất của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Vấn hà niệm Phật trọng ân? Phần trên đã sơ lược về nhân duyên thứ nhất tức nói về ý nghĩa của sự nhớ ơn sâu nặng của Phật. Dưới đây sẽ giải thích rõ: Vì sao gọi là nhớ ơn sâu dày của Ngài?

Vị ngã Thích Ca Như Lai tối sơ phát tâm, vị ngã đẳng cố, hành Bồ Tát đạo: Vị là nói, là những điều được nói. Nói cái chi? Nguyên nhân ban đầu mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni của chúng ta phát tâm Bồ-đề là gì? Chính là muốn cứu độ chúng ta, những chúng sanh hiện đời, nên Ngài mới hành Bồ Tát đạo. Hành Bồ Tát đạo tức là muốn làm lợi cho người. Đời đời kiếp kiếp Ngài đều làm lợi ích cho người.

Kinh vô lượng kiếp, bị thọ chư khổ: Là trải qua thời gian dài đằng đằng vô lượng vô biên số kiếp, nhiều không kể xiết. Trong thời gian ba đại tăng-kỳ kiếp tu phước tu huệ, mọi thứ khổ cực đắng cay gì Ngài cũng chịu đựng hết.

Ngã tạo nghiệp thời: Là khi chúng ta tạo nghiệp, **Phật tác ai lân, phương tiện giáo hóa:** Vì Phật thương xót chúng sanh, cho nên đức Phật muốn thay chúng sanh mà chịu khổ. Ngài muốn đem cái khổ của chúng sanh làm cái khổ của mình. Đối với nghiệp mà chúng ta đã tạo, Phật đều thương xót tha thứ hết. Ngài dùng đủ mọi thứ phương tiện quyền xảo và dẫn

chứng các thí dụ thật rõ ràng để giáo hóa chúng ta, khiến cho chúng ta sửa ác làm lành, làm lại cuộc đời mới và phát Bồ-đề tâm.

Nhi ngã ngu si, bất tri tín thọ: Phật từ bi như thế, mà chúng ta lại quá ngu si, đại khờ, không hiểu rõ ân đức của Phật, nên nói là không biết tiếp nhận sự giáo hóa của Ngài.

Ngã đọa địa ngục: Khi ta mới đọa địa ngục, **Phật phục bi thống, dục đại ngã khổ:** Phật nhìn thấy chúng sanh bị đọa địa ngục Ngài cảm thấy giống như chính mình đọa địa ngục, cũng chịu sự đau khổ bi thương không khác. Cho nên Ngài nguyện xuống địa ngục để thay chúng ta chịu khổ. **Nhi ngã nghiệp trọng, bất năng cứu bạt:** Nhưng vì nghiệp chướng của chúng ta quá nặng nề, thậm chí ngay cả Đức Phật cũng không cứu đặng.

Ngã sanh nhân đạo: Nhưng Đức Phật dùng đủ mọi cách để cứu độ chúng ta ra khỏi địa ngục. Nhờ vậy, chúng ta nay còn được sanh vào cõi người. **Phật dĩ phương tiện, linh chủng thiện căn:** Bấy giờ Phật lại dùng nhiều pháp môn phương tiện quyền xảo để dạy bảo cho chúng ta biết gieo trồng thiện căn.

Thế thế sanh sanh, tùy trục ư ngã, tâm vô tàm xá: Trong kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ Tát vì giáo hóa một chúng sanh, nên khi chúng sanh đó đọa vào địa ngục, Bồ Tát cũng theo vào địa ngục; chúng sanh vào cõi súc sanh, Bồ Tát cũng theo làm súc sanh; chúng sanh chuyển vào đường ngạ quỷ, Bồ Tát cũng làm ngạ quỷ, hầu ảnh hưởng những chúng sanh đó phát tâm Bồ-đề tu hành theo. Khi chúng sanh được làm người trở lại, Bồ Tát cũng theo chúng sanh làm người. Ngài vẫn theo chúng ta và tâm Ngài không rời bỏ chúng ta một giây khắc nào cả.

PHẦN CHÁNH TÔNG

Phật sơ xuất thế, ngã thượng trầm luân: Thượng có nghĩa là vẫn còn. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mới xuất thế, thì ta vẫn còn trầm luân ở địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

Kim đắc nhân thân, Phật dĩ diệt độ: Nay chúng ta nương nhờ oai đức của Phật mà được làm người nhưng Ngài đã nhập Niết-bàn.

Hà tội nhi sanh mạng pháp? Phải chăng chúng ta nhất định có tội rất lớn, nên mới sanh vào thời mạng pháp? Nếu không phải có tội lớn như thế, lẽ ra chúng ta đã gặp Phật và được nghe pháp rồi.

Hà phước nhi dự xuất gia? Nhưng sao ngày nay chúng ta lại được xuất gia? Bài “Văn Khuyển Phát Bồ Đề Tâm” này là nói cho người xuất gia, cho nên chúng ta rất là có phước. Tuy chúng ta có tội nhưng cũng là có phước và vì nhờ phước đó, nên hôm nay chúng ta mới được xuất gia.

Hà chướng nhi bất kiến kim thân? Hiện nay chúng ta có nghiệp chướng gì mà không nhìn thấy thân sắc vàng của Phật? **Hà hạnh nhi cung phùng Xá lợi?** Nhờ có sự may mắn nào đã khiến chúng ta nhìn thấy được Xá-lợi của Phật ở trong thời mạng pháp đây?

Như thị tư duy, hướng sử bất chủng thiện căn, hà dĩ đắc văn Phật pháp! Hướng là xưa kia. Chúng ta thường nghĩ như thế này: Nếu xưa kia, trong kiếp quá khứ mình đã không gieo trồng căn lành thì nhất định ngày nay mình sẽ không thể nào nghe được Phật pháp.

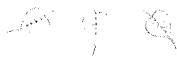
Bất văn Phật pháp, yên tri thường thọ Phật ân! Nếu chúng ta không nghe được Phật pháp và không hiểu được Phật pháp, thì bao ân đức lớn lao của Phật đối với chúng ta, chúng

ta cũng không thể nào biết được.

Thử ân thử đức, khâu sơn nan dụ! Ân sâu đức lớn của Phật đối với chúng ta, dù cho núi cao cũng không sánh nổi; dù cho biển cả cũng không sâu bằng.

Tự phi phát quang đại tâm, hành Bồ Tát đạo. Kiến lập Phật pháp, cứu độ chúng sanh. Túng sử phấn cốt toái thân, khởi năng thù đáp! Vì ân đức của Phật đối với chúng ta lớn lao như thế, nếu chúng ta không phát tâm quang đại, hành Bồ Tát đạo, không hoằng dương Phật pháp, không xây dựng Phật pháp và không hộ trì chánh pháp, thì dù có tan xương nát thịt cũng không thể nào đền đáp được ân đức của Ngài.

Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ nhất nhân duyên dã: Vì thế nhân duyên thứ nhất trong mười nhân duyên cần phải phát Bồ-đề tâm là tưởng nhớ ân đức sâu dày của Đức Phật.



2. NHỚ ƠN CHA MẸ

Nguyên văn:

云何念父母恩？哀哀父母，生我劬勞。十月三年，懷胎乳哺；推乾去溼，嚙苦吐甘，才得成人。指望紹繼門風，供奉祭祀。今我等既已出家，濫稱釋子，忝號沙門。甘旨不供，祭掃不給。生不能養其口體，死不能導其神靈。於世間則爲大損，於出世又無實益，兩途既失，重罪難逃。如是思惟，惟有百劫千生，常行佛道，十方三世，普度衆生。則不惟一生父母，乃至生生父母，俱蒙拔濟。不惟一人父母，乃至人人父母，盡可超升。是爲發菩提心第二因緣也。

Âm Hán Việt:

Vân hà niệm phụ mẫu ân? Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao, thập nguyệt tam niên, hoài thai nũ bộ; thòi can khứ thấp, yển khổ thổ cam, tài đắc thành nhân, chỉ vọng thiệu kế môn phong, cung thừa tế tự. Kim ngã đẵng ký dĩ xuất gia, lạm xưng Thích tử, thiểm hiệu Sa môn. Cam chỉ bất cung, tế tảo bất cấp, sanh bất năng dưỡng kỳ khẩu thể, tử bất năng đạo kỳ thân linh. Ư thế gian tắc vi đại tổn, ư xuất thế hựu vô thật ích, lưỡng đồ ký thất, trọng tội nan đào. Như thị tư duy, duy hữu bách kiếp thiên sanh, thường hành

Phật đạo, thập phương tam thế, phổ độ chúng sanh. Tác bất duy nhất sanh phụ mẫu, nãi chí sanh sanh phụ mẫu, câu mônng bặt tế. Bất duy nhất nhân phụ mẫu, nãi chí nhân nhân phụ mẫu, tận khả siêu thăng. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ nhị nhân duyên dã.

Dịch:

Thế nào là nhớ ơn cha mẹ? Thương thay cha mẹ sinh ta khó nhọc, mười tháng mang thai, ba năm bú mớm, nhường khô nằm ướt, nuốt đắng nhả ngọt, mới được nên người, mong ta tiếp nối gia phong, lo phần tế tự. Mà nay ta đã xuất gia, làm xưng Thích tử, hổ danh Sa-môn, đồ ngon món ngọt đã không phụng dưỡng, cúng tế tảo mộ tổ tiên càng không chu toàn.

Lúc cha mẹ còn sống, ta đã không thể nuôi dưỡng, khi cha mẹ qua đời, ta lại không thể hướng dẫn thần thức. Đối với thế gian là sự tổn lớn, đối với xuất thế lại không ích lợi chi. Hai đường đều tổn, tội nặng khó thoát. Suy nghĩ như thế, chỉ có cách, trong trăm đời ngàn kiếp thường hành Phật đạo, mười phương ba đời phổ độ chúng sanh. Được vậy thì không phải chỉ cha mẹ một đời, mà song thân nhiều kiếp đều được siêu thoát; không những chỉ cha mẹ một người, mà cha mẹ của tất cả mọi người cũng được siêu thăng. Đó là nhân duyên thứ hai của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Vân hà niệm phụ mẫu ân? Ở trên đã nhắc qua về ân đức của cha mẹ, bây giờ là phần giải thích.

Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao: Đây nói, chúng ta thường

PHẦN CHÁNH TÔNG

có lòng thương nhớ cha mẹ. Nhớ công ơn cha mẹ sanh ta khó nhọc, chính là câu trong cuốn Thi Kinh: “Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao ... dục báo chi đức, hạo thiên vông cực.” Có nghĩa là “*Thương thay cha mẹ, sinh ta khó nhọc, muốn báo ân đức của cha mẹ, nhưng ân đức này như trời cao bể rộng thật khó đáp đền.*” **Thập nguyệt tam niên, hoài thai nhũ bộ:** Nếu nói mười tháng mang thai, ba năm bú mớm thì không hay, nên nói “mười tháng ba năm, mang thai bú mớm.”

Thôi can khứ thấp: Ta được đời từ chỗ ướt đến chỗ khô, chứ không phải bị đẩy ra khỏi chỗ khô. Điều này rất đơn giản, không có cách giảng nào đặc biệt hơn - tình cảnh của người mẹ nuôi nấng con thơ, là mẹ nhường chỗ khô cho con, còn tự mình thì nằm chỗ ướt như thế. **Yến khổ thổ cam, tài đắc thành nhân:** Nhờ mẹ nuốt đắng, nhả ngọt mà ta mới được nên người. Nuốt đắng là có gì đắng cay, hoặc có chi khó khọc mẹ đều nhẫn chịu. Nhả ngọt tức có gì ngon ngọt thì mẹ nhường hết cho con. Do được mẹ tận tâm tận lực nuôi dưỡng con thơ như thế, con thơ mới được lớn lên thành người. **Chỉ vọng thiệu kế môn phong, cung thừa tế tự:** Sanh dưỡng con cái là vì hy vọng có người tiếp nối dòng họ, nối dõi tông đường và sau này lo việc cúng tế tổ tiên để không dứt đoạn phần hương khói. Chỉ vọng là trông mong hy vọng. Thiệu là tiếp tục cũng giống như thiệu long Phật chủng, tức tiếp nối dòng giống của Phật một cách rạn rờ. Thiệu có nghĩa là tiếp tục, kế tiếp. Kế là làm cho nối tiếp không để gián đoạn. Môn phong là phong thái, nề nếp gia đình.

Kim ngã đẳng ký dĩ xuất gia, lạm xưng Thích tử: Nhưng

nay ta đã xuất gia rồi, mà cũng không màng đến việc có đủ tư cách làm con Phật hay không, lại lạm vu sung số,⁽²⁾ trà trộn vào, nói rằng: “A! Mình cũng là đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy.” **Thiếu hiệu Sa môn:** Thiếu là không biết tầm quý, không biết xấu hổ. Nghĩa là Ngài khiêm nhường nói: Tôi không đủ tư cách, không đáng làm Sa môn, nhưng tôi cũng giả danh, lẫn lộn vào để cũng được gọi là Sa môn. Sa môn là Tỷ Kheo, dịch là Cần Túc, có nghĩa là **cần** tu giới định huệ, **túc** diệt trừ tham sân si.

Cam chỉ bất cung, tế tảo bất cấp: Đối với cha mẹ, chúng ta không chút dưỡng nuôi, không hết lòng phụng dưỡng. Đến khi cha mẹ qua đời, lại không tế bái tảo mộ, cũng không lo phần cúng giỗ. **Sanh bất năng dưỡng kỳ khẩu thể, tử bất năng đạo kỳ thân linh:** Khi cha mẹ còn sống, ta đã không thể phụng dưỡng. Sau khi cha mẹ qua đời, ta cũng không thể dẫn dắt thần thức của cha mẹ đến nơi an lạc.

Ư thế gian tác vi đại tổn, ư xuất thế hựu vô thật ích: Đối với thế gian pháp, về phương diện xã hội mà nói, thì đây là một

(2) Lạm vu sung số: Vu là một loại nhạc khí. Thời Chiến Quốc, Tề Tuyên vương thích nghe hợp xướng kèn vu, mỗi khi nghe thổi kèn vu thì ra lệnh 300 người cùng thổi một lượt. Xứ sĩ Nam Quách xin thổi cho vua nghe, Tuyên vương rất vui và cấp lương thực nông hậu cho Nam Quách cùng cả ban nhạc. Sau khi Tuyên vương mất, Mẫn vương kế vị, chỉ thích nghe kèn độc tấu. Sau khi ban lệnh, từng người trong ban nhạc đến thổi cho vua nghe, còn Nam Quách trốn mất. Thì ra Nam Quách không biết thổi kèn, chỉ cầm kèn đứng lẫn trong 300 người đó. Dùng Lạm vu sung số để ngụ ý cho những người không có tài cán chi mà trộn vào số người tài để kiếm danh lợi.

PHẦN CHÁNH TÔNG

tổn thất lớn cho cha mẹ. Khi chúng ta xuất thế tu hành cũng không thành công, lại càng không giúp ích gì cho cha mẹ.

Lưỡng đồ ký thất, trọng tội nan đào: Lưỡng đồ tức là hai đường sanh và tử. Khi cha mẹ còn sống, ta không phụng dưỡng, khi cha mẹ chết, ta cũng không cúng tế. Sau khi xuất gia lại không màng đến cha mẹ ở nhà. Cho nên chúng ta đều gây tổn thất lớn cho cha mẹ về cả hai phương diện sanh và tử tức có tội rất nặng. Do đó chúng ta thật khó tránh khỏi mang tội nặng như vậy.

Như thị tư duy: Suy nghĩ như thế, chúng ta phải nên làm sao? **Duy hữu bách kiếp thiên sanh, thường hành Phật đạo:** Chỉ có cách **thập phương tam thế, phổ độ chúng sanh:** Trong trăm đời ngàn kiếp cần phải tu hành và thường y theo Phật pháp. Không chỉ ở mười phương mà trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, đều phải độ khắp hết tất cả chúng sanh. Có vậy mới có thể báo đáp ân sâu của cha mẹ. **Tắc bất duy nhất sanh phụ mẫu, nãi chí sanh sanh phụ mẫu, câu mônng bặt tể:** Không những cha mẹ một đời mà cha mẹ đời đời kiếp kiếp đều được độ thoát. **Bất duy nhất nhân phụ mẫu, nãi chí nhân nhân phụ mẫu, tận khả siêu thăng:** Không những cha mẹ của một người, mà cha mẹ của mọi người đều được sanh thiên. Nếu như chúng ta tu hành chân chánh thì “một người con tu đắc đạo, cứu huyền thất tổ siêu thăng.” Cho nên chúng ta cần phải dụng công tu hành, thì không những cha mẹ đời đời kiếp kiếp của chúng ta trong thời quá khứ, mà cho đến song thân của mọi người, chúng ta cũng đều độ cho họ được siêu thăng.

Thị vi phát Bồ đề tâm đệ nhị nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ hai của sự phát Bồ-đề tâm.



3. NHỚ ƠN SƯ TRƯỞNG

Nguyên văn:

云何念師長恩？父母雖能生育我身，若無世間師長，則不知禮義；若無出世師長，則不解佛法。

Âm Hán Việt:

Vân hà niệm sư trưởng ân? Phụ mẫu tuy năng sanh dục ngã thân, nhược vô thế gian Sư trưởng, tắc bất tri lễ nghĩa; nhược vô xuất thế sư trưởng, tắc bất giải Phật pháp.

Dịch:

Thế nào là nhớ ơn sư trưởng? Cha mẹ tuy sinh dưỡng sắc thân ta, nhưng nếu không có Sư trưởng thế gian thì ta không hiểu biết lễ nghĩa; không có Sư trưởng xuất thế thì ta không hiểu Phật pháp.

Giải:

Vân hà niệm sư trưởng ân? Vân hà là như thế nào. Như thế nào là báo ân Sư trưởng? Đoạn văn trên nói về sự báo ân cha mẹ. Vì cha mẹ sanh ta, nên ta báo ân. Thế thì Sư trưởng không có sanh ta, vậy ta phải báo ân gì? Cho nên nói: “Thế nào là báo ân Sư trưởng?” là câu để hỏi, tức là hỏi mọi người về vấn

PHẦN CHÁNH TÔNG

đề này. Chữ “Sư” là quy tắc, tức là theo Thầy để học về phép tắc, quy luật. “Sư phụ” là bậc trưởng bối. Theo luân thường, đạo lý làm người, thì Sư là bậc trưởng bối. Nếu quý vị quy y Sư phụ, thì vô hình trung, quý vị chính là vãn bối (hậu sanh).

Tôi không dạy người ta quy y tôi, cũng chính vì điều này. Vì nếu tôi dạy người quy y tôi, người ta sẽ hỏi:

- Thầy có đủ tư cách làm Sư phụ không? Có phải là Thầy muốn kiếm lợi, và muốn làm Sư phụ của tôi để lớn hơn tôi một bậc hả?

Nếu bị hỏi như vậy thì quý vị phải trả lời ra sao? Cho nên từ trước đến nay tôi không dạy một người nào quy y tôi hết. Tôi cũng cảm thấy rất xấu hổ nếu thu nhận đệ tử quy y mà tôi không dùng chánh pháp để giáo hóa, tiếp độ họ, tức tôi sẽ có lỗi với họ. Ngược lại, nếu tôi dùng chánh pháp dạy họ, nhưng họ không thành tâm, không nghe lời dạy bảo của tôi, thì tôi phải làm sao nữa đây? Vì thế đó cũng là một trong những nguyên nhân mà tôi không dạy người quy y tôi.

Bây giờ nhìn thấy có rất nhiều người quy y tôi, thì quý vị nên tự hỏi, ai là người mà tự miệng tôi bảo họ đến để quy y với tôi? Thậm chí đối với những người quy y với tôi, tôi đều muốn xem xét và thử thách. Nhưng có lúc người quy y quá đông, tôi không xem xét nổi, nên đành qua loa, nhắm mắt nói: “Được rồi! Tôi thu nhận hết!” chính là như thế. Đáng lẽ phải có sự khảo sát trước như ở Đông Bắc (Trung Quốc) và Hương Cảng. Mỗi khi nhận đệ tử quy y, tôi phải nói chuyện với họ trước, hỏi xem, tại sao họ muốn quy y với tôi.

Không những chỉ đối với người mà đối với quỷ ma cũng như thế. Thật vậy! Ở Hương Cảng tôi có nhận quỷ làm đệ tử

quy y. Nói đến quý này thì thật là việc bất khả tư nghì. Số là có người bị bệnh, người nhà ông ấy đi thỉnh Thầy về tụng kinh cho ông ta. Họ thỉnh đến bảy Thầy. Bảy Thầy đều mặc áo tràng, đắp thượng y đến nơi đó bày bàn cúng vái, đặt cuốn kinh Kim Cang lên, rồi các Thầy trì chú Đại Bi: “Nam mô hắc ra đất na, đa ra dạ da. Nam mô a rị da...” Từ sáng cho đến tối cứ “Nam mô, Nam mô, Nam mô...” không ngừng và tụng kinh Kim Cang cũng vậy: “Như thị ngã văn, nhưt thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên, dữ đại Tỳ Kheo chúng thiên nhị bách ngũ thập nhơn câu. Nhĩ thời, Thế Tôn thực thời, trước y trì bát, nhập XáVệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung, thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bốn xứ. Phạn thực ngật, thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa...”

Nhưng mà quý đâu có chịu nghe theo kiểu này. Các Thầy trải tòa ra ngồi thì nó cũng trải tòa ra mà ngồi, khiến cho bảy Thầy tụng niệm đến cả bảy ngày mà cũng không sao ra khỏi cửa được.

Có một Thầy trong số bảy Thầy này giới thiệu tôi với người nhà bệnh nhân rằng: “Nếu muốn cho ông ta hết bệnh, thì ông phải đi thỉnh Hòa Thượng đó.”

Người nhà này cũng tin theo nên đến động Quán Âm thỉnh tôi. Khi thỉnh lần thứ nhất, tôi không nhận lời. Thỉnh lần thứ hai, tôi cũng không nhận lời. Đến lần thứ ba, ông bèn quỳ xuống trước mặt tôi không chịu đứng lên, nhất quyết cầu tôi giúp đỡ, tôi bèn nói: “Được rồi! Ông thành tâm như thế, thì tôi sẽ đi.”

Đến nơi, tôi thấy bệnh nhân nằm trên giường đầu pháp với các Thầy. Các Thầy tụng kinh, ông ta cũng tụng kinh. Các

PHẦN CHÁNH TÔNG

Thầy niệm chú, ông ta cũng niệm chú, lắc lư qua lại ra về vênh vạng. Tôi ngồi bên giường bệnh im lặng khoảng 15 phút. Ủa! Bỗng đâu người dẫn quỷ hay quỷ dắt người đến quỳ ngay trước mặt tôi. Lúc đó tôi liền choàng râu chuối của tôi vào cổ người bệnh. Ông ta than rằng: “Ui da! Thầy ơi! Xin Thầy tha thứ cho con đi, con không dám vậy nữa đâu!”

Tôi nói: “Ông sao thế!”

- Á! Râu chuối của Thầy như muốn đốt chết con rồi nè!

- Sao tôi đeo, nó không đốt tôi, còn ông đeo thì nó lại đốt ông chớ?

- Con thật chịu không nổi nữa rồi!

- Vậy ông muốn gì đây?

- Con muốn quy y với Thầy.

- Ông muốn quy y với tôi à! Bảy Thầy này đã tụng kinh cho ông bảy, tám ngày qua như vậy, sao ông không quy y với quý Thầy, mà muốn quy y với tôi làm gì?

- Ô! Họ à! Họ quy y với con, con cũng không thêm!

Ông ta lại nói thêm là ông có quen một Lão Hòa Thượng nào đó.

Tôi nói: “Ông đã biết Hòa Thượng đó, thì hãy quy y với Lão Hòa Thượng đó đi!”

- Hừ! Hòa Thượng đó à! Ông cũng không đủ tư cách làm Sư phụ của con!

- Vậy tôi có đủ tư cách sao?

- A! Con đã đi tìm Sư phụ từ bao nhiêu năm nay, cũng chính là tìm Thầy đó.

- Ông tìm tôi làm gì?

- Vì con muốn quy y với Thầy.

- Quy y với tôi có ích lợi gì?

- Nguyện lực của Thầy quá lớn đi, Thầy nguyện hễ ai là đệ tử quy y của Thầy cũng đều sẽ thành Phật. Vì Thầy có nguyện lực như thế, nên nay con nhất định phải quy y với Thầy.

Quý vị xem đó, quý này chẳng phải là loại không hiểu lục tứ (sáu bốn), nó hiểu luôn được lục tứ. Thế nào gọi là “lục tứ?” Tứ chính là chữ phụ 父 (phụ là phụ thân, có bốn nét); lục chính là chữ mẫu 母 (mẫu là mẫu thân, có sáu nét). Cho nên khi nói đến người mà không hiểu lục tứ, ý nói người mà ngay cả cha mẹ y, y cũng còn không biết đến. Còn quý này thì hiểu biết lục tứ, nên nó mới muốn quy-y.

Hôm nay không phải là tôi muốn khoe với quý vị về cái hay của mình, mà tôi chỉ muốn nói lên sự thật để chứng minh thôi. Khi quý quy y tôi rồi thì người bệnh cũng khỏe mạnh liền. Được lành bệnh rồi sao nữa? Thì người ấy xin quy-y, và cả họ hàng, bà con thân thích của người ấy đều đồng loạt quy y. Vì thế quý cũng có thể giới thiệu người quy-y. Khi người nhìn thấy quý quy-y, thì cũng sáng mắt lên nói: “Con cũng muốn quy-y luôn.”

Tại sao phải báo ân Sư trưởng? **Phụ mẫu tuy năng sanh dục ngã thân. Nhược vô thế gian sư trưởng, tắc bất tri lễ nghĩa:** Cha mẹ tuy sanh dưỡng sắc thân ta, nhưng nếu không có Sư trưởng thế gian dạy dỗ cho ta có kiến thức và học vấn, thì ta sẽ không biết “lễ.” Lễ có nghĩa là lễ tiết, lễ phép lịch sự. Nếu quý vị không lễ phép với người, đó là không biết phép lịch sự. Còn chữ “nghĩa” là gì? Nghĩa là nghĩa khí. Như Quan Công là vị có đại nghĩa cao vút trời xanh, bảo hộ hoàng

PHẦN CHÁNH TÔNG

huynh Lưu Bị và không ai lợi dụng được Quan Công. Mặc dù Tào Tháo có dùng đủ các thủ đoạn để mua chuộc Quan Công, nhưng Quan Công cũng không siêu lòng. Cho nên Quan Công chính là *đại nghĩa tham thiên* – đại nghĩa này to lớn tựa Trời cao vậy.

Về lễ phép lịch sự, như khi nhìn thấy người, ta nghiêng mình cúi đầu, cung kính, thì người đó sẽ không la trách ta được. Tại sao người ta mắng mình? Tại vì mình thô lỗ với người, nên mới bị người mắng nhiếc. Đó là đạo lý phạm tình mà chúng ta cần phải biết. Quý vị xem, tôi là người xuất gia mà cũng thường bị người ta mắng, vì họ cảm thấy tôi đối với họ không tốt. Việc này không sao, phạm ai mắng tôi, tôi đều phát nguyện là sau này sẽ độ cho những người đó thành Phật hết. Vì thế người mà mắng tôi thì được lợi nhất, chớ không có thiệt thòi gì đâu!

Tôi sẽ không nói: “Hả! Ông mắng tôi à, tôi sẽ làm cho ông đọa xuống địa ngục vô gián cho coi!” Tôi sẽ không có cái tâm như thế. Quý vị mắng tôi ư? Sau này tôi nhất định sẽ độ quý vị thành Phật; quý vị không thành Phật tôi cũng không thành Phật. Cho nên người mà mắng tôi cũng là thiện tri thức của tôi.

Đề Bà Đạt Đa chính là người giúp đỡ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni về mặt phản diện. Vậy người mắng tôi, thậm chí đến những người đối xử tệ bạc với tôi, đều là thiện tri thức của tôi, và tôi đều phát nguyện là trong tương lai sẽ hóa độ họ hết. Cho nên, đó cũng là một biện pháp hay đấy. Nếu ai phản đối tôi, hoặc chửi mắng tôi là kết mối pháp duyên lớn nhất với tôi. Vì thế, nếu ai muốn kết pháp duyên với tôi, thì trước hãy

mắng tôi đi. Lúc ấy tôi sẽ luôn mở rộng cửa phương tiện mà không sợ bị người mắng, cũng không sợ bị người đánh. Nếu quý vị muốn con mắt của tôi, tôi liền cho con mắt; muốn lỗ tai, tôi liền cho lỗ tai; muốn đầu thì tôi cho đầu. Thân tâm tánh mạng, đầu mắt não tủy, những gì ở trong tôi, chỉ cần quý vị muốn là tôi đều bố thí cả. Đây không phải là lời nói suông, mà thật là tôi có thể làm được những điều này!

Tôi là một người ngu khờ nhất. Tôi lại nói câu này nữa rồi! Tại sao vậy? Vì việc mà người ta không muốn làm, tôi đều có thể làm. Tôi nói với quý vị nghe một việc là khi tôi ăn, món ăn đó dù có ngon hay dở, tôi đều cảm thấy chỉ có một mùi vị. Ở Hương Cảng có bà thỉnh tôi, cầu cho bà có được đứa cháu nội. Tôi nói: “Bà muốn có cháu nội à? Được rồi!”

Lúc đó tôi đang rửa chân, rửa xong tôi liền đưa nước ấy cho bà, nói:

- Bà uống nước này nhen!

- Hả!? Bà chỉ biết nhìn thau nước mà không dám uống.

- Bà uống không được à? Được! Để tôi!

Tôi bèn lấy nước rửa chân đó mà uống.

Bà hốt hoảng: “Ồi!!” Toàn thân bà toát mồ hôi, bà nói:

- Làm sao mà có thể được?

Tôi nói: “Làm sao mà không thể được?”

Vì thế quý vị đừng tưởng rằng, tôi và quý vị giống nhau. Những chuyện mà tôi làm được, quý vị không làm được đâu.

Là người thế gian, chúng ta cần phải có lễ nghĩa, chớ đừng một chút lễ nghĩa gì cũng không biết. Điều gì hợp với đạo nghĩa thì chúng ta làm; còn không hợp với đạo lý thì không làm. “Nghĩa” này là nghĩa của bậc có khí phách cao thượng,

PHẦN CHÁNH TÔNG

họ làm bất cứ việc gì thì cũng làm một cách đàng hoàng đúng đắn, làm cho tốt đẹp, đó chính là nghĩa. Khi nói người nào có nghĩa khí, là ví người đó như vị hiệp khách thời xưa, thường ra tay nghĩa hiệp. Cũng như khi mọi người cùng nhau kết nghĩa anh em thì có phước cùng hưởng và có họa sẽ cùng mang. Một lòng vì bạn, dù cho có bị dao đâm ở hai bên bẹn sườn, họ cũng không sợ đau. Đó đều là nghĩa khí. Nếu có nghĩa khí, thì dù mình có bị thiệt thòi, cũng vẫn muốn giúp người và làm lợi ích cho người.

Thầy thế gian dạy chúng ta về mặt lễ tiết, phép lịch sự. Chúng ta làm việc gì cũng cần phải có lễ phép lịch sự mà không được mắng chửi người cũng không nên đối xử không tốt với người. Con người khác với cầm thú chính là chỗ biết lễ nghĩa; nếu ngay cả phép lịch sự cũng không có thì chẳng khác gì loài cầm thú. Loài cầm thú khi gặp nhau chúng còn có thiện cảm với nhau, huống chi chúng ta là người mà sao lại không hiểu biết gì về lễ nghĩa? Lễ là một trong tám đức: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si. Vì vậy chúng ta cần phải hiểu lễ, và phải có nghĩa khí đối với người. Do đó, nếu không có Thầy giáo ở thế gian, chúng ta sẽ không hiểu biết gì về những đạo lý làm người.

Nhược vô xuất thế sư trưởng: Nếu quý vị muốn tu hành, thì cần phải chọn cho được một vị thiện tri thức minh nhãn. Thế nào là thiện tri thức minh nhãn? Có bốn điều kiện cho chúng ta quán sát, để xem vị đó có phải là thiện tri thức minh nhãn hay không? Thứ nhất là vị đó không tham tài, điều thứ hai là không tham sắc, điều thứ ba là không tham danh, điều thứ tư là không ích kỷ. Quý vị xem xét coi có phải vị thiện

tri thức đó, nói tới nói lui gì cũng đều bảo quý vị làm chuyện có lợi cho ông ta không? Có phải người đó làm bất cứ việc gì cũng có ý đồ, và muốn nâng cao danh dự, địa vị của mình? Người nào không tham tài, không tham danh, sắc, không ích kỷ thời mới chính là thiện tri thức.

Nếu tôi không thấy qua thì tôi không biết, nhưng lần này tôi thấy có một pháp sư từ Mã Lai theo quý vị đến đây, là vị chân tu, có trí huệ và có lễ nghĩa nhất trong số các thầy Nam Tông (Theravada). Vì vậy những người quy y tôi xong, khi trở về nên thân cận với vị Pháp sư này. Vì tôi không ở đó, cho nên tôi thỉnh Sư này thay tôi dạy dỗ quý vị. Nếu quý vị có công sức thì nên hộ pháp cho Sư. Quý vị hộ trì Sư cũng chính là hộ trì cho tôi. Hai chúng tôi không có sự phân biệt đây kia. Tôi cảm thấy Sư không có lòng ích kỷ, tôi tuy có lòng ích kỷ, nhưng cũng không nhiều lắm. Thực ra, dù tâm tôi có chút ích kỷ như sợi tóc đi nữa, tôi cũng phải dứt bỏ luôn.

Hơn nữa, thân cận thiện tri thức tức là không nên theo sát một bên, từ sáng đến tối cứ mãi quấy rầy Sư, còn cho rằng: “Thân cận thì không thể lìa xa.” Mà thân cận là phải nghe lời Thầy và xin Thầy chỉ dạy cho chỗ không hiểu. Chớ không phải từ sáng đến tối quý vị cứ nhìn thấy tôi, cái ông Sư phụ này. Quý vị nói, thấy đó tức là thân cận chăng? Không phải vậy, nếu quý vị muốn cầu pháp thì cần phải cung kính, chớ đừng vừa nói vừa cười, không đứng đắn. Quý vị làm việc gì cũng cần phải nghiêm chỉnh như khi đến nơi đó, quý vị không được gây thêm phiền phức cho Sư. Trước hết, quý vị xem coi Sư có bận việc gì không? Nếu Sư rảnh thì thưa hỏi, chớ đừng nói là: “Việc của tôi quan trọng hơn, khi đến nơi đó, bắt cần

PHẦN CHÁNH TÔNG

Sư bận hay không, tôi phải thưa hỏi các vấn đề của tôi trước đã.” Quý vị không được làm như vậy!

Nếu quý vị muốn xuất thế thì không thể không có thiện tri thức minh nhãn. Quý vị nên biết, từng cử chỉ và hành động của thiện tri thức minh nhãn, tuyệt đối không toan tính lợi lạc cho riêng mình. Vị ấy sẽ không nghĩ rằng: “Làm sao để tôi được lợi? Hay là nói: “Cất cho tôi một ngôi chùa lớn đi!” Có người nói: “Thầy nay đã có Vạn Phật Thánh Thành, một ngôi chùa không nhỏ như thế mà còn muốn xây chùa lớn nữa sao?” Muốn nữa chứ! Lòng tham của tôi thì không lúc nào ngưng nghĩ. Nhưng tôi cũng nói cho quý vị nghe rằng, lòng tham của tôi đây là tham phát nguyện xây dựng một đạo tràng căn bản cho Phật giáo quốc tế hoàng dương chánh pháp. Cho nên hôm nay đến đây, dù quý vị có cách nhìn như thế nào đối với chỗ này, quý vị cũng đều là những người hộ trì Vạn Phật Thánh Thành. Nếu quý vị có mắng Vạn Phật Thánh Thành cũng là ủng hộ Vạn Phật Thánh Thành. Quý vị có chửi cũng tốt thôi, vì Vạn Phật Thánh Thành sẽ được vinh dự hơn.

Nếu quý vị thấy có người nào phê bình tôi, thì hãy kiểm người đó dùm tôi để tôi lạy người đó làm Thầy. Tôi không sợ người ta chửi, mà cũng không sợ bị người phỉ báng hay phê bình, cái gì tôi cũng không sợ hết. Nếu sợ, thì tôi đã không đến nước Mỹ này hoàng dương Phật pháp. Khi đến đây, tôi sớm đã chuẩn bị trước hết rồi. Người ta càng hủy báng tôi, tôi càng khoái chí, còn vui hơn lúc tôi đùa giỡn nữa. Cho nên tôi xin nói thật với quý vị là tư tưởng của tôi và tư tưởng của quý vị hoàn toàn không giống nhau, tác phong hành vi của tôi mà quý vị biết đó cũng đều không giống với quý vị.

Tắc bất giải Phật pháp: Nếu không có Sư trưởng xuất thế tức thiện tri thức xuất thế để chúng ta nương theo, thì chúng ta không thể nào hiểu rõ Phật pháp cho được. Một khi không hiểu rõ Phật pháp thì làm sao mà xuất thế đây? Quý vị nên hiểu rằng, điều quan trọng nhất là phải trừ bỏ các tri kiến thế gian và phải chịu sự thiệt thòi nếu muốn học Phật.

Đại sư Vĩnh Gia nói: “Quán ác ngôn, thị công đức,” là thấy nghe người hủy báng, hoặc chửi mình thì đó đều là công đức trợ giúp cho mình được tốt lành! Nếu họ không muốn quý vị tốt, thì họ sẽ chẳng nói quý vị không tốt. Người ta nói quý vị không tốt, chính là vì muốn cho quý vị rắng nỗ lực thêm lên như câu: *Bách xích can đầu trùng tiến bộ* nghĩa là đã giỏi càng phải cố cho giỏi hơn nữa. Quý vị cứ suy nghĩ như vậy đi!

Cho nên “thuận nghịch giai tinh tấn, hủy dự bất động tâm,” là gặp thuận cảnh hay nghịch cảnh đều tinh tấn và nghe lời hủy báng hay khen ngợi cũng đều không động tâm. Quý vị cần phải như thế, mặc dù không phải là chuyện dễ làm. Câu “quán ác ngôn là công đức” tức những lời ác đó sẽ trở thành thiện tri thức của mình. “Bất nhân oán báng khởi oán thân,” không nên vì bị người cười chê hủy báng mà sanh tâm sân hận, ngược lại cần phải oán thân bình đẳng, là xem người thân, kẻ thù đều như nhau. Nếu không thì “hà biểu vô sanh từ bi lực,” là làm sao biểu hiện ra sức “vô sanh pháp nhẫn” của mình cho được?

Vì vậy quý vị nên biết, tôi đương nhiên cũng có nhiều tật xấu, nhưng tôi hy vọng sẽ sửa đổi tất cả các tật xấu đó để cùng với quý vị nghiên cứu Phật pháp. Cho nên muốn xuất thế thì nhất định phải tìm cho mình một vị thiện tri thức chân chánh.

PHẦN CHÁNH TÔNG

Nguyên văn:

不知禮義，則同於異類；不解佛法，則何異俗人。今我等粗知禮義，略解佛法，袈裟被體，戒品沾身，此之重恩，從師長得。若求小果，僅能自利；今爲大乘，普願利人。則世出世間二種師長，俱蒙利益。是爲發菩提心第三因緣也。

Âm Hán Việt:

Bất tri lễ nghĩa, tác đồng ư dị loại. Bất giải Phật pháp, tác hà dị tục nhân. Kim ngã đẳng thô tri lễ nghĩa, lược giải Phật pháp, ca sa bị thể, giới phẩm triêm thân, thủ chi trọng ân, tùng sư trưởng đắc. Nhược cầu tiểu quả, căn năng tự lợi, kim vị đại thừa, phổ nguyện lợi nhân. Tác thể, xuất thế gian nhị chủng sư trưởng, cầu mong lợi ích. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ tam nhân duyên dã.

Dịch:

Không hiểu biết lễ nghĩa thì giống như loài vật, còn không hiểu Phật pháp tức chẳng khác chi kẻ phàm tục. Nay ta biết chút lễ nghĩa, được hiểu sơ lược về Phật pháp, cà sa đắp thân, giới pháp nhuần thấm thân mình, những ân nặng này đều do nhờ Sư trưởng mà được. Nếu ta cầu quả vị nhỏ thì chỉ có lợi cho riêng mình. Nay ta phải vì đại thừa, phổ nguyện lợi ích hết thảy chúng sanh. Như thế thì sư trưởng thế gian và sư trưởng xuất thế, ta đều được lợi ích. Đó là nhân duyên thứ ba của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Bất tri lễ nghĩa, tắc đồng ư dị loại: Dị loại tức là cầm thú. Chúng ta xem các loài chim bay thú chạy, chúng đều không biết gì về lễ nghĩa. Nhưng cũng có loài biết chuyện như qua con biết đút mồi lại cho mẹ nó và dê con biết quỳ xuống để bú sữa dê mẹ. Đó cũng là cách hiểu thuận của loài cầm thú, bởi thiên tánh của chúng vẫn là lương thiện. Vậy, người mà không biết lễ nghĩa thì cũng giống như dị loại, là không khác gì loài súc sanh. Nếu ai mang mặt người mà có lòng dạ thú, cũng coi như là không biết gì về lễ nghĩa. Cho nên nói: “Không hiểu lễ nghĩa!” **Bất giải Phật pháp, tắc hà dị tục nhân:** Nếu người tu đạo mà không hiểu Phật pháp, thì đâu khác gì với người thế tục. Thật chẳng có gì sai biệt.

Cho nên **kim ngã đẳng thô tri lễ nghĩa, lược giải Phật pháp:** Ngã đẳng là chúng sanh, Đại sư Tịnh Am ý nói hiện nay chúng ta là những người đồng loại, là những người xuất gia, hoặc cũng là những người tin theo Phật. Thô tri là hiểu biết đại khái thô sơ. Vậy nói về lễ nghĩa thì chúng ta chỉ biết được chút ít và về Phật pháp thì cũng am hiểu một cách sơ sài.

Cà sa bị thê: Cà sa là y phục của người xuất gia. “Mạc đạo cà sa dung dị đắc, giai nhân lũ thế chủng Bồ-đề,” có nghĩa là không dễ gì đáp được y cà sa này mà do nhiều kiếp đã gieo trồng hạt giống Bồ-đề. Vì xuất gia không phải là việc dễ dàng, cho nên nếu quý vị không có căn lành thì không thể nào xuất gia cho được và dù có xuất gia đi nữa tức cũng không được bền lâu.

Vì vậy quý vị phải phát nguyện, đời đời kiếp kiếp **đồng trình** nhập đạo tu hành, phát Bồ-đề tâm. Các vị đồng trình

PHẦN CHÁNH TÔNG

vào đạo thì tu hành cũng dễ đắc được ngũ nhãn và lục thông. Mặt khác, nếu không đồng trình vào đạo thì rất khó tu. Đương nhiên họ cũng có thể tu hành nhưng không mấy gì thuận lợi.

Giới phẩm triêm thân: Giới gồm có ngũ giới, bát giới, Bồ Tát giới: 10 giới trọng 48 giới khinh, Tỳ Kheo 250 giới và Tỳ Kheo Ni 348 giới. Giới phẩm tức là thọ giới Tỳ Kheo, giới Sa Di, giới Bồ Tát. Như trong kinh Phạm Võng nói: Chúng sanh thọ Phật giới, tức nhập chư Phật vị.” Cho nên nói, giới phẩm triêm thân tức là đắc được giới thể của Kim Cang Quang Minh Bảo Giới. **Thử chi trọng ân, tùng sư trưởng đắc:** Cà sa đắp thân trang nghiêm, giới pháp nhuận thấm thân mình, ân đức sâu nặng như thế là nhờ Sư trưởng mà được.

Nhược cầu tiểu quả, cần năng tự lợi: Đã được y cà sa và giới pháp rồi, nếu chúng ta không tu pháp Đại thừa, chỉ tu đạo Tiểu thừa để cầu chứng quả A-la-hán. Đó cũng tốt, nhưng đấy chỉ là tự lợi mà không thể lợi tha, chỉ có thể tự giác mà không thể giác tha, chỉ có thể tự độ mà không thể độ tha.

Kim vị đại thừa, phổ nguyện lợi nhân: Nay chúng ta vì chúng tử Đại thừa nên phát đại Bồ-đề tâm, phổ nguyện lợi ích cho tất cả chúng sanh mà quên đi bản thân mình.

Tắc thế, xuất thế gian nhị chủng sư trưởng, câu môn lợi ích: Như vậy chúng ta đều được lợi ích từ cả hai: Sư trưởng thế gian và Sư trưởng xuất thế. Đó là báo ân Sư trưởng, vì thầy là người dạy dỗ và giúp đỡ chúng ta được thành tựu trên con đường tu đạo.

Thị vị phát Bồ đề tâm đệ tam nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ ba của sự phát Bồ-đề tâm.

4. NHỚ ƠN THÍ CHỦ

Nguyên văn:

云何念施主恩？謂我等今者日用所資，並非己有。二時粥飯，四季衣裳，疾病所需，身口所費，此皆出自他力，將爲我用。彼則竭力躬耕，尙難糊口；我則安坐受食，猶不稱心。彼則紡織不已，猶自艱難；我則安服有餘，寧知愛惜。彼則葦門蓬戶，擾攘終身；我則廣宇閑庭，優悠卒歲。以彼勞而供我逸，於心安乎？將他利而潤己身，於理順乎？自非悲智雙運，福慧二嚴，檀信沾恩，眾生受賜，則粒米寸絲，酬償有分，惡報難逃。是爲發菩提心第四因緣也。

Âm Hán Việt:

Vân hà niệm thí chủ ân? Vị ngã đẳng kim giả nhật dụng sở tư, tịnh phi kỷ hữu. Nhị thời chúc phạn, tứ quý y thường, tật bệnh sở nhu, thân khẩu sở phí, thử giai xuất tự tha lực, tương vi ngã dụng. Bĩ tắc kiệt lực cung canh, thượng nan hồ khẩu, ngã tắc an tọa thọ thực, do bất xứng tâm. Bĩ tắc phướng chức bất dĩ, do tự gian nan, ngã ư an phục hữu dư, ninh tri ái tích. Bĩ tắc tất môn bồng hộ, nhiều nhượng chung thân, ngã tắc quảng vũ nhàn đình, ưu du tuất tuế. Dĩ bĩ lao nhi cung ngã dật, ư tâm an hồ? Tương tha lợi nhi nhuận kỷ thân, ư lý thuận hồ? Tự phi bi trí song vận, phước huệ nhị nghiêm, đàn tín triêm ân, chúng sanh thọ tứ, tắc lạp mẽ

**thốn ti, thù thường hữu phận, ác báo nan đào. Thị vi phát
Bồ-đề tâm đệ tứ nhân duyên dã.**

Dịch:

Thế nào là nhớ ơn thí chủ? Những thứ mà chúng ta hiện đang dùng hàng ngày đều phải của mình. Cơm cháo hai buổi, quần áo bốn mùa, vật dụng cho tật bệnh, chi phí cho thân miệng, đều do người ra công sức để cung cấp cho ta. Người cày cấy nhọc nhằn, còn khó nuôi thân, ta ngồi không mà ăn, vẫn chưa vừa ý. Kẻ đan dệt hoài mà vẫn gian nan cực khổ, còn ta an nhàn y phục thừa thãi, lại không thương tiếc. Họ, nhà tranh vách lá, cực nhọc suốt đời, còn ta, phòng lớn sân rộng, thông thả cả năm. Họ cung phụng bao công lao của họ cho ta được an nhàn. Làm sao ta yên tâm đây? Dem cái lợi vật của người để nuôi dưỡng thân mình, vậy có hợp lý chăng? Nếu ta không vận dụng cả hai thứ bi trí, trang nghiêm cả hai mặt phước huệ, để thí chủ được nhờ ơn, chúng sanh được phước, thì dù chỉ là một hạt gạo, một tác vải, nợ này ta vẫn phải có phần hoàn trả lại mà khó thoát khỏi quả báo ác. Đó là nhân duyên thứ tư của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Vân hà niệm thí chủ ân? Chữ niệm này không phải là báo đáp mà là không quên. Chúng ta phải tâm niệm là luôn nhớ ân thí chủ đối với chúng ta. Nói như thế nào đây? **Vị ngã đẳng kim giả nhật dụng sở tư, tịnh phi kỷ hữu:** Kim giả là hiện nay, tức là nói chúng ta hiện nay. Nhật dụng sở tư là những thứ vật phẩm cần dùng hằng ngày. Các thứ đó cũng không phải của

mình, mà do người khác cúng dường. **Nhị thời chúc phạn, tứ quý y thường, tật bệnh sở nhu:** Sáng ăn cháo, trưa ăn cơm, quần áo cho bốn mùa, cùng với những thuốc men khi bệnh tật. **Thân khẩu sở phí, thủ giai xuất tự tha lực, tương vi ngã dụng:** Các sở phí cho thân miệng như: thân phải mặc y phục, miệng cần phải ăn cơm, những thứ đó đều là do người khác cúng dường cho ta thọ dụng để tu hành.

Bỉ tắc kiệt lực cung canh, thượng nan hồ khẩu: Người nông phu suốt ngày cày bừa đổ giọt mồ hôi, cực khổ như thế, mà còn có lúc không đủ cơm ăn. **Ngã tắc an tọa thọ thực, do bất xứng tâm:** Ta thì không làm gì hết, ngồi yên ở đó mà thọ nhận những món ẩm thực. Cơm canh đã được dọn sẵn, mà còn kén chọn, nói món này dở, món kia không ngon.

Bỉ tắc phưởng chức bất dĩ, do tự gian nan: Vải mà ta mặc là do công nhân đan dệt suốt ngày không thôi. Họ làm hoài không hết việc, gian nan cực khổ vô cùng mới dệt thành tấm vải. **Ngã ư an phục hữu dư, ninh tri ái tích:** Còn ta thì an nhiên hưởng dùng, may mặc dư thừa, lại không biết quý tiếc giữ gìn các của vật khó nhọc đó.

Bỉ tắc tất môn bồng hộ, nhiều nương chung thân: Nhà cửa của họ thì rách nát, cũ mục, thậm chí còn mọc cỏ dại nữa. Suốt cả đời, họ cũng không được chút gì an lạc. **Ngã tắc quảng vũ nhàn đình, ưu du tuất tuế:** Còn chỗ ta ở thì rất rộng rãi, sân vườn cũng lớn, có cả vườn hoa hồ nước, mọi thứ tươm tất sẵn sàng, cho nên rất thông thả tự tại, năm này qua năm khác, ta không cần phải làm gì khổ cực. **Dĩ bỉ lao nhi cung ngã dật, ư tâm an hồ?** Họ cung phụng cho ta những thành quả từ sự cực khổ của họ để ta được an hưởng. Vậy ta có yên lòng chăng?

PHẦN CHÁNH TÔNG

Tương tha lợi nhi nhuận kỹ thân, ư lý thuận hồ? Đem sự lợi ích của người để nuôi dưỡng thân ta, như vậy có hợp lý chăng? Tức không hợp lý! **Tự phi bi trí song vận, phước huệ nhị nghiêm:** Vậy thì ta phải sao đây? Tức phải tu *từ bi quán, trí huệ quán*. Chúng ta không những chỉ tu phước mà còn phải tu huệ, khi phước huệ trang nghiêm cả hai, thì mới có thể ban phước cho người thế gian. **Đàn tín triêm ân, chúng sanh thọ tứ:** Nếu quý vị song tu phước huệ nghiêm cẩn, rồi hồi hướng cho thí chủ thì họ mới có thể nhờ được ân huệ, và chúng sanh cũng nhận được ân đức của quý vị. **Tắc lập mẽ thốn ti, thù thường hữu phận, ác báo nan đào:** Nếu không vậy thì quý vị có nhận cúng dường dù chỉ là một hột gạo hoặc một tấc vải, sau này quý vị cũng phải hoàn lại nợ đó thôi. Cho nên nói:

Thiện thí nhất lập mẽ, trọng như Tu Di sơn.

Ngật liễu bất tu đạo, phi mao đái giác hoàn.

(*Thiện thí một hạt gạo, nặng như núi Tu Di.*

Ăn rồi không tu đạo, đội lông mang sừng trả.)

Người xưa nói: “Chúng ta thường nên suy nghĩ, không dễ gì có được một bữa cháo, một bữa cơm; dù là nửa sợi tơ cọng chỉ cũng hằng tưởng nhớ đến công sức khó nhọc của người làm ra vật chất.” Đó là điều chúng ta cần phải biết. Và nếu như chúng ta không tu hành thì “tam tâm bất liễu thủy nan tiêu,” là nếu không dứt được ba tâm: quá khứ, hiện tại và vị lai, thì dù có uống một ngụm nước của người cúng dường, tức sau này cũng phải hoàn trả lại. Cho nên nói, thật khó tránh khỏi quả báo ác.

Thị vi phát Bồ đề tâm đệ tứ nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ tư của sự phát Bồ-đề tâm.



5. NHỚ ƠN CHÚNG SANH

Nguyên văn:

云何念眾生恩？謂我與眾生，從曠劫來，世生生，互為父母，彼此有恩。今雖隔世昏迷，互不相識。以理推之，豈無報效。今之披毛戴角，安知非昔為其子乎？今之蠕動蜻飛，安知不曾為我父乎？每見幼離父母，長而容貌都忘；何況宿世親緣，今則張王難記。彼其號呼於地獄之下，宛轉於餓鬼之中，苦痛誰知，饑虛安訴。我雖不見不聞，彼必求拯求濟。非經不能陳此事，非佛不能道此言。彼邪見人，何足以知此。是故菩薩觀於螻蟻，皆是過去父母，未來諸佛。常思利益，念報其恩。是為發菩提心第五因緣也。

Âm Hán Việt:

Vân hà niệm chúng sanh ân? Vị ngã dĩ chúng sanh, tùng khoáng kiếp lai, thế thế sanh sanh, hỗ vi phụ mẫu, bĩ thử hữu ân. Kim tuy cách thế hôn mê, hỗ bất tương thức. Dĩ lý thôi chi, khởi vô báo hiệu! Kim chi phi mao đái giác, an tri phi tích vi kỳ tử hồ? Kim chi nhuyển động quyên phi, an tri bất tăng vi ngã phụ hồ! Mỗi kiến ấu ly phụ mẫu, trưởng nhi dung mạo đô vong, hà hướng túc thế thân duyên, kim tác Trương Vương nan ký. Bĩ kỳ hào hồ ư địa ngục chi hạ, uyển chuyển ư ngã quỷ chi trung, khổ thống thù tri, cơ hư

PHẦN CHÁNH TÔNG

an tố. Ngã tuy bất kiến bất văn, bỉ tất cầu chứng cầu tế. Phi kinh bất năng trần thử sự, phi Phật bất năng đạo thử ngôn. Bỉ tà kiến nhân, hà túc dĩ tri thử. Thị cố Bồ Tát quán ư lâu nghị, giai thị quá khứ phụ mẫu, vị lai chư Phật. Thường tư lợi ích, niệm báo kỳ ân. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ ngũ nhân duyên dã.

Dịch:

Sao gọi là nhớ ơn chúng sanh? Ta cùng với chúng sanh, từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp làm cha mẹ lẫn nhau, kia đây đều có ơn nghĩa với nhau. Nay tuy cách đời mê muội, không nhớ biết nhau, nhưng lấy lý mà suy ra thì sao không báo đáp cho được! Ngày nay làm thú mang lông đội sừng, nhưng làm sao biết được kiếp trước ta đã không là con cái của chúng? Biết đâu ngày nay các loài bò bay máy cưa, đời quá khứ chúng đã không từng là cha của ta? Thường luôn trông nom con thơ, nhưng khi con xa cha mẹ, lớn lên còn quên hết hình dáng song thân; huống chi là nhớ cha mẹ bà con đời trước. Ngày nay khó mà nhớ kiếp trước mình là họ Trương hay họ Vương. Họ gào thét dưới địa ngục, luân chuyển trong ngạ quỷ, thống khổ ai hay, đói khát biết thối lộ cùng ai. Tuy ta không thấy không nghe, nhưng họ đều cầu xin cứu giúp. Nếu không Kinh điển, không sao biết được việc này. Nếu không có Phật cũng chẳng ai nói rõ cảnh ấy. Còn kẻ tà kiến, sao có đủ sức để biết được lẽ này. Vì thế Bồ Tát quán sát vạn kiến đều là cha mẹ quá khứ và chư Phật vị lai của mình, nên thường nghĩ cách làm lợi cho chúng và luôn nhớ trả ơn. Đó là nhân duyên thứ năm của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Vấn hà niệm chúng sanh ân? Sao gọi là không quên ân chúng sanh? Chúng sanh thì bao gồm 12 loại như loài: bay, lặn, động, trực, thai, noãn, thấp, hóa, hữu tướng, vô tướng, hữu sắc, vô sắc, phi hữu tướng, phi vô tướng. Thậm chí bao gồm luôn các loài muỗi mòng, sâu kiến.

Vị ngã dữ chúng sanh, từng khoáng kiếp lai: Ta cùng với 12 loại chúng sanh này, từ vô lượng kiếp cho đến nay, **thế thế sanh sanh, hổ vi phụ mẫu, bỉ thử hữu ân:** Vì đời đời kiếp kiếp luân hồi chìm nổi, nên làm cha mẹ lẫn nhau, hay thay nhau làm con cái, vì vậy kia đây đều có ân nghĩa với nhau.

Kim tuy cách thế hôn mê, hổ bất tương thức: Nay tuy đời chia cách, vì ta mê muội hồ đồ nên kia đây đều không nhận biết ra nhau. **Dĩ lý thôi chi, khởi vô báo hiệu!** Báo là báo đáp, hiệu là hiệu lực. Tức nếu lấy đạo lý này để suy đoán, đo lường thì đây kia, nên báo đền lẫn nhau.

Kim chi phi mao đái giác, an tri phi tích vi kỳ tử hồ? Nay quý vị làm sao biết được kiếp trước, mình đã không phải là con cái của những loài súc sanh mang lông đội sừng này?

Kim chi nhuyển động quyên phi, an tri bất tăng vi ngã phụ hồ! Nay những loài hàm linh sâu bọ, loài bò bay máy cựa, ví như ruồi muỗi là những loài động vật rất nhỏ có thể bay. Nhiều sanh linh nhỏ bé như thế, quý vị làm sao biết được trong đời quá khứ chúng nó không phải là cha của ta?

Mỗi kiến ấu ly phụ mẫu, trưởng nhi dung mạo đô vong: Thường nhìn thấy những trẻ nhỏ, tuổi còn thơ ấu mà sớm lìa xa cha mẹ, chừng lớn lên, chúng đều quên mất đi dung mạo song thân chúng.

Hà huống tức thế thân duyên, kim tặc Trương Vương nan ký: Huống chi là cha mẹ con cái đời trước? Đời trước là họ Trương hay họ Vương, ngày nay cũng không còn nhớ nữa.

Bỉ kỳ hào hô ư địa ngục chi hạ, uyển chuyển ư nga quý chi trung: Họ gào thét ở trong địa ngục, hoặc bị xoay chuyển trong vòng nga quý, không thoát ra được. **Khổ thống thù tri, cơ hư an tố:** Ai mà biết được sự thống khổ của họ? Hoặc là được ăn no, hoặc là vẫn ở nơi đó chịu đói khát. Những cảnh như vậy, còn nói cho ai biết nữa đây? **Ngã tuy bất kiến bất văn, bỉ tất cầu chứng cầu tế:** Tuy ta không thấy không nghe, nhưng nhất định là họ đang ở đó trông đợi người đến cứu giúp tế độ họ. **Phi kinh bất năng trần thủ sự, phi Phật bất năng đạo thủ ngôn:** Nếu không có kinh điển, thì sẽ không nói rõ được những cảnh trạng này. Nếu không phải Đức Phật là bậc có trí huệ sáng suốt, thì cũng không thể nói ra các chuyện tiền nhân hậu quả cùng những lý lẽ rất cặn kẽ đây.

Bỉ tà kiến nhân, hà túc dĩ tri thử: Những người tà tri tà kiến không tin nhân quả đó, đương nhiên là họ không biết về những đạo lý này! **Thị cố Bồ Tát quán ư lâu nghị, giai thị quá khứ phụ mẫu, vị lai chư Phật:** Lâu nghị tức là loài bọ kiến. Cho nên ngay cả loài bọ kiến, Bồ Tát cũng cho là cha mẹ quá khứ của mình, cũng là chư Phật trong tương lai. **Thường tư lợi ích, niệm báo kỳ ân:** Thường nghĩ đến những việc lợi ích cho các loài bọ kiến, cũng có ý là muốn báo ân cha mẹ và báo ân chư Phật.

Thị vị phát Bồ-đề tâm đệ ngũ nhân duyên dã: Đó là nhân duyên thứ năm của sự phát Bồ-đề tâm.



6. NHỚ SANH TỬ KHỔ

Nguyên văn:

云何念生死苦？謂我與眾生，從曠劫來，常在生死，未得解脫。人間天上，此界他方，出沒萬端，升沈片刻，俄焉而天，俄焉而人，俄焉而地獄、畜生、餓鬼。黑門朝出而暮還，鐵窟暫離而又入。登刀山也，則舉體無完膚；攀劍樹也，則方寸皆割裂。熱鐵不除饑，吞之則肝腸盡爛，烱銅難療渴，飲之則骨肉都糜。利鋸解之，則斷而復續；巧風吹之，則死已還生；猛火城中，忍聽叫噪之慘；煎熬盤裏，但聞苦痛之聲；冰凍始凝，則狀似青蓮蕊結；血肉既裂，則身如紅藕華開。一夜死生，地下每經萬遍；一朝苦痛，人間已過百年。頻煩獄卒疲勞，誰信閻翁教誡！受時知苦，雖悔恨以何追；脫已還忘，其作業也如故。鞭驢出血，誰知吾母之悲；牽豕就屠，焉識乃翁之痛。

Âm Hán Việt:

Vân hà niệm sanh tử khổ? Vị ngã dĩ chúng sanh, tùng khoáng kiếp lai, thường tại sanh tử, vị đắc giải thoát. Nhân gian thiên thượng, thử giới tha phương, xuất một vạn đoan, thăng trầm phiến khắc, nga yên nhi thiên, nga yên nhi nhân, nga yên nhi địa ngục, súc sanh, ngã quý; hắc môn triêu xuất nhi mộ hoàn, thiết quật tạt ly nhi hựu nhập. Đẳng đao sơn dã, tắc cử thể vô hoàn phu. Phan kiểm thọ

PHẦN CHÁNH TÔNG

dã, tắc phương thốn giai cát liệt. Nhiệt thiết bất trừ cơ, thôn chi tắc can trường tận lạn, dương đồng nan liệu khát, ẩm chi tắc cốt nhục đô mi. Lợi cứ giải chi, tắc đoạn nhi phục tục; xảo phong xuy chi, tắc tử dĩ hoàn sanh; mãnh hỏa thành trung, nhữn thính khiêu hào chi thắm; tiên ngao bàn lý, dẫn văn khổ thống chi thanh; băng đồng thủy ngưng, tắc trạng tự thanh liên nhục kết; huyết nhục ký liệt, tắc thân như hồng ngẫu hoa khai. Nhất dạ tử sanh, địa hạ mỗi kinh vạn biến; nhất triệu khổ thống, nhân gian dĩ quá bách niên. Tần phiến ngục tốt bì lao, thù tín Diêm ông giáo giới! Thọ thời tri khổ, tuy hồi hận dĩ hà truy; thoát dĩ hoàn vong, kỳ tác nghiệp dã như cố. Tiên lư xuất huyết, thù tri ngô mẫu chi bi; khiên thử tự đồ, yên thức nãi ông chi thống.

Dịch:

Sao gọi là nhớ khổ sanh tử? Ta cùng với chúng sanh, từ vô số kiếp đến nay, ở mãi trong vòng sanh tử, chưa được giải thoát. Có khi sanh trong loài người, có lúc lên trên thiên cảnh, khi ở thế giới này, lúc ở phương khác, ra vào lặn hụp muôn lần, lên xuống trong giây lát. Thoáng chốc làm trời, thoáng chốc làm người, thoáng chốc sanh vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Cổng ngục đen, sáng ra chiều về, vừa rời khỏi hang sắt nhưng lại quày trở vào. Lên núi đao thì thân thể không còn mảnh da nguyên vẹn. Vào rừng kiếm thì tim gan cũng bị cắt lìa. Sắt nóng không trừ được cơn đói, nuốt vào thì ruột gan tan nát. Nước đồng sôi dâu chưa hết khát, uống vào thì thịt nát xương tan. Cửa bén cắt thân, đứt ra rồi liền trở lại, gió xảo thổi vào thì chết rồi sống lại ngay. Trong thành lửa dữ chỉ nghe tiếng thét gào thảm thiết,

trên bàn chưng nướng toàn nghe tiếng than đau khổ thống thiết. Nước đóng băng như sen xanh kết nhụy, máu thịt rã rời nứt nẻ, thân thể như ngó sen đỏ mới nở. Một đêm trong địa ngục, sống chết thường luôn đến vạn lần, một buổi sáng chịu thống khổ mà như trăm năm ở nhân gian. Cứ mãi làm cho ngục tốt phiền hà mệt nhọc, nhưng đâu ai chịu nghe lời Diêm Vương khuyên bảo. Đến khi thọ quả báo mới biết khổ, dẫu hối hận cũng đâu có kịp. Lúc được thoát ra thì lại quên ngay, rồi vẫn tạo nghiệp y như cũ. Đánh quát con lừa đến đổ máu, nhưng nào ai biết là cái bi thảm của mẹ mình. Lôi con heo đến mổ thịt, đâu hay rằng là cái đau đớn của cha ta.

Giảng:

Vấn hà niệm sanh tử khổ? Thế nào là không quên cái khổ sanh tử? Sanh thì có gì thống khổ? Lúc chết lại có chi khổ đau? Khi chúng ta sanh ra, đau khổ như bị đè ép giữa hai ngọn núi. Khi chết thì tứ đại phân khai, nhưng không dễ gì lìa bỏ cái túi da hôi thúi, cho nên rất là đau khổ. Có người nói: Sanh như rùa sống thoát xác, chết như bò bị lột da. Đáng sợ như thế đó!

Vị ngã dữ chúng sanh: Là nói ta và chúng sanh đều có mối quan hệ với nhau. **Tùng khoáng kiếp lai, thường tại sanh tử:** Khoáng kiếp tức là rất lâu xa, không biết là bao lâu, từ vô số kiếp về trước đến nay, chúng ta cứ sanh ra rồi lại chết, chết rồi lại sanh. Chết rồi lại sanh, sanh rồi lại chết, sanh sanh tử, tử tử sanh, cứ mãi tuần hoàn một cách vô cơ như vậy. **Vị đắc giải thoát:** Tuy chúng ta vẫn thường muốn được giải thoát nên hôm nay thì tu hành, nhưng ngày mai lại muốn đi chơi, ngày mốt lại lười biếng, ngày kia lại nghĩ đến ăn, ngày sau nữa lại

PHẦN CHÁNH TÔNG

ngĩ đến uống. Như thế mà mất đi chánh niệm và chỉ còn lại toàn là tà niệm. Bởi chúng ta không có nhớ gì đến tâm đạo, nên mới không được giải thoát.

Nhân gian thiên thượng: Có lúc chúng ta đến nhân gian làm người, có lúc lại sanh lên trời. Làm việc thiện có công đức thì được sanh lên thiên giới, tạo tội ác thì bị đọa xuống địa ngục, cho nên chúng ta vẫn không ra khỏi được lục đạo luân hồi. **Thử giới tha phương, xuất một vạn đoan:** Rồi cứ thế, chúng ta từ thế giới này thay nhau di dân đến thế giới khác. Vốn là người Trung Quốc nhưng lại nhập quốc tịch Mỹ, vốn là người Mỹ nhưng lại nhập quốc tịch Tàu. Đó gọi là vạn nẻo thay nhau mà ra vào, không đầu, không mối, đủ các thứ nhân duyên. **Thăng trầm phiến khắc:** Xoay chuyển trong vòng sanh tử, có lúc thì thăng thiên như đi thang máy lên trời; có lúc giáng hạ cũng như ngồi thang máy xuống địa ngục vào hầm giam. Đó đều là ví dụ, ý nói là nhanh như thế! **Nga yên nhi thiên, nga yên nhi nhân:** Thoáng chốc sanh lên trời, thoáng chốc lại làm người. **Nga yên nhi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ:** Thoáng chốc lại đọa vào địa ngục, làm súc sanh hoặc chuyển vào cõi ngạ quỷ.

Hắc môn triều xuất nhi mộ hoàn: Hắc môn là cổng đen tức là trong cõi địa ngục - sáng sớm mới bước ra, chiều tối lại quay trở vào. **Thiết quật tạm ly nhi hựu nhập:** Thiết quật là hang sắt, cũng ví dụ cho địa ngục, giống như người ở trong hang sắt, không có chỗ để đi. Tuy họ tạm thời vừa đi ra, nhưng trong nháy mắt họ lại bước trở vào. Đó là vì họ vẫn tạo nghiệp như cũ, nên lại bước trở vào. **Đăng đao sơn dã, tắc cử thể vô hoàn phu:** Lên núi đao thì toàn thân thịt nát máu tuôn, không

còn đến một mảnh da nguyên vẹn. **Phan kiếm thọ dã, tắc phương thốn giai cát liệt:** Phương thốn tức là trái tim. Vào rừng đao kiếm thì tim bị cắt mổ. Ví dụ như người đi đến núi đao, thoáng chốc là trái tim bị cắt nát cả ra cũng đau đớn như người bị bệnh tim vậy.

Nhiệt thiết bất trừ cơ, thôn chi tắc can trường tận lạn: Nếu ăn sắt nóng cũng không no bụng được, vì nó là sắt đốt nóng. Cũng bởi vì đói nên mới ăn sắt nóng, khi nuốt vào thì ruột, gan đều bị thiêu đốt rã rời. **Dương đồng nan liệu khát, ẩm chi tắc cốt nhục đô mi:** Dương đồng tức là nung đồng chảy ra thành nước đồng. Người khát nước thấy chỗ có nước thì muốn uống, nhưng nước đó đâu giải khát được mà trái lại còn làm cho thịt nát xương tan.

Lợi cú giải chi, tắc đoạn nhi phục tục: Thân thể bị cửa bén cắt xẻ như thân vốn đã cửa đứt rồi, nhưng vì nghiệp báo nên thân thể nối liền trở lại. Ý nói, chúng ta vốn không muốn tạo nghiệp nữa, nhưng rồi cũng tiếp tục làm, cho nên mới bị quả báo cửa xẻ như thế. **Xảo phong xuy chi, tắc tử dĩ hoàn sanh:** Địa ngục có một loại gió gọi là xảo phong, tức là gió nghiệp của chúng ta. Gió này vừa thổi vào thì chết, nhưng rồi sống trở lại ngay. Sống lại để làm gì? Không phải nói là sống để mua xe hơi mới, hoặc để hưởng thụ cảnh nhà sang trọng, nhưng sống lại đây chính là để lãnh chịu quả báo khổ đau từ các tội lỗi của mình. Cho nên nói, chết cũng chết không được, mà sống cũng sống không xong.

Mãnh hỏa thành trung, nhĩn thính khiếu hào chi thảm: Trong thành có lửa dữ, tội nhân bị thiêu đốt gào thét thảm thiết. Họ than trời trách đất, kêu cha réo mẹ rất là bi thương,

PHẦN CHÁNH TÔNG

thê thảm. **Tiên ngao bàn lý, dẫn văn khổ thống chi thanh:** Địa ngục có loại bàn chưng nấu, tội nhân bị bỏ trên đó, phía dưới có lò lửa thiêu đốt. Ngồi trên bàn chưng nấu này cũng giống như đang bị nấu trong nồi vậy và chỉ nghe tiếng người ở trong đó kêu than: “Ồi! Đau quá! Khổ quá đi!”

Băng đóng thủy ngưng, tắc trạng tự thanh liên nhụy kết: Thanh liên nhụy kết là nụ hoa sen xanh vừa mới nở. Đây là nói trong địa ngục hàn băng, khi nước vừa đông lại thành băng thì máu thịt của tội nhân lúc bấy giờ trông giống như hoa sen có nhụy xanh. **Huyết nhục ký liệt, tắc thân như hồng ngẫu hoa khai:** Đến khi máu thịt tan rã ra thì trông giống như hoa sen đỏ mới nở. Thật ghê rợn thay khi chúng ta hình dung ra cảnh tượng này.

Nhất dạ tử sanh, địa hạ mỗi kinh vạn biến: Một đêm trong địa ngục chết đi rồi sống lại đến cả vạn lần. **Nhất triêu khổ thống, nhân gian dĩ quá bách niên:** Vì chịu đau khổ nên tội nhân cảm thấy thời gian rất dài. Một ngày đêm trên cõi trời Tứ thiên vương là năm trăm năm ở cõi nhân gian. Một trăm năm ở cõi nhân gian là một ngày đêm ở địa ngục. Bởi vậy, tội nhân chỉ ở trong địa ngục một ngày đêm giống như đã trải qua khoảng thời gian rất dài ở nhân gian chúng ta. Cho nên nói, tội nhân trải qua chết sống thường đến vạn lần.

Tần phiền ngục tốt bì lao: Là khiến cho quỷ ngục tốt mệt nhọc đến nỗi phải than rằng: “Ồi! Thật là mệt, hôm nay công việc nhiều quá, mệt quá đi!” Ngay cả quỷ ngục tốt mà cũng than phiền mệt nhọc nữa đó. **Thùy tín Diêm ông giáo giới!** Diêm Vương dạy cho chúng ta biết những cảnh khổ ở địa ngục như thế để chúng ta đừng tạo nghiệp ác nữa. Nhưng có

ai chịu nghe lời khuyên bảo của ông Diêm Vương đâu? **Thọ thời tri khổ, tuy hối hận dĩ hà truy:** Đến khi thọ quả báo, chúng ta mới biết đau khổ, nhưng dẫu cho có hối hận cũng đã muộn rồi. **Thoát dĩ hoàn vong, kỳ tác nghiệp dã như cổ:** Lúc thoát khỏi cảnh khổ thì quên ngay, cho nên chúng ta vẫn cứ tạo nghiệp như trước. Con người chúng ta là điên đảo như thế đó. Một khi vết thương lành rồi thì quên đi cái đau nhức. Khi bị khổ đau thì nói: “Mình không nên làm các việc ác, mà cần phải làm các việc lành.” Đến khi hết bị khổ, chúng ta lại khởi các vọng tưởng bất chánh, rồi lại sát sanh, trộm cắp, tà dâm, chuyện gì cũng dám làm. Con người thuộc về loài động vật không có tông chỉ, không có trí huệ chân chánh.

Tiên lữ xuất huyết, thù tri ngô mẫu chi bi: Con người vì phạm phu mất thịt, không biết gì về tiền nhân hậu quả, cho nên mới có câu: “Thuận ta thì sống, nghịch ta thì chết.” Đây không nói đến lừa, ngựa, mà ngay cả những loài muỗi mòng, ruồi kiến, sâu bọ, phạm hễ là loài động vật có khí, có huyết đều có mối quan hệ quuyến thuộc với ta, là có mối nhân quả bất tịnh ở bên trong. Vì chúng ta không hiểu biết nên cứ đánh bậy chửi bạ; hết chửi мэng người này, rồi lại đánh đập người kia. Thực ra, đó đều là tự mình tương tàn cốt nhục lẫn nhau, tự mình ở đó mà gây náo loạn một cách mù quáng. Cho nên Phật nói: “*Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta.*” Đây là nói về người, vậy nếu nói rộng thêm nữa, thì người nam cũng có thể là mẹ ta, hoặc người nữ cũng có thể là cha ta. Tại sao lại nói như thế? Bởi vì cha kiếp trước của ta, không nhất thiết luôn là người nam; mẹ đời trước của ta cũng không nhất định thường là người nữ. Bất quá ở đây Đức Phật

PHẦN CHÁNH TÔNG

chỉ nói một cách tổng quát thôi. Như nếu muốn làm một bài văn chương chi tiết hơn thì chúng ta cần phải suy rộng thêm ra mà bổ sung vào cho đầy đủ.

Không những chỉ có loài người mới là cha mẹ ta, mà ngay đến các loài bò bay máy cựa như: trâu, ngựa, dê, gà, heo, chó, 12 loại chúng sanh, tất cả đều có mối quan hệ quyến thuộc cốt nhục với ta. Nhưng vì chúng ta quay lưng với giác ngộ mà lại hợp với trần lao nên không nhận ra được mối quan hệ này. Đó, rõ ràng là cha mình mà mình xem như kẻ thù, rành rành là mẹ ta, mà ta coi như oan gia. Vì vậy, tuy nay là lừa, nhưng kiếp trước đã là mẹ của ta. Chỉ vì bà đã tạo bao nghiệp tội nên mới thác sanh làm loài lừa đó thôi. Vậy mà mình là kẻ phàm phu không biết, nên mới lấy roi, lấy gậy đánh nó, còn cho rằng, vì nó không siêng năng làm việc nên cần phải đánh. Nhưng mỗi lần quát roi vào thân lừa, thì bà mẹ kiếp trước của ta khóc ré lên vì đau nhức khôn xiết.

Vừa rồi ông họ Dương nọ nói về một công án cho quý vị nghe, quý vị chớ cho rằng, ông ta nói lời vô căn cứ, mà đều là chuyện có thể xảy ra! Heo chó cũng làm cha mẹ con cái với nhau. Phàm là chúng sanh tức đều thay nhau mà giao lưu di dân nên những linh tánh đó cũng biến đổi với nhau. Nhưng rốt cuộc cũng là vì muốn tìm cho mình một ngôi nhà mới để ở. Vì thế:

*Xuất mã phúc, nhập lư thai,
Diêm Vương điện tiền kỷ độ hồi.
Thủy tùng Đế Thích điện tiền quá,
Hựu đảo Diêm quân oa lý lai.*

Dịch:

*Ra bụng ngựa, vào thai lừa,
Điện Diêm Phủ đã nhiều phen đến,
Mới ghé qua cung trời Đế Thích,
Nay lại rơi vào chảo Diêm Vương.*

*Vừa mới từ trên Trời Đế Thích đó, giờ lại rớt xuống ngay chảo
dầu sôi của Diêm Vương.*

Cho nên, không những chỉ con người chúng ta mới thích du lịch, mà cả linh hồn chúng ta cũng thích đi du lịch và nghĩ đó là trò chơi rất thú vị. Có lúc thì đi đến chỗ bình an như chúng ta được ở trong khách sạn sang trọng, nơi có nhà vệ sinh, phòng tắm, giường nệm... rồi ngủ ở trên đó mà nghĩ: “Cha! Ở đây còn sướng hơn ở nhà mình nữa.” Ở thì muốn ở chỗ có danh tiếng, ăn cũng muốn ăn những món mỹ vị, thơm ngon. Nếu người có ý tham muốn hưởng thụ như thế tức sẽ đi sai đường. Người ham ăn những thứ có hương vị thì thích ăn thịt gà vịt, heo cá. Họ còn chế biến ra đủ món hảo hạng để ăn cho ngon miệng. Nhưng họ đâu biết rằng, hễ ăn rồi tức phải lo trả nợ. Thiếu tiền của người thì phải trả tiền lại cho người. Quý vị nợ thịt của người thì bảo sao không trả thịt lại cho được? Cho nên tự mình đã ăn nhiều thịt như thế mà không muốn trả nợ thì không thể nào. Thế là phải đi làm quyến thuộc của loài heo, bò, dê... để trả nợ.

Quý vị thấy đó, trước kia nước Mỹ có một người được gọi là đại vương chuyên bán thịt gà chiên. Nếu quý vị nghiên cứu kỹ thì thấy ông giống như một con gà trống già vậy. Một ngày ông ta giết đến hàng vạn con gà, nhiều vô số kể. Tại sao vậy? Vì không những chỉ ông ở kiếp quá khứ bị người ta ăn

PHẦN CHÁNH TÔNG

thịt, mà cả quyển thuộc của ông cũng bị ăn thịt rất nhiều. Cho nên kiếp này ông làm người, còn những người ăn thịt gà đó, nay lại sanh làm gà và bị ông giết để ăn thịt. Ông đã cung cấp chất dinh dưỡng cho chúng nó ở kiếp trước, thì kiếp này chúng nó bồi dưỡng lại cho ông. Đó là họ bồi bổ cho nhau cái nhân hiện tại và cái quả báo ở tương lai. Cho nên quý vị nhìn thấy người bán thịt dê có hình dáng giống như con dê vậy. Chính bởi kiếp trước bị người ta ăn thịt quá đau khổ nên kiếp này ông muốn báo thù - mối hận máu ngày xưa. Cho nên khi ông ta làm người, thì những kẻ ăn thịt dê lúc trước, lại đi làm dê để trả nợ. Quý vị nhìn thấy cặp mắt của người bán dê thì giống dê không chút gì sai khác! Người bán thịt dê, nhất định là giống như dê; bán thịt gà thì giống gà; bán gà tây thì giống như gà tây. Quý vị thử xem khắp nơi coi, người bán cá thì giống y như là cá. Tôi tuy không có ăn những thứ đó, nhưng vừa nhìn qua là biết ngay; thì ra, hễ bán thứ gì, thì đầu thai thành thứ đó, rồi ở đó mà báo thù. Cho nên thế giới này là như thế, như lưới nghiệp đan kết lẫn nhau, luân hồi không dứt. Vì đoạn văn này nói rất rõ ràng nên hôm nay tôi cũng nhân đây nói cho các vị nghe rõ về mối quan hệ nhân duyên quả báo với nhau.

Người và súc sanh cũng đan dệt lưới nghiệp xen kẽ với nhau mà luân hồi không thôi. Hoặc giả có người thương chó, nhưng khi chó đó thác sanh làm một chàng trai anh tuấn, thì nó lại đi tìm người chủ đời trước của mình để làm vợ.

Ở quê tôi, huyện Lạp Lâm Đông Bắc, tôi có một người anh em kết nghĩa. Quý vị xem đấy! Anh em kết nghĩa với tôi, loại người nào cũng có hết. Kiếp trước anh ta là kép hát và thường diễn trong những màn kịch có tính cách rất là văn

nhân tao nhã. Vì chỉ đóng những vai tiểu thư sinh nên kiếp này sanh ra tánh tình anh cũng rất lịch sự nhã nhặn. Nhưng vợ của anh thì mập béo lù khù. Thì ra ở kiếp quá khứ cô ta chính là con chó cái nhỏ thường theo bên anh khi anh ta đi đóng tuồng. Vì anh ta rất thương chó đó, nên khi chó thác sanh làm người thì nó bèn làm vợ của anh. Quý vị thử đoán xem, là vợ của anh ta rồi sao nữa? Mỗi ngày từ sáng đến tối, cô vợ cứ âm âm đùng đùng, giống như con chó con muốn cắn xé anh ta vậy. Cô cãi cọ với anh suốt ngày đến nỗi anh muốn tìm cách thoát mà không sao thoát được rồi than rằng: “Làm sao đây? Làm sao đây?” Suốt ngày anh ta chỉ biết nhăn nhó khổ sở. Cho nên người diễn tuồng thương chó, kiếp sau sẽ làm vợ chồng với nhau. Nếu là người nữ thì sao? Hoặc giả cô ta cũng là người thương chó, sau chó đó lại làm chồng của cô ta, rồi họ cũng đánh cãi nhau suốt ngày. Hay là người chồng kia là con chó đực nên thích tìm một con chó cái khác. Cho nên đến khi làm người, y cũng vẫn muốn đi tìm người nữ khác. Đó là tranh đoạt tình nhân, ghen tương đố kỵ, làm cho gia đình hỗn loạn, không được an ổn. Quý vị xem có đáng thương không? Tôi nay chỉ nói đại khái như thế. Hôm nay ông La nhắc đến việc đoạn trừ ái dục - Thật đoạn trừ ái dục ư? Nên tôi hỏi ông ta: “Ông có thật vậy chăng?” Ông không dám thừa nhận mà ấp a ấp úng rồi nói lảng qua chuyện khác, trả lời qua loa lấy lệ. Đây chính là người đang đóng tuồng trong lục đạo luân hồi. Ôi! Một khi sanh được làm người, thì cảm thấy như không có gì đáng lo nữa mà ở đó điên điên đảo đảo, giông ruổi khắp nơi.

Đánh con lừa ra máu, “**thùy tri ngô mẩu chi bi,**” thùy là người nào. Người đánh con lừa ra máu, lừa đau đớn khôn xiết,

PHÂN CHÁNH TÔNG

khóc la thảm thiết, nhưng ai mà biết được rằng, lừa này vốn là mẹ của mình ở đời trước? **Khiên thì tụt đồ, yên thức nãi ông chi thống:** Lấy dây trói heo, lôi nó đến lò thịt, người đồ tể nào biết rằng, nó chính là cha của y kiếp trước. Y còn nói: “Mày ăn mập như thế, giết chết cho rồi, hãy nói chuyện sau!” Cho nên cha của y đau khổ khôn cùng.

Nguyên văn:

食其子而不知，文王尙爾；啖其親而未識，凡類皆然。當年恩愛，今作冤家；昔日寇仇，今成骨肉。昔爲母而今爲婦；舊是翁而新作夫。宿命知之，則可羞可恥。天眼視之，則可笑可憐。糞穢叢中，十月包藏難過；膿血道裏，一時倒下可憐。少也何知，東西莫辨；長而有識，貪欲便生。須臾而老病相尋，迅速而無常又至。風火交煎，神識於中潰亂；精血既竭，皮肉自外乾枯。無一毛而不被前鍼鑽，有一竅而皆從刀割。龜之將烹，其脫殼也猶易；神之欲謝，其去體也倍難。

Âm Hán Việt:

Thực kỳ tử nhi bất tri, Văn Vương thượng nhĩ; đạm kỳ thân nhi vị thức, phạm loại giai nhiên. Đương niên ân ái, kim tác oán gia; tích nhật khẩu cừ, kim thành cốt nhục. Tích vi mẫu nhi kim vi phụ, cựu thị ông nhi tân tác phu. Túc mạng tri chi, tắc khả tu khả sĩ. Thiên nhân thị chi, tắc khả tiếu khả lân.

Phần ế tòng trung, thập nguyệt bao tàng nan quá; nùng huyết đạo lý, nhất thời đảo hạ khả lân. Thiếu dã hà tri, đông tây mạc biện, trưởng nhi hữu thức, tham dục tiện sanh. Tu du nhi lão bệnh tương tâm, tấn tốc nhi vô thường

hựu chí. Phong hỏa giao tiên, thần thức tư trung hội loạn; tinh huyết ký kiệt, bì nhục tự ngoại can khô. Vô nhất mao nhi bất bị châm toản, hựu nhất khiếu nhi giai tùng đao cát. Quy chi tương phanh, kỳ thoát xác dã do di, thần chi dục tạ, kỳ khứ thể dã bội nan.

Dịch:

Ăn thịt con mà không biết, Văn vương còn như thế; ăn thịt người thân mà không hay, phàm phu đều như vậy. Kiếp trước thương yêu mà đời nay biến thành oan gia. Ngày xưa là giặc, là thù, ngày nay lại trở nên ruột thịt. Quá khứ là mẹ mà hiện tại là vợ, túc thế là cha mà hiện tại là chồng. Nếu có cái trí túc mạng biết được nhân quả đời trước thì thật đáng hổ, đáng thẹn. Nếu dùng mắt thiên nhãn để nhìn thì quả đáng cười, đáng thương.

Bị bao bọc trong rừng dơ bẩn mười tháng thì thật khó chịu, ở chỗ máu mủ mà khi bị dốc xuống thì thật là đáng thương. Khi nhỏ, không biết chi, đông tây cũng chẳng phân biệt rõ. Lớn lên hiểu biết, thì tham lam dục vọng bèn khởi sanh. Nhưng khoảnh khắc bị già bệnh đuổi bắt, chốc lát mà vô thường lại đến. Bấy giờ tâm thức rối loạn trong trận gió lửa giao tranh. Tinh huyết đã kiệt lực, bên ngoài da thịt teo khô không một lỗ chân lông nào mà không như bị chích đốt, không một kẽ huyết nào mà không như bị dao cắt. Khi chết thần thức rời thân thể, nó đau đớn gấp bội lần cái đau của con rùa bị lột vỏ đem đi nấu.

Giải:

Thực kỳ tử nhi bất tri: Có người nói Văn Vương là người biết trước sự việc. Khi Văn Vương bị nhốt vào trong ngục, vua Trụ cố ý thử ông, xem ông ta thật có tài tiên đoán không? Cho nên

PHẦN CHÁNH TÔNG

cho ông ta ăn thịt con của ông. Văn Vương nhìn thấy thịt bèn ăn như thường. Văn Vương ăn thịt vì không biết đó là thịt của con mình; nếu biết là thịt của con mình thì ông sẽ không ăn đâu. Có người nói, ông ta biết đấy, nhưng cố ý ăn để tỏ rằng, mình không biết. Không phải vậy! Nếu ông biết thì dù sao nữa cũng nuốt không vô. Cho nên đó cũng là định nghiệp!

Vậy, chính vì người ta không biết nên mới làm nhiều việc sai lầm. Như gái đuổi theo trai, đâu ngờ rằng bạn trai đó kiếp trước chính là ông, cậu, chú, ông cố nội, thậm chí là cha của mình, đều không nhất định. Nhưng chỉ vì cô ta nhìn thấy anh chàng trẻ tuổi khôi ngô mới vội vàng theo đuổi. Theo đuổi được rồi, kết quả là điên đảo, rồi ở đó mà loạn xạ lung tung cả lên. **Văn Vương thượng nhĩ:** Văn Vương là người thông minh sáng suốt, có đức thánh mà còn không biết là thịt của con mình. **Đạm kỳ thân nhi vị thức, phạm loại giai nhiên:** Vậy phạm phụ tục tử chúng ta, mỗi ngày ăn thịt cha mẹ, tổ tiên cốt nhục của mình còn vẫn không hay! Con người đều như thế, không có cách nào trốn thoát cái nhân quả này.

Đương niên ân ái, kim tác oán gia: Trước kia ân ân ái ái, thương thương yêu yêu, anh anh em em; thương nhau đời sống đời chết. Không ngờ kiếp sau, y biến thành bò, thành ngựa, thì không còn thương yêu nữa. Biến thành bò thì bị người ăn thịt nó nên nó sân hận suốt đời nói: “Được rồi! Mày thật là thứ chẳng ra gì, nay ăn thịt của tao không chút gì khách sáo, tương lai tao nhất định sẽ nhai lại xương của mày cho coi!” Cho nên cứ thế mà kết oán thù, làm oan gia với nhau. **Tích nhật khấu cừ, kim thành cốt nhục:** Trước kia là giặc, là cướp, ngày nay biến thành lục thân quyến thuộc, tình thân cốt nhục. Cho nên

có nhiều gia đình không hòa thuận với nhau là vậy.

Tích vi mẫu nhi kim vi phụ: Kiếp trước là mẹ ruột mình, nhưng kiếp này lại là vợ của ta. Quý vị xem! Chỉ là đổi tới đổi lui cái túi da hôi thúi này, chớ linh hồn thì vẫn còn y đó mà đã không còn nhận biết ra nữa. **Cựu thị ông nhi tân tác phu:** Quá khứ làm cha, nay lại làm chồng, cô ta không còn cho là lạ mà cảm thấy là việc rất bình thường. Quý vị nói, những việc này có gì khác biệt với loài súc sanh? **Túc mạng tri chi:** Túc mạng là nhân quả kiếp trước; biết ra được **tắc khả tu khả sử**, nếu biết được sự việc như vậy tức cảm thấy thật đáng hổ đáng thẹn, thì làm sao có thể ngẩng mặt lên nhìn đời? **Thiên nhân thị chi, tắc khả tiểu khả lân:** Nếu dùng thiên nhân để quán sát thì thật đáng cười, đáng thương thay!

Phấn uestùng trung, thập nguyệt bao tàng nan quá: Khi đứa trẻ ở trong bụng mẹ cũng giống như ở trong rừng phân tiểu. Mười tháng ở trong chỗ dơ bẩn đó hòa cùng với máu mủ, rất khó chịu. **Nùng huyết đạo lý, nhất thời đảo hạ khả lân:** Khi ra đời đứa bé cũng từ chỗ máu mủ đó mà dốc ngược ra. Cho nên rất là đáng thương!

Thiếu dã hà tri, đông tây mạc biện: Trẻ con mới ra đời có tri thức gì? Cái gì cũng không biết, phía đông cũng không biết, phía tây cũng không hay. Hai chữ “đông tây” này có thể nói là vật chất, tức là cái gì cũng không hiểu. **Trường nhi hữu thức, tham dục tiện sanh:** Thức là tri giác. Khi lớn khôn thì có chút tri giác, vậy thì biết cái gì? Không biết nhân quả báo ứng tuần hoàn, mà biết *nam tham nữ ái*, nữ thì đuổi theo bạn trai, nam thì đuổi theo bạn gái. Nếu theo đuổi nhau không được, họ có thể cùng chết với nhau. Như không thể kết hôn

PHẦN CHÁNH TÔNG

với nhau được thì tự sát cho xong! Quý vị thấy đó **tham dục tiện sanh** chính là nói về cái này. Kỳ thực, họ cứ ở trong đó mà không biết - như vậy thật là không có ý nghĩa gì.

Tu du nhi lão bệnh tương tâm: Tu du chính là thời gian rất ngắn ngủi, như đời người chẳng qua là một cái chớp mắt. “Nhi lão” là lại già rồi. Già rồi thì da gà tóc bạc nên dù lúc trẻ cô nàng đó có đẹp đến đâu đi nữa, nay già rồi cũng không ai muốn. Vợ của người kia dù muốn tái giá, nhưng bà ta già rồi nên cũng không ai thèm. Thậm chí nếu ông chồng nhìn thấy bà vợ, già hơn mình thì cũng muốn kiếm một bà khác trẻ hơn. Quý vị tin hay không? Hãy tin đi! Thế giới này chính là như thế! Cho nên nếu nhìn thấu suốt rồi thì chớ có mê mờ mà hãy buông bỏ đi sớm một chút! **Tấn tốc nhi vô thường hựu chí:** Thoáng qua thì đã chết rồi. Tấn tốc là rất nhanh, nhanh như xẹt lửa chớp nhoáng. “Hựu chí” là lại đến. Đây nói, mới đó mà vô thường lại đến rồi.

Phong hỏa giao tiên, thần thức ư trung hội loạn: Gió vừa thổi, lửa liền bốc cao. Lúc này gió lửa ở trong tứ đại tác quái, không điều hòa nữa. Nếu gió lớn thì sanh lửa, lửa lớn thì làm cho người nóng sốt đến mấy trăm độ, mấy ngàn độ, đốt cháy khô héo khiến mất hết tri giác chân chánh, không còn lý trí và không hiểu biết gì.

Tinh huyết ký kiệt: Con người cần có tinh, khí, thần để sống. Khi tinh hết thì chết. Cho nên nói việc kết hôn nam nữ chính là đi tìm cái chết, tức là đi trên đường về cõi chết! Có lẽ người ta sợ sống đến già nên muốn chết sớm. Cho nên con gái thì tìm con trai nói: “Anh mau làm cho tôi chết, tôi không muốn sống nữa.” Còn con trai muốn chết như thế nào? Y vội

vàng đi tìm cô bạn gái nói: “Em làm cho tôi chết sớm đi.” Cho nên họ đều là những *nam tham nữ ái*, không muốn sống.

Tinh khí thần của người còn đủ thì có sức sống. **Tinh** không còn thì nhất định phải chết. **Khí** đoạn rồi thì đương nhiên cũng không sống nổi. Nếu không có **thần** thì không có tri giác được. Chúng ta đều có tri giác. Đó là gì? Chính là thần có tri giác. Chúng ta sống đây là vì có khí, có tinh. Có được Tinh là do mỗi ngày, chúng ta ăn rất nhiều mới biến thành ra một chút xíu **tinh**. Vậy mà các ông mỗi ngày từ sáng đến tối lại truy hoan dục lạc, không đếm xỉa gì đến thân mạng mình. Có ông còn cho rằng, có bạn gái mới hay ho, mới thú vị. Còn tôi nói là điên đảo, mới đúng!

Có người hỏi: “Bạch Thầy! Thầy không thể nói như thế. Ý thầy, có phải thế giới này sẽ chẳng còn người nữa chăng?” Thật ra quý vị không có cách nào khiến cho người trên thế giới đây hiểu rõ đạo lý này. Dù quý vị có nói cặn kẽ như rót vào tai họ, bảo họ rằng, cái này không tốt không nên, nhưng họ vẫn không tin mà vẫn đi trên con đường bất hảo đó. Nếu quý vị nói: “Ô! Đi trên con đường đó thì chỉ có nước chết thôi!” Họ liền nói: “Tôi thử xem, coi chết ra sao trước đã?” Quý vị thấy có thật là điên đảo không? Cho nên quý vị không để gì mà thức tỉnh họ được. Quý vị nhớ là không nên lo lắng rằng: “A, nếu không ai kết hôn, thì ở thế gian này sẽ không còn loài người nữa.” Quý vị đâu biết rằng, nếu quý vị không kết hôn thì ông ta kết; ông ta không kết thì cô kia kết! Quý vị không có cách nào bảo từng người rằng: “Ê! Không nên kết hôn, kết hôn thì sẽ chết đó nhé!” Nếu không, người đó sẽ nói: “Chết? Tôi chưa chết bao giờ nên muốn thử xem sao! Tôi sẽ chết một

PHẦN CHÁNH TÔNG

lần cho bạn xem.” Quý vị coi, thật là không có cách nào cả, cho nên quý vị chớ quá lo âu. Như chú Quả Không đến đây hỏi: “Giả như mọi người đều xuất gia, thì xã hội này có còn thành xã hội nữa chăng?”

Tôi nói: Chú có thể nào bảo họ hãy hoàn tục hết không?

Quả Không nói: Con không có cách gì kêu họ hoàn tục.

- Vậy chú có cách nào khiến cho họ đều xuất gia không?

- Nhưng mà con nghĩ như thế.

- Chú nghĩ như thế tức là vọng tưởng!

Chú ta thật tâm muốn hỏi tôi cả vài ngàn câu, nhưng trong khoảnh khắc chú bèn nín bật, không thốt ra lời nào.

Quý vị nên biết, hôm nay những gì tôi nói với quý vị là đập nổi chìm thuyền,⁽³⁾ quay lưng về phía thành mà quyết chiến; các vị nếu cứ vẫn không hiểu, không nhìn thấu suốt, không buông bỏ được, thì dù là Đức Phật Thích Ca cũng hết cách, cũng cứu không nổi các vị. Các vị nói: “Nếu làm như vậy thì Chúa trời không vui đâu!” Chúa trời à! Chắc Chúa chưa hiểu rõ đó thôi! Nếu phản đối tôi thì là Chúa trời hồ đồ; nếu không phải là Chúa trời hồ đồ, thì Ngài tuyệt đối sẽ không bao giờ phản đối tôi đâu. Tinh huyết đã kiệt này, giống như người nào đó còn lén lút tư thông thì làm sao được!

Bì nhục tự ngoại can khô: Tinh, khí và thần không còn nữa thì da thịt bên ngoài từ lớp từ lớp khô héo, hóa ra đất nước gió lửa, tứ đại phân tán: địa đại thì trả về đất, thủy đại thì trả

(3) Nguyên văn là “Phá phủ trầm châu,” dựa theo tích Hạng Vũ đem quân đi đánh Cự Lộc. Sau khi qua sông thì chìm hết thuyền bè, đập vỡ nổi niêu, chỉ giữ lại ba ngày lương thực để cho binh sĩ thấy không có đường lui, phải quyết tâm đánh thắng.

về nước, phong đại thì trả về gió, hỏa đại thì trả về lửa. **Vô nhất mao nhi bất bị châm toản:** Khi gần chết thì mỗi lỗ chân lông đau nhói như bị đâm chích. **Hựu nhất khiêu nhi giai tùng đao cát:** Lúc đó tinh khí thần đã khô, mỗi một kẽ huyết đều đau nhức như bị dao cắt.

Quy chi tương phanh, kỳ thoát xác dã do dị: Chữ 殼 xác, các vị có người đọc là 咳 khái, thực ra đọc là 覈 khiếu, có nghĩa là vỏ cứng. Như khi người lột mai rùa nấu dầu ngay lúc nó còn sống. Rùa bị lột mai cứng vẫn không gọi là khó khăn, mặc dù đau đớn vô cùng. **Thần chi dục tạ, kỳ khử thể dã bội nan:** Dục tạ là tàn héo. Lúc sắp ra đi, tức là lúc thần thức lìa thân thể, chúng ta còn đau khổ hơn cái đau của rùa sống bị lột mai nữa. Chữ “nan” là đau khổ bội phần so với con rùa sống bị lột mai.

Nguyên văn:

心無常主，類商賈而處處奔馳；身無定形，似房屋而頻頻遷徙。大千塵點，難窮往返之身；四海波濤，孰計別離之淚。峨峨積骨，過彼崇山；莽莽橫屍，多於大地。向使不聞佛語，此事誰見誰聞！未睹佛經，此理焉知焉覺！其或依前貪戀，仍舊癡迷；只恐萬劫千生，一錯百錯。人身難得而易失，良時易往而難追。道路冥冥，別離長久；三途惡報，還自受之。痛不可言，誰當相代？興言及此，能不寒心？是故宜應斷生死流，出愛欲海；自他兼濟，彼岸同登。曠劫殊勛，在此一舉。是為發菩提心第六因緣也。

Âm Hán Việt:

Tâm vô thường chủ, loại thương cổ nhi xứ xứ bôn trì, thân vô định hình, tự phòng ốc nhi tần tần thiên tử. Đại thiên

PHẦN CHÁNH TÔNG

trần điểm, nan cùng vãng phản chi thân, tứ hải ba đào, thực kế biệt ly chi lệ. Nga nga tích cốt, quá bỉ sùng sơn. Mãng mãng hoành thi, đa ư đại địa. Hướng sử bất văn Phật ngữ, thử sự thù kiến thù văn! Vị đồ Phật kinh, thử lý yên tri yên giác! Kỳ hoặc y tiền tham luyến, nhưng cựu si mê; chỉ khủng vạn kiếp thiên sanh, nhất thác bách thác. Nhân thân nan đắc nhi dị thất, lương thời dị vãng nhi nan truy. Đạo lộ minh minh, biệt ly trường cửu, tam đồ ác báo, hoàn tự thọ chi. Thống bất khả ngôn, thù đương tương đại? Hướng ngôn cập thử, năng bất hàn tâm? Thị cố nghi ứng đoạn sanh tử lưu, xuất ái dục hải; tự tha kiêm tế, bỉ ngạn đồng đăng. Khoáng kiếp thù huân, tại thử nhất cử. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ lục nhân duyên dã.

Dịch:

Tâm không phải thường trụ nên giống như thương khách bốn ba giông ruổi mọi nơi. Thân không có hình dáng cố định nên giống như phòng ốc thường dời đổi. Vì trần của đại thiên thế giới cũng khó sánh thân luân hồi, nước đầy trong bốn biển vẫn không bằng lệ biệt ly. Xương mà chất lên thì cao hơn đỉnh núi, thân nằm ngang dọc thì nhiều hơn đại địa. Giả sử không nghe qua lời Phật thì việc ấy ai thấy ai nghe, chưa đọc được Kinh Phật thì lý này ai hay ai biết. Vậy mà có kẻ vẫn tham luyến như xưa, si mê như cũ. Chỉ e rằng muôn kiếp ngàn đời một lần sai lầm là trăm lần sai lầm. Thân người khó được mà dễ mất, giờ tốt dễ trôi qua mà khó tìm lại. Rồi đường hướng mịt mờ, biệt ly dài dặc, ác báo tam đồ tự mình phải chịu, thống khổ không kể xiết, ai chịu thay ta? Trình bày đến đây, há chẳng lo sợ sao! Cho nên hãy dứt nguồn sinh tử, vượt bể ái dục, cứu độ mình và người,

đồng lên bờ giác. Bao nhiêu công lao thù thắng từ vô lượng kiếp đến nay đều phải bắt đầu ngay tại đây. Đó là nhân duyên thứ sáu của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Tâm vô thường chủ, loại thương cổ nhi xứ xứ bồn trì: Chúng ta không làm chủ tâm được, nếu thật làm chủ được tức sẽ sanh định mà không khởi vọng tưởng. Vì tâm không thường làm chủ, cho nên giống như những con buôn, bồn ba khắp nơi mua bán. Hành thương tọa mại là đi khắp nơi bán rong gọi là thương nhân, còn ngồi một chỗ bán hàng gọi là mại nhân. Đó là thương cổ. Chữ “cổ,” nhà buôn vốn đọc là “giả” đối trá, nhưng ở đây đọc là “cổ,” xưa, chính là người buôn bán. Làm thương cổ (lái buôn) hôm nay ở chỗ này, ngày mai đến chỗ kia, khắp nơi rao hàng, mua hàng, bồn ba khắp chốn.

Thân vô định hình, tự phòng ốc nhi tần tần thiên tử: Thân thể của chúng ta không có hình dáng nhất định. Đời này thì cao một chút, đời sau có thể thấp một chút. Nó không phải là của chúng ta mà giống như một căn nhà vậy. Cho nên nói:

Nhân thân hảo tử nhất gian phòng

Khẩu vi môn hộ nhĩ vi song

Tứ chi hảo tử phòng tứ trụ

Đầu phát hảo tượng sơn phòng thảo

Sấn trước hảo thời cần tu bổ

Mạc đãi hoại thời trước liễu mang.

Dịch:

Thân người như một căn nhà,

Mắt là cửa sổ, miệng là cửa đi,

PHẦN CHÁNH TÔNG

*Bốn cột ấy chính tứ chi,
Tóc tựa rơm cỏ lợp trên mái nhà.
Siêng lo tu bổ lúc lành,
Đừng chờ hư hoại rộn ràng cưu mang.*

“Nhân thân hảo tử nhất gian phòng, khẩu vi môn hộ nhĩn vi song:” Miệng dùng để ăn, giống như cửa chánh của căn nhà; cặp mắt, lỗ mũi, lỗ tai như cửa sổ, có thể thông khí, lỗ mũi dưới con mắt giống như hai lỗ thông hơi, vì bịt miệng lại mũi có thể hít thở giống như cửa sổ thoáng khí. **“Tứ chi hảo tử phòng tứ trụ:”** Hai tay, hai chân giống như bốn cột nhà. **“Đầu phát hảo tượng sơn phòng thảo:”** Đầu tóc con người giống như cỏ rơm lợp trên mái nhà. **“Sấn trước hảo thời cần tu bổ:”** Nên siêng năng tu bổ, sửa chữa lúc căn nhà đang còn tốt. **“Mạc đãi hoại thời trước liễu mang”** Tức chờ đợi đến lúc nhà cửa hư hoại rồi, mới lo lắng không có chỗ ở, thì không làm gì được.

Do đây mới thấy, thân của chúng ta giống như căn nhà. Tức nhiên bên trong nhà phải có chủ nhân. Vậy chủ nhân là ai? Chính là tâm đây. Nhưng tâm này nhu nhược bất tài, không thể làm chủ, cứ nghe theo lời của tà ma quỷ quái, và cứ mãi vọng tưởng. Vọng tưởng vừa khởi, thì bị cảnh vật bên ngoài lôi kéo. Cho nên tâm này bôn ba khắp chốn, còn thân thể thường thường đổi thay. Như thân cảm thấy, ở cái nhà này đủ rồi, già rồi, không còn muốn căn nhà này nữa, quăng nó đi; nên thường thường dời đổi, lưu chuyển mà dọn từ nhà này đến nhà nọ. Có lúc dọn từ chồi lá lợp tranh đến nhà cao cửa rộng. Do đó “thường thường dời đổi,” giống như căn nhà, kiếp này ở trong căn nhà này, kiếp sau lại ở trong căn nhà khác.

Đại thiên trần điểm, nan cùng vãng phản chi thân: Chúng ta đến rồi lại đi, đi rồi lại đến, tới lui không biết bao nhiêu lần, như số vi trần của đại thiên thế giới nhiều vô tận. **Tứ hải ba đào, thực kế biệt ly chi lệ:** Nước trong bốn biển nhiều như thế, e rằng nước mắt của chúng ta khóc khi bi hoan ly hợp còn nhiều hơn, đến nỗi không thể nào đo lường được.

Nga nga tích cốt, quá bỉ sùng sơn: Nga nga là rất nhiều rất nhiều. Chúng ta tích chứa xương cốt trong những kiếp sanh tử còn cao hơn núi. **Mãng mãng hoành thi, đa ư đại địa:** Mãng mãng cũng có nghĩa là rất nhiều, nhiều như cây cỏ. Nếu tính ra thì thi thể của mỗi người chúng ta còn nhiều hơn đất của đại địa.

Hương sử bất văn Phật ngữ, thử sự thù kiến thù văn! Hương là giả thiết, giả như không nghe được lời dạy của Phật thì ai nào hay biết đạo lý này? Ai có thể nhìn thấy? Ai lại có thể nghe thấy đây? Tức không có ai cả!

Vị đồ Phật kinh, thử lý yên tri yên giác! Nếu không đọc được những ý nghĩa trong kinh, thì quý vị làm sao biết được lý luận này? Quý vị làm sao mà giác ngộ được?

Kỳ hoặc y tiền tham luyến, nhưng cựu si mê: Nếu quý vị vẫn tham luyến cái túi da hôi thúi y như cũ và vẫn không rõ đạo lý này, **chỉ khủng vạn kiếp thiên sanh, nhất thác bách thác:** Thì e rằng một lần sai lầm thôi thì cả trăm lần đều sai hết.

Nhân thân nan đắc nhi dị thất: Không dễ gì được thân người, nay chúng ta đã được thân người rồi thì chớ nên bỏ lỡ! Nếu không, rất dễ bị mất thân này. **Lương thời dị vãng nhi nan truy:** Thời tráng niên là khoảng thời gian tốt nhất, nhưng

PHẦN CHÁNH TÔNG

cũng rất dễ trôi qua, dù chúng ta có muốn kéo nó trở lại cũng không thể được.

Đạo lộ minh minh, biệt ly trường cửu: Minh minh là không nhìn thấy vật gì. Ở trên con đường tối tăm mờ mịt, biệt ly dài dặc. **Tam đồ ác báo, hoàn tự thọ chi:** Nếu trồng nhân ác tức sẽ lãnh chịu ác báo trong tam đồ địa ngục, ngã quỷ, và súc sanh.

Thống bất khả ngôn, thù đương tương đại? Thật là đau khổ vô cùng! Có ai chịu thế cho ta cái quả báo này chăng? **Hưng ngôn cập thử, năng bất hàn tâm?** Tôi nay nói đến chỗ này, quý vị không cảm thấy lo sợ sao?

Thị cố nghi ứng đoạn sanh tử lưu, xuất ái dục hải: Vì thế quý vị hãy mau tu hành hầu liễu sanh thoát tử, vượt qua biển khổ ái tình và dục niệm. **Tự tha kiêm tế, bỉ nạn đồng đẳng:** Không những quý vị tự mình là khổ được vui, mà người cũng là khổ được vui, đều được cứu độ, cùng đến bờ bên kia - không sanh không diệt.

Khoáng kiếp thù huân, tại thử nhất cử: Từ vô lượng kiếp về trước cho đến nay, quý vị lập được một đại công, liễu sanh thoát tử này cũng là bắt đầu ngay tại đây.

Thị vi phát Bồ đề tâm đệ lục nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ sáu của sự phát Bồ-đề tâm.



7. TÔN TRỌNG LINH TÁNH CỦA MÌNH

Nguyên văn:

云何尊重己靈？謂我現前一心，直下與釋迦如來無二無別。云何世尊無量劫來，早成正覺；而我等，昏迷顛倒，尙做凡夫？又佛世尊，則具有無量神通、智慧、功德莊嚴；而我等，則但有無量業繫、煩惱、生死纏縛？心性是一，迷悟天淵。靜言思之，豈不可恥！譬如無價寶珠，沒在淤泥，視同瓦礫，不加愛重，是故宜應以無量善法，對治煩惱。修德有功，則性德方顯；如珠被濯，懸在高幢，洞達光明，映蔽一切。可謂不孤佛化，不負己靈。是爲發菩提心第七因緣也。

Âm Hán Việt:

Vân hà tôn trọng kỷ linh? Vị ngã hiện tiền nhất tâm, trực hạ dữ Thích Ca Như Lai vô nhị vô biệt. Vân hà Thế Tôn vô lượng kiếp lai, tảo thành Chánh-giác, nhi ngã đẳng, hôn mê điên đảo, thượng tố phạm phu? Hựu Phật Thế Tôn, tác cụ hữu vô lượng thần thông, trí huệ, công đức trang nghiêm; nhi ngã đẳng, tác đản hữu vô lượng nghiệp hệ, phiền não, sanh tử triền phược? Tâm tánh thị nhất, mê ngộ thiên uyên. Tĩnh ngôn tư chi, khởi bất khả sỉ! Thí như vô giá bảo châu, một tại ử nê, thị đồng ngô lịch, bất gia ái trọng, thị cố nghi ứng dĩ vô lượng thiện pháp, đối trị phiền não. Tu đức hữu

PHẦN CHÁNH TÔNG

công, tác tánh đức phương hiển; như châu bị trạc, huyền tại cao tràng, đồng đạt quang minh, ánh tể nhất thiết. Khả vi bất cô Phật hóa, bất phụ kỹ linh. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ thất nhân duyên dã.

Dịch:

Thế nào là tôn trọng linh tánh của mình? Tâm hiện tiền của chúng ta cùng với đức Thích Ca Như Lai không hai không khác. Vậy tại sao Thế Tôn từ vô lượng kiếp đã sớm thành chánh giác, còn chúng ta thì vẫn còn là phàm phu hôn mê điên đảo. Lại nữa Đức Phật Thế Tôn thì có vô lượng thần thông, trí huệ, công đức trang nghiêm, còn chúng ta thì chỉ có vô biên nghiệp chướng phiền não, sinh tử buộc ràng. Tâm tánh là một mà vì mê ngộ nên cách xa một trời một vực. Lặng yên ngẫm nghĩ mới thấy hổ thẹn. Ví như vùi ngọc báu vô giá xuống bùn dơ rồi xem như gói gạch, không chút quý tiếc. Vì thế hãy dùng vô lượng thiện pháp để đối trị vô biên phiền não. Tu đức có công, thì tánh đức mới hiển lộ. Bấy giờ thì như ngọc báu được rửa, cần trên phước cao, tức sẽ tỏa ánh sáng rực rỡ, chói lấp tất cả. Thế mới gọi là không phụ ân -Đức Phật giáo hóa, cũng không phụ bạc -tánh linh của mình. Đó là nhân duyên thứ bảy của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Vấn hà tôn trọng kỹ linh? Thế nào gọi là tôn trọng tánh linh của mình? Kỹ linh cũng chính là Phật tánh. Phật tánh cũng chính là tánh linh của chúng ta, Phật và chúng sanh không sai khác. Vậy tại sao Phật có trí huệ lớn như thế, mà chúng ta vẫn còn là ngu si như vậy? Chính vì Đức Phật tu đức lập công, cho nên tánh đức mới hiển lộ ra. Đức hạnh tu thành tựu rồi thì trí

TÔN TRỌNG LINH TÁNH CỦA MÌNH

huệ bốn tánh của mình sẽ hiện bày. Nếu nay không mài giũa, tu sửa thêm thì bốn tánh tuy có đó, nhưng nó sẽ không hiện ra được. Như cái bàn này, vốn là từ cây gỗ làm ra. Khi cây lớn lên, cưa xẻ nó thành miếng gỗ mới làm cái bàn, làm một món đồ có thể sử dụng được. Cho nên quý vị không thể lấy cây cho là cái bàn, mà chỉ có thể nói, nó là cây. Cây có thể làm đủ thứ dụng cụ, các thứ vật liệu, nhưng nếu quý vị không biết dùng, tức chỉ có thể dùng nó làm củi đốt. Nếu biết dùng thì có thể chế tạo các thứ dụng cụ ích dụng trong nhà hay muốn chế tạo thứ gì cũng được. Tánh linh của ta cũng vậy, nếu chúng ta biết dùng thì sẽ hiện ra trí huệ quang minh. Nếu không biết dùng, thì giống như người không nhận ra giá trị của cây mà cưa cắt ra làm củi đốt, vì thế mà chúng trải qua nhiều sự sanh tử không ngừng.

Sở dĩ Phật giáo chúng ta khác với các tôn giáo khác, là vì Phật là một đấng đại trí huệ, Ngài dạy chúng ta cách khai mở trí huệ, và mọi người đều có thể thành Phật. Còn các tôn giáo thì không thể đạt đến thần linh của tôn giáo họ.

Thành Phật thì như thế nào? Chính là không tranh, không tham, không mong cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không nói dối.

Nghe vậy, quý vị nói: “Thật đơn giản như thế sao!”

- Ồ, chỉ đơn giản vậy! Nếu quý vị thực hành được sáu đại tông chỉ, đó tức là Phật, chỉ sợ rằng quý vị không làm nổi thôi! Tuy nói: tôi không tranh, nhưng khi sự việc đến thì vẫn tranh như cũ. Dù nói: Tôi không tham, nhưng đến khi gặp lúc hơn thua vẫn là tham như thường. Nói: Tôi không cầu, nhưng đến lúc cần thiết thì vẫn phải cầu. Nói: Tôi không ích kỷ, nhưng

PHẦN CHÁNH TÔNG

khi cảnh đến, nghĩ chuyện đó đối với mình quan trọng hơn, nên nhìn không thấu suốt, và vẫn không buông bỏ được, rồi vẫn là tự tư ích kỷ. Nói: Không tự lợi nhưng vẫn là tự lợi; lại thêm vọng ngữ! Vọng ngữ này không cần học mà mỗi người đều biết. Như quý vị nói một người nào đó vọng ngữ, người đó bèn nói, đây là lời phương tiện, và cần phải nói như thế! Quý vị xem có cách gì chẳng? Vọng ngữ, mà họ cho là lời nói phương tiện và phải nên nói lời phương tiện như vậy đó.

Cho nên, chúng ta nên triệt để nhận thức, triệt để thực hành sáu đại tông chỉ, thì tuy không thể nói là lập tức thành Phật, nhưng ngày thành Phật sẽ không xa.

Vậy thì tôn trọng linh tánh của mình là sao? Chính là phải tôn trọng Phật tánh của mình, không nên lãng phí chà đạp nó. Không nên đem món đồ quý giá có thể làm bàn thờ Phật mà lại làm củi đốt, tức không có chút giá trị gì. Cho nên nhân duyên thứ bảy của sự phát Bồ-đề tâm là phải tôn trọng tánh linh của mình, tôn trọng trí huệ của mình mà không được xem thường.

Vị ngã hiện tiền nhất tâm: Tánh linh của mình, cũng tức là tâm của quý vị. Một niệm tâm này, không phải là tâm quá khứ, cũng không phải là tâm vị lai, mà là một niệm tâm ở ngay hiện tại.

Trực hạ dữ Thích ca Như Lai vô nhị vô biệt: Trực hạ, vốn nên nói là trực thượng. Trực hạ là từ nơi Phật đó đến chỗ chúng ta đây. Ở chỗ chúng ta đây, là trực thượng. Trực thượng cùng với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không có sai khác. Đức Phật đã dùng tánh linh của Ngài, dùng tâm của Ngài mà thành Phật. Chúng ta cũng nên dùng tánh linh, dùng tâm của mình

để thành Phật. Vì thế tâm của chúng ta và Phật giống nhau, không hai không khác, không có gì khác biệt.

Vân hà Thế Tôn vô lượng kiếp lai, tảo thành Chánh giác: Đã là như thế tại sao Đức Phật đã sớm thành Phật từ vô lượng kiếp trước? “Chánh giác” cũng tức là Phật. **Nhi ngã đẳng, hôn mê điên đảo, thượng tố phạm phu?** Mà chúng ta hiện vẫn còn ở đây hôn mê điên đảo, không giác ngộ. Tại sao chúng ta vẫn còn làm phạm phu mà chưa thành Phật?

Hựu Phật Thế Tôn, tác cụ hữu vô lượng thần thông, trí huệ, công đức trang nghiêm: Lại nữa Đức Phật Thế Tôn có Tam thân Tứ trí, Ngũ nhãn Lục thông. Tam thân là Pháp thân, hóa thân, và báo thân. Tứ trí là bốn loại trí huệ: Bình đẳng tánh trí, Diệu quán sát trí, Thành sở tác trí, và Đại viên kính trí. Ngũ nhãn là Phật nhãn, Pháp nhãn, Huệ nhãn, Thiên nhãn, và Nhục nhãn. Sáu loại thần thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Lậu tận thông, và Thần túc thông.

Đức Phật có Ngũ nhãn Lục thông, Thiên nhãn thông thì có thể nhìn thấy biết tất cả mọi động tác của trời người. Thiên nhĩ thông thì có thể nghe, biết rõ tiếng của trời người. Tha tâm thông chính là giữa đôi bên, tâm của mình có động niệm gì, không cần nói ra, Ngài cũng biết được chúng ta đang nghĩ gì. Túc mạng thông là vừa nhìn thì Ngài biết ngay kiếp trước chúng ta có phải là bò, là ngựa, là người, là heo gì không? Thậm chí kiếp trước, đời đời kiếp kiếp về trước của quý vị, bao nhiêu kiếp làm người, bao nhiêu kiếp làm ngựa, bao nhiêu kiếp làm lừa, bao nhiêu kiếp làm phi cầm, bao nhiêu kiếp làm kiến, bao nhiêu kiếp làm muỗi mòng, Ngài đều biết hết.

Đức Phật làm sao có được loại thần thông trí huệ như thế? Vì Ngài đã trang nghiêm và viên mãn công đức của mình. Trang nghiêm có nghĩa là dùng vạn đức hạnh để trang nghiêm cho thân mình.

Nhi ngã đẳng, tắc dẫn hữu vô lượng nghiệp hệ phiền não, sanh tử triền phược? Mà chúng ta vẫn còn ở đây mặc cho nghiệp chướng ràng buộc lôi thôi, lại có rất nhiều phiền não. Sanh rồi lại chết, chết rồi lại sanh, trôi buộc chúng ta trong vòng luân hồi sanh tử, không có cách nào giải thoát, tự do được.

Tâm tánh thị nhất, mê ngộ thiên uyên: Tâm tánh của chúng ta – tâm của Phật và tâm của chúng ta là một, tánh linh của Phật và tánh linh của chúng ta là một; nhưng vì Đức Phật biết sử dụng, nên Ngài đã giác ngộ; mà chúng ta vẫn còn mê muội! Cho nên nói, thiên và uyên cách xa một trời một vực là vậy. “Uyên” không phải là đất mà là vực sâu, chỗ sâu có nước, thậm chí ở phía dưới mặt đất. **Tính ngôn tư chi, khởi bất khả si!** “Tư chi” là suy nghĩ về việc đó. Nếu chúng ta điềm tính lại để nghiên cứu tìm tòi về vấn đề này, thì há không thấy hổ thẹn sao? Đức Phật đã thành Phật, bậc đại trí huệ, còn chúng ta vẫn là ngu si điềm đảo như thế này. Chúng ta thật không đáng là bậc đại trượng phu, đại anh hùng, đại hào kiệt, cho nên chúng ta rất đáng phải hổ thẹn.

Thí như vô giá bảo châu, một tại ử nê: Linh tánh của chúng ta giống như hạt bảo châu vô giá bị vùi chôn trong vũng bùn nhơ. Ử nê tức là bùn nhơ không trong sạch, không có giá trị. **Thị đồng ngã lịch, bất gia ái trọng:** Chúng ta đã không ái hộ, không tôn trọng linh tánh của mình mà lại coi nó như

một loại ngói gạch vụn nát.

Thị cố nghi ưng dĩ vô lượng thiện pháp, đối trị phiền não: Cho nên cần phải dùng vô lượng thiện pháp để đối trị với vô biên phiền não. Nếu công đức thiện lành viên mãn thì sẽ được sanh lên thiên giới, còn tội lỗi sai lầm tích chứa quá nhiều thì sẽ sa vào địa ngục. Vì thế chúng ta không nên làm các việc ác, mà phải làm các việc lành, tức là tu vô lượng thiện pháp. Khi có công đức rồi thì tự nhiên sẽ không còn phiền não nữa.

Tu đức hữu công, tác tánh đức phương hiển: Tu hành vun bồi đức hạnh, nếu có chỗ thành tựu thì linh tánh, đức hạnh của ta sẽ lộ ra ngoài, hiện ra trí huệ. **Như châu bị trạc, huyền tại cao tràng:** Giống như hạt châu vùi trong đất bùn, quý vị lau chùi sạch sẽ rồi đặt trên đầu ngọn phướn cao. **Đồng đạt quang minh, ánh tể nhất thiết:** Thì nó sẽ chiếu sáng bốn phương, chói lấp tất cả ánh sáng khác. **Khả vị bất cô Phật hóa, bất phụ kỹ linh:** Làm được như thế có thể nói rằng, không có phụ bạc sự giáo hóa của Phật, cũng không cô phụ linh tánh của mình.

Thị vi phát Bồ đề tâm đệ thất nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ bảy của sự phát Bồ-đề tâm, tức là tôn trọng linh tánh và không nên lãng phí tánh linh của mình.



8. SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG

Nguyên văn:

云何懺悔業障？經言：“犯一吉羅，如四天王壽五百歲墮泥犁中。”吉羅小罪，尙獲此報，何況重罪，其報難言。今我等日用之中，一舉一動，恒違戒律；一餐一水，頻犯尸羅。一日所犯亦應無量，何況終身歷劫？所起之罪，更不可言矣！且以五戒言之，十人九犯，少露多藏。五戒名爲優婆塞戒，尙不具足，何況沙彌、比丘、菩薩等戒，又不必言矣！

Âm Hán Việt:

Vân hà sám hối nghiệp chướng? Kinh ngôn: “Phạm nhất kiết la, như Tứ thiên vương thọ ngũ bách tuế đọa nê lê trung.” Kiết-la tiểu tội, thượng hoạch thử báo, hà hưởng trọng tội, kỳ báo nan ngôn. Kim ngã đẳng nhật dụng chi trung, nhất cử nhất động, hằng vi giới luật, nhất xan nhất thủy, tần phạm thi-la. Nhất nhật sở phạm diệc ưng vô lượng, hà hưởng chung thân lịch kiếp? Sở khởi chi tội, cánh bất khả ngôn hỹ! Thả dĩ ngũ giới ngôn chi, thập nhân cửu phạm, thiếu lộ đa tàng. Ngũ giới danh vi Ưu Bà Tắc giới, thượng bất cụ túc, hà hưởng Sa Di, Tỳ Kheo, Bồ Tát đẳng giới, hựu bất tất ngôn hỹ!

SÁM HỐI NGHIỆP CHƯỚNG

Dịch:

Thế nào là sám hối nghiệp chướng? Kinh dạy: “Phạm một tội kiết-la cũng phải đọa địa ngục bằng năm trăm tuổi thọ của trời Tứ Thiên Vương.” Kiết-la là tội nhỏ mà còn bị quả báo đến thế, huống chi tội nặng, bị quả báo thật khó tả. Nay chúng ta, mỗi cử chỉ động tác thường ngày, thường trái với giới luật. Lúc ăn, lúc uống thường phạm vào tội thi-la. Một ngày phạm tội lỗi cũng đã vô lượng, huống chi trọn đời nhiều kiếp? Tội lỗi đã phạm khó mà nói hết. Nói về ngũ giới, thì trong mười người thọ ngũ giới đã có đến chín người phạm, phát lộ thì ít mà che giấu lại nhiều. Ngũ giới là giới của Ưu Bà Tắc mà còn không giữ gìn đầy đủ, huống chi các giới Sa Di, Tỳ Kheo, Bồ Tát, thì càng không cần phải nói đến vậy.

Giảng:

Vân hà sám hối nghiệp chướng? Sám là “sám kỳ tiền khiên,” sám hối lỗi trước. Hối là “hối kỳ hậu quá,” sửa đổi các lỗi sau này. Những lỗi đã phạm trước kia và chưa phạm sau này, đều phải sám hối. Sám hối thì có sức mạnh không thể nghĩ lường.

Kinh ngôn: “Phạm nhất kiết la, như Tứ thiên vương thọ ngũ bách tuế đọa nê lê trung” Kinh nói về giới luật rằng: Phạm một kiết-la, tức đột-kiết-la, gọi là khinh cấu tội, cũng là một pháp ô nhiễm nhỏ. Phạm tội này, tội nhân phải chịu quả báo ở trong địa ngục bằng với khoảng thời gian 500 năm tuổi thọ của trời Tứ thiên vương. Sau đó mới có thể trả hết tội.

Kiết-la tiểu tội, thượng hoạch thử báo: Đột-kiết-la vốn là khinh cấu tội là một tội nhẹ, mà còn bị quả báo như thế. **Hà huống trọng tội, kỳ báo nan ngôn:** Huống chi là phạm các

PHẦN CHÁNH TÔNG

tội lớn? Nếu như phạm bốn tội trọng, các tội tăng tàn v.v... thì càng không biết phải thọ quả báo cho đến bao giờ.

Kim ngã đẳng nhật dụng chi trung: Nay chúng ta là người xuất gia trong mỗi hoạt động sử sự hằng ngày, **nhất cử nhất động, hằng vi giới luật:** Hoặc là mỗi cử chỉ, mỗi động tác, hoặc là mỗi lời nói, mỗi hành vi, bốn oai nghi: đi đứng nằm ngồi thường vi phạm giới luật. **Nhất xan nhất thủy, tần phạm thi la:** Hoặc là ăn một bữa cơm, hay là uống một hớp nước đều không phù hợp với giới luật.

Nhất nhật sở phạm diệc ưng vô lượng: Trong một ngày cũng đã phạm vô lượng vô biên tội lỗi. **Hà huống chung thân lịch kiếp? Sở khởi chi tội, cánh bất khả ngôn hỹ!** Hà huống các tội lỗi đã phạm trong một đời thì lại càng nhiều hơn, mà tội nghiệp đã tạo trong thời gian lâu dài nhiều đời nhiều kiếp thì càng không biết bao nhiêu mà kể!

Thả dĩ ngũ giới ngôn chi, thập nhân cửu phạm, thiếu lộ đa tàng: Hơn nữa cứ lấy ngũ giới mà nói, mười người thọ ngũ giới đã có chín người phạm, nhưng rất ít người phát lồ, tức là phạm giới cũng không phát lồ sám hối. Đa tàng tức là giấu giếm che đậy trong tâm, cho rằng mọi người không biết nên mình không có phạm giới. **Ngũ giới danh vi ưu bà tắc giới, thượng bất cụt túc:** Ngũ giới là giới của người tại gia Ưu Bà Tắc (Cận sự nam), và Ưu Bà Di (Cận sự nữ) mà chúng ta còn không thể giữ gìn đầy đủ. Sự phạm giới này cũng bao gồm cả người xuất gia. Người xuất gia cũng thường phạm các tội trong ngũ giới, không viên mãn. Bất cụt-túc chính là không viên mãn. **Hà huống Sa Di, Tỳ Kheo, Bồ Tát đẳng giới, hựu bất tất ngôn hỹ!** Huống chi là mười giới của Sa Di, 250 giới

của Tỳ Kheo, 10 giới trọng 48 giới khinh của Bồ Tát v.v... thì càng không cần nói đến, nhất định là phạm rất nhiều.

Nguyên văn:

問其名，則曰“我比丘也！”問其實，則尚不足為優婆塞也。豈不可愧哉！當知佛戒不受則已，受則不可毀犯。不犯則已，犯則終必墮落。若非自愍愍他，自傷傷他，身口併切，聲淚俱下。普與眾生求哀懺悔，則千生萬劫惡報難逃。是為發菩提心第八因緣也。

Âm Hán Việt:

Vấn kỳ danh, tắc viết: “Ngã Tỳ Kheo dã!” Vấn kỳ thật, tắc thượng bất túc vi Ưu bà tắc dã. Khởi bất khả quý tai! Đương tri Phật giới bất thọ tắc dĩ, thọ tắc bất khả hủy phạm. Bất phạm tắc dĩ, phạm tắc chung tất đọa lạc. Nhược phi tự mẫn mẫn tha, tự thương thương tha, thân khẩu tịnh thiết, thanh lệ câu hạ, phổ dĩ chúng sanh cầu ai sám hối, tắc thiên sanh vạn kiếp ác báo nan đào. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ bát nhân duyên dã.

Dịch:

Hỏi tên hiệu thì nói “Tôi là Tỳ Kheo,” nhưng hỏi thật ra thì hãy chưa sánh bằng Ưu Bà Tắc. Như thế mà không biết xấu hổ sao! Phải biết, giới luật của Phật không thọ thì thôi, thọ rồi thì không được hủy phạm. Không phạm thì thôi, phạm rồi thì cuối cùng phải bị đọa lạc. Nếu không cảm thương thân mình, thân người, lại xót xa cho mình và kẻ khác, thân và khẩu cùng tha thiết khóc kể, khắp cùng với chúng sanh khẩn cầu sám hối, thì khó tránh khỏi quả báo ác ngàn đời muôn kiếp. Đó là nhân

PHẦN CHÁNH TÔNG

duyên thứ tám của sự phát Bồ-đề tâm.

Giảng:

Vấn kỳ danh, tắc viết: “Ngã Tỳ Kheo dã!” Nếu hỏi danh hiệu của người xuất gia là gì? Người đó bèn trả lời: “Tôi là Tỳ Kheo.” Tỳ Kheo có ba nghĩa là khát sĩ, bố ma và phá ác.

1. Khất sĩ: Trên cầu xin pháp của chư Phật, dưới đi khất thực của chúng sanh.

2. Bố ma: Khi thọ giới Tỳ Kheo, Hòa Thượng Giáo-thọ và Hòa Thượng Yết-ma sẽ hỏi các giới tử rằng: “Các vị có phải là trượng phu chăng?”

Trả lời: “Vâng, là trượng phu.”

Khi nghe như vậy, cung điện của thiên ma trên cõi trời chấn động, ma vương hoảng hốt, lo sợ rằng:

- Ái da! Nay quyến thuộc của Phật Thích Ca lại càng tăng thêm mà quyến thuộc của ta lại càng bị giảm bớt đi.

Vì Ma vương bị hốt hoảng, mới có ý nghĩ như vậy, cho nên gọi là Bố ma.

3. Phá ác: Tức là phá ác phiền não, phá ác tham sân si.

Vấn kỳ thật, tắc thượng bất túc vi Ưu Bà Tắc dã: Nếu chân thật mà hỏi, thì thậm chí những người xuất gia cũng không bằng những vị tại gia là Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di. Chính là có những hạng người xuất gia như thế. Nhưng cũng có những vị xuất gia có giới hạnh thanh cao, đáng làm bậc thầy của trời người. Cho nên ở đây quý vị cũng không thể vơ đũa cả nắm mà nói:

- Ô! Tất cả người xuất gia đều không bằng người tại gia.

Quý vị không thể nói như thế được.

Khởi bất khả quý tai! Thân là người xuất gia mà còn không bằng ngay cả kẻ tại gia thì nên sanh lòng tâm quý, hổ thẹn.

Đương tri Phật giới bất thọ tác dĩ, thọ tác bất khả hủy phạm: Kinh Bồ Tát Giới nói: “Chúng sanh thọ Phật giới, tức nhập chư Phật vị, vị đồng đại giác dĩ, chân thị chư Phật tử,” là chúng sanh thọ giới của Phật nên giữ giới và tinh tấn tu hành. Đến khi giác ngộ rồi, thì có tư cách thành Phật; cũng khai ngộ như bậc đại giác, đó chính là con của Phật. Đã thọ giới luật của Phật thì phải giữ gìn giới luật, cho nên nói không thể phạm giới. **Bất phạm tác dĩ, phạm tác chung tất đọa lạc:** Tại sao không thể phạm giới? Quý vị không phạm giới, đương nhiên sẽ không có vấn đề gì; còn nếu phạm thì tương lai nhất định sẽ bị đọa lạc.

Nhược phi tự mẫn mẫn tha, tự thương thương tha: Nếu không cảm thương thân mình, thân người, xót xa cho mình và cũng xót xa cho kẻ khác, thì lúc này cần phải **thân khẩu tịnh thiết, thanh lệ câu hạ, phổ dĩ chúng sanh cầu ai sám hối:** Tức thân khẩu ý đều phải chuyên nhất tha thiết, khóc kể sám hối, và đối trước Phật nguyện cùng với tất cả chúng sanh khẩn cầu sám hối. **Tắc thiên sanh vạn kiếp ác báo nan đảo:** Nếu không thì khó tránh được quả báo ác từ vô lượng kiếp đến nay. Quả báo ác này không dễ gì trốn thoát và nhất định phải lãnh chịu thôi, trừ phi quý vị chân thành sám hối, mới mong miễn trừ.

Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ bát nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ tám của sự phát Bồ-đề tâm.



9. CẦU SANH TỊNH ĐỘ

Nguyên văn:

云何求生淨土？謂在此土修行，其進道也難；彼土往生，其成佛也易。易，故一生可致；難，故累劫未成。是以往聖前賢，人人趨向；千經萬論，處處指歸。末世修行，無越於此。然經稱：“少善不生，多福乃致。”言多福，則莫若執持名號；言多善，則莫若發廣大心。是以暫持聖號，勝於布施百年。一發大心，超過修行歷劫。蓋念佛本期作佛，大心不發，則雖念奚爲；發心原爲修行，淨土不生，則雖發易退。是則下菩提種，耕以念佛之犁，道果自然增長；乘大願船，入於淨土之海，西方決定往生。是爲發菩提心第九因緣也。

Âm Hán Việt:

Vân hà cầu sanh Tịnh độ? Vị tại thử độ tu hành, kỳ tấn đạo dã nan. Bĩ độ vãng sanh, kỳ thành Phật dã dị. Dị, cố nhất sanh khả trí; nan, cố lụy kiếp vị thành. Thị dĩ vãng thánh tiên hiền, nhân nhân xu hướng, thiên kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy. Mạt thế tu hành, vô việt ư thử. Nhiên kinh xưng: “Thiếu thiện bất sanh, đa phước nãi trí.” Ngôn đa phước, tắc mạt nhược chấp trì danh hiệu; ngôn đa thiện, tắc mạt nhược phát quang đại tâm. Thị dĩ tạm trì thánh hiệu, thắng ư bố thí bách niên. Nhất phát đại tâm, siêu quá tu hành lịch

kiếp. Cái niệm Phật bốn kỳ tác Phật, đại tâm bất phát, tác tuy niệm hễ vi; phát tâm nguyên vị tu hành, Tịnh-độ bất sanh, tác tuy phát dị thời. Thị tác hạ Bồ-đề chủng, canh dĩ niệm Phật chi lê, đạo quả tự nhiên tăng trưởng; thừa đại nguyện thuyền, nhập ư Tịnh-độ chi hải, Tây phương quyết định vãng sanh. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ cửu nhân duyên dã.

Dịch:

Thế nào là cầu sanh Tịnh-độ? Ở cõi này tu hành thì khó tiến đạo. Vãng sanh cõi kia thì dễ thành Phật, và vì dễ như vậy nên có thể tu thành trong một đời. Còn ở đây khó tu nên trải qua nhiều kiếp mà vẫn chưa thành tựu. Do đó mà thánh ngày xưa, hiền ngày trước, người người xu hướng về cõi đó. Cho nên ngàn kinh, vạn luận chỗ chỗ đều chỉ về hướng này. Trong thời kỳ mạt pháp đây, không có cách tu nào vượt qua pháp môn này. Tuy nhiên kinh đã nói: “Căn lành ít thì khó được vãng sanh, phước đức nhiều mới chắc chắn đến được.” Tức là không có cách tạo phước chi nhiều bằng sự chấp trì niệm danh hiệu Phật và không có làm điều thiện nào nhiều bằng sự phát đại tâm. Vì thế tam trì danh hiệu Thánh cũng hơn cả sự bố thí trong một trăm năm, và chỉ đơn sơ phát đại tâm thôi cũng vượt qua sự tu hành trong nhiều kiếp. Vì niệm Phật vốn mong thành Phật, vậy không phát đại tâm thì tuy niệm Phật cũng không thành tựu; còn phát tâm vốn để tu hành, mà không sanh Tịnh-độ thì có phát cũng dễ thôi lui. Cho nên gieo hạt giống Bồ-đề, canh tác bằng lưỡi cày niệm Phật, thì đạo quả tự nhiên tăng trưởng. Ngồi thuyền đại nguyện, vào trong bể Tịnh-độ, thì quyết định vãng sanh Tây phương Cực Lạc. Đó là nhân duyên thứ chín của sự phát Bồ-đề tâm.

PHẦN CHÁNH TÔNG

Giảng:

Vân hà cầu sanh Tịnh độ? Vân hà là như thế nào? Làm thế nào mới có thể cầu sanh Tịnh-độ? Thế nào gọi là cầu sanh Tịnh-độ? **Vị tại thử độ tu hành, kỳ tấn đạo dã nan:** Ở thế giới Ta-bà này, tuy tu hành đó, nhưng có thể tiến tới phía trước, càng ngày càng tăng trưởng đạo nghiệp thì không phải là chuyện dễ dàng. **Bỉ độ vãng sanh, kỳ thành Phật dã dị:** Bỉ độ tức là thế giới Cực Lạc. Một khi được vãng sanh thế giới Cực Lạc thì khi hoa nở sẽ thấy Phật, và ngộ được Vô-sanh pháp nhẫn. **Đị, cố nhất sanh khả trí:** Trí là đạt đến, là thành tựu. Vì dễ dàng tu ở Cực Lạc, cho nên trong một đời cũng có thể đạt đến. **Nan, cố luy kiếp vị thành:** Vì ở thế giới Ta-bà có nhiều chướng duyên rất khó tu hành. Cho nên dù có trải qua thời gian thật lâu dài, rất nhiều kiếp tu hành cũng không dễ gì thành tựu.

Thị dĩ vãng thánh tiên hiền, nhân nhân xu hướng: Vì lý do này, cho nên các bậc thánh hiền vào thuở xưa kia và nhân nhân là lịch đại Tổ sư nhiều đời về trước, tất cả những bậc thánh hiền này đều mong cầu sanh về Tịnh-độ. **Thiên kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy:** Tất cả kinh điển do Phật thuyết giảng cùng các bộ luận do chư Tổ sư sáng tác ra, mỗi bộ kinh, mỗi bộ luận và mỗi bộ luật đều chỉ dẫn quy hướng về Tịnh-độ; mục đích cuối cùng cũng đều là dạy chúng ta cầu sanh Tịnh độ.

Mạt thế tu hành, vô việ ư thử: Ngày nay chúng ta tu hành ở thời mạt pháp này thì không có gì vượt qua pháp môn Tịnh-độ, cũng là pháp môn phương tiện nhất, dễ dàng nhất, trực tiếp nhất và đơn giản nhất này. **Nhiên kinh xưng, “Thiểu thiện bất sanh, đa phước nãi trí:”** Nhưng “Kinh A Di Đà”

nói: “Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc,” là không thể chỉ có chút ít nhưn duyên phước đức căn lành mà được sanh về nước kia. Tức cần phải gieo trồng nhiều thiện căn, vun bồi nhiều phước đức mới được vãng sanh, mới có thể đến được cõi kia.

Ngôn đa phước, tác mạt nhược chấp trì danh hiệu: Chúng ta phải làm thế nào mới vun trồng được nhiều phước đức? Chúng ta niệm Phật chính là gieo trồng phước đức rất lớn, tức là tăng trưởng phước đức cho mình. **Ngôn đa thiện, tác mạt nhược phát quang đại tâm:** Sao gọi là căn lành lớn? Chính là phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn.

Thị dĩ tạm trì thánh hiệu, thắng ư bố thí bách niên: Cho nên dù chỉ thọ trì danh hiệu Đức Phật A Di Đà trong thời gian ngắn ngủi cũng lớn hơn sự bố thí bảy báu trong một trăm năm. **Nhất phát đại tâm, siêu quá tu hành lịch kiếp:** Một niệm phát tâm rộng lớn cũng có thể vượt qua sự tu hành trong nhiều kiếp.

Cái niệm Phật bốn kỳ tác Phật: Cái tức là nói tổng quát, tóm tắt. Tóm lại là tại sao cần phải niệm Phật? Niệm Phật chính là muốn thành Phật; nếu không muốn thành Phật thì không cần phải niệm Phật. Cho nên **đại tâm bất phát, tác tuy niệm hề vi:** Nếu quý vị không phát tâm rộng lớn, không phát tâm Bồ-đề, thì niệm Phật để làm chi - không cần phải niệm Phật vậy. **Phát tâm nguyên vị tu hành, Tịnh-độ bất sanh, tác tuy phát dị thối:** Tại sao cần phải phát tâm? Chính là vì để tu hành. Nếu không cầu sanh Tịnh-độ, tuy có phát tâm rộng lớn đấy, nhưng cũng dễ dàng thối thất tâm Bồ-đề.

Thị tác hạ Bồ đề chủng: Gieo hạt giống Bồ-đề tức là

PHẦN CHÁNH TÔNG

phát tâm rộng lớn, **canh dĩ niệm Phật chi lê:** Niệm Phật như dùng lưỡi cày mà cày ruộng ở nơi đó. **Đạo quả tự nhiên tăng trưởng:** Vậy khi các vị vừa niệm Phật thì ở bên thế giới Tây phương Cực Lạc liền trở đóa hoa sen. **Thừa đại nguyện thuyền, nhập ư Tịnh-độ chi hải:** Ngồi chiếc thuyền đại nguyện của Đức Phật A Di Đà vào trong biển lớn Tịnh-độ. **Tây phương quyết định vãng sanh:** Quý vị ngồi thuyền đại nguyện như vậy rồi chấp trì danh hiệu Phật thì nhất định sẽ được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

Thị vi phát Bồ đề tâm đệ cửu nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ chín của sự phát Bồ-đề tâm.



10. LÀM CHO CHÁNH PHÁP TỒN TẠI LÂU DÀI

Nguyên văn:

云何令正法久住？謂我世尊，無量劫來，爲我等故，修菩提道。難行能行，難忍能忍，因圓果滿，遂致成佛。既成佛已，化緣周訖，入於涅槃，正法像法，皆已滅盡，僅存末法，有教無人。邪正不分，是非莫辨，競爭人我，盡逐利名。舉目滔滔，天下皆是。不知佛是何人？法是何義？僧是何名？衰殘至此，殆不忍言！每一思及，不覺淚下。我爲佛子，不能報恩，內無益於己，外無益於人；生無益於時，死無益於後。天雖高，不能覆我；地雖厚，不能載我。極重罪人，非我而誰？

Âm Hán Việt:

Vân hà linh chánh pháp cửu trụ? Vị ngã Thế Tôn, vô lượng kiếp lai, vị ngã đẳng cố, tu Bồ-đề đạo. Nan hành năng hành, nan nhẫn năng nhẫn, nhân viên quả mãn, toại trí thành Phật. Ký thành Phật dĩ, hóa duyên châu cật, nhập ư Niết Bàn. Chánh pháp tượng pháp, giai dĩ diệt tận, cẩn tôn mạt pháp, hữu giáo vô nhân. Tà chánh bất phân, thị phi mạc biện, cạnh tranh nhân ngã, tận trục lợi danh, cử mục thao thao, thiên hạ giai thị. Bất tri Phật thị hà nhân? Pháp thị

hà nghĩa? Tăng thị hà danh? Suy tàn chí thủ, đái bất nhân ngôn! Mỗi nhất tư cập, bất giác lệ hạ. Ngã vi Phật tử, bất năng báo ân, nội vô ích ư kỷ, ngoại vô ích ư nhân, sanh vô ích ư thời, tử vô ích ư hậu. Thiên tuy cao, bất năng phú ngã; địa tuy hậu, bất năng tải ngã. Cực trọng tội nhân, phi ngã nhi thù?

Dịch:

Thế nào là làm cho Phật pháp tồn tại lâu dài? Đức Thế Tôn của chúng ta, từ vô lượng kiếp đến nay, vì chúng ta mà tu đạo Bồ Đề. Ngài đã làm việc khó làm, và nhận sự khó nhận. Khi nhân tròn, quả mãn Ngài liền thành Phật. Sau khi thành Phật, Ngài hoàn tất việc hóa độ những chúng sanh hữu duyên rồi nhập Niết-bàn. Nay thời kỳ Chánh pháp và Tượng pháp đã diệt tận, chỉ còn lại thời kỳ mạt pháp. Giáo pháp còn đó mà không người hành trì, tà chánh không phân, thị phi lẫn lộn, tranh giành nhân ngã, mãi chạy theo danh lợi. Đưa mắt nhìn quanh thì thấy đầy dẫy thiên hạ đều là như vậy. Chẳng ai biết Phật là ai, Pháp có nghĩa gì, và Tăng làm sao thành? Suy tàn đến độ, thốt không ra lời. Mỗi khi nghĩ đến, bất giác rơi lệ. Ta là con Phật mà ta không thể báo đáp ân đức của Ngài. Trong, không có lợi ích cho mình; ngoài, không lợi ích cho người. Đương lúc còn sống không mang ích lợi, mai sau chết đi cũng không có ích chi. Trời tuy cao cũng không che nổi ta, đất tuy dày cũng khó dung chứa ta. Kẻ mang tội cực trọng này, nếu không phải ta, thì là ai?

Giảng:

Vân hà linh chánh pháp cứu trụ? Vân hà là như thế nào? Làm thế nào để khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài mà không bị

diệt vong?

Vị ngã Thế Tôn, vô lượng kiếp lai: Vị là những điều nói ra. Thế Tôn là một danh hiệu khác của Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ vô lượng kiếp cho đến nay, **vị ngã đẳng cố, tu Bồ-đề đạo.** Tại sao Đức Phật muốn tu thành Phật? Vì Ngài muốn cứu độ tất cả chúng ta lìa khổ được vui, khiến chúng ta đều được liễu sanh thoát tử, không bị luân chuyển trong vòng sanh tử luân hồi. Cho nên Đức Phật mới “tam kỳ tu phước huệ, bách kiếp chủng tướng hảo,” là Ngài tu phước huệ trong ba tăng kỳ và vun trồng tướng tốt trong trăm kiếp.

Tam kỳ tức là ba đại a-tăng-kỳ kiếp, a-tăng-kỳ là tiếng Phạn, Tàu dịch là “vô lượng số.” Ba đại a-tăng-kỳ kiếp tức là ba cái đại vô lượng số. Vô lượng số này là một trong mười sáu số mục lớn. Vậy quý vị thử nghĩ xem, ba đại a-tăng-kỳ kiếp này dài bao lâu? Rất dài, rất dài! Trong ba đại vô lượng số kiếp này, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì giáo hóa chúng sanh, vì tu thành Phật và vì phát tâm Bồ-đề, Ngài đã xả sanh rồi lại thọ sanh. Cho nên mỗi hạt vi trần đều là nơi Đức Phật xả thân mạng. Như Ngài đã xả thân mình làm mỗi cứu cọp. Khi nhìn thấy một con cọp dữ sắp chết đói, Ngài đã hy sinh thân mạng mình cho cọp ăn để nó được sống. Sự hy sinh vĩ đại này, không ai sánh bằng. Chúng ta đều là những người tham sống sợ chết, không một ai dám hy sinh mạng mình để người khác được sống. Vậy mà Đức Phật ở trong thời gian dài đằng đằng ba đại a-tăng-kỳ kiếp, đời đời kiếp kiếp đều bố thí sanh mạng Ngài cho chúng sanh. Cho nên chúng ta cần phải báo đáp ân sâu của Phật. Như chúng ta hiện nay hay xưa kia hoặc là đã ăn thịt, uống máu của Ngài nên chúng ta nay tin Phật thì phải

PHẦN CHÁNH TÔNG

cố gắng báo đáp ân sâu của Ngài. Đức Phật vì muốn chúng ta được sống, Ngài phải hy sinh thân mạng của mình, nên chúng ta cần phải cảm ơn Đức Phật.

Nan hành năng hành, nan nhẫn năng nhẫn: Tại sao gọi là làm việc khó làm? Chính là Ngài làm được những việc mà người thường không làm được. Như ngay cả đầu, mắt, não, tủy của mình, Ngài cũng đều có thể bố thí cho người. Không phải nói là chờ chết rồi mới bố thí cho người mà có thể bố thí ngay lúc còn sống. Quý vị cần con mắt, Ngài sẽ bố thí mắt cho quý vị. Quý vị có bệnh, cần có não người để trị bệnh, Ngài sẽ hy sinh sanh mạng mình để bố thí não, cứu độ cho quý vị. Tủy là cốt tủy; ngay cốt tủy của mình, Ngài cũng bố thí cho người. Không những đầu, mắt, não, tủy, mà quốc thành, thê tử Ngài cũng bố thí luôn. Quốc là đất đai, Ngài cũng nhường cho người khác. Thành là thành trì, tài sản của mình, Ngài cũng nhường cho người khác. Vợ thì mọi người khó xả bỏ nhất, Ngài cũng có thể xả bỏ để tặng cho người. Con thì Ngài cũng có thể cho người luôn. Nội tài là đầu, mắt, não, tủy; ngoại tài là quốc thành, thê tử, Ngài đều có thể bố thí hết. Nếu người nào cần Ngài sẽ bố thí ngay. Vì thế, không ai có thể sánh bì và cũng không ai hy sinh được như Phật. Cho nên Phật tu đạo Bồ-đề là làm những việc khó làm, nhẫn những việc khó nhẫn. Tức là Ngài đều nhẫn được những việc mà người ta không thể nhẫn.

Nhân viên quả mãn, toại trí thành Phật: Ngài trồng nhân một cách viên mãn cho nên thành tựu phước báo một cách viên tròn, vì thế Ngài mới thành Phật. **Ký thành Phật dĩ, hóa duyên châu cật, nhập ư Niết-bàn:** Sau khi thành Phật, Ngài giáo hóa hết những chúng sanh cần giáo hóa, xong Ngài

LÀM CHO CHÁNH PHÁP TỒN TẠI LÂU DÀI

mới nhập Niết-bàn. Sao gọi là Niết-bàn? Niết bàn là cảnh giới không sanh không diệt. Lúc đó quý vị sẽ chấm dứt sanh tử không còn sanh tử nữa.

Chánh pháp tượng pháp: Khi Đức Phật còn tại thế là thời kỳ chánh pháp. Thời kỳ mà mọi người đều tu hành có thiền định và được khai ngộ. Thời đó nếu ai có tu hành, có thiền định tức đều được chứng quả vị và sẽ liễu sanh thoát tử. Thời kỳ tượng pháp, thì chỉ có hình tượng mà không có người chân chánh tu hành. Thời kỳ chánh pháp thì thiền định kiên cố, vừa ngồi là có thể nhập định. Còn đến đời tượng pháp thì sao? Là lúc người ta chỉ tu hành ở lớp vỏ bên ngoài, đó là thời kỳ chùa chiền kiên cố. Vì lúc đó mọi người đều ưa thích xây dựng chùa miếu, tạo tượng Phật, nên gọi là thời kỳ tượng pháp. Thời kỳ chánh pháp và tượng pháp đều kéo dài một ngàn năm. Hiện nay là thời đại mạt pháp. Chánh pháp chính là thời kỳ ở gốc cây, Tượng pháp là thời kỳ ở cành cây, còn Mạt pháp thì đã ở trên ngọn cây, nên giáo pháp cũng nhỏ bé, ít ỏi vô cùng. Thời kỳ mạt pháp kéo dài một vạn năm. Vì thế, nếu trừ đi hiện tại thì chúng ta còn lại hơn tám ngàn năm đều là thời kỳ mạt pháp. Nhưng nếu trong thời kỳ mạt pháp mà có người chân chánh tu hành, thì đó là thời kỳ chánh pháp trong thời mạt pháp. Và khi người ta ham thích xây dựng, tu sửa chùa chiền, tạo tượng Phật trong thời kỳ mạt pháp, đó gọi là thời kỳ tượng pháp trong thời mạt pháp. Vậy đúng thật là thời kỳ mạt pháp nếu không có người tu hành, cũng không có người tạo tượng Phật, xây dựng chùa chiền, và kinh điển sẽ tự biến mất. Tất cả kinh Phật đều bị hủy diệt dần cho đến khi chỉ còn lại một bộ Kinh A Di Đà. Kinh này sẽ tồn tại khoảng năm

PHẦN CHÁNH TÔNG

trăm năm, rồi sau đó ngay cả “Kinh A Di Đà” cũng không còn, lúc đó chỉ còn một câu “A Di Đà Phật.” Câu danh hiệu “A Di Đà Phật” lại trụ trên thế gian một trăm năm, độ vô số chúng sanh. Sau đó Phật pháp sẽ không còn và không ai biết được câu niệm Phật là gì và cái gì cũng không hiểu hết. Tuy chúng ta ở trong thời kỳ mạt pháp nhưng hiện tại vẫn là thời điểm tốt cho chúng ta nỗ lực dụng công tu hành.

Hiện nay chánh pháp tượng pháp, **giai dĩ diệt tận, cần tồn mạt pháp**: Tức thời kỳ chánh pháp tượng pháp đã diệt tận, chỉ còn tồn tại thời kỳ mạt pháp mà thôi. Thời kỳ mạt pháp thì **hữu giáo vô nhân**: Tuy có Phật giáo nhưng không có người tu hành, và ngôn hạnh của người tu hành đều trái ngược với giáo nghĩa của Phật. Người xuất gia vốn không ăn thịt, uống rượu, hay có quan hệ nam nữ, nhưng khi pháp diệt, họ lại phạm vào những việc giống như người tại gia, đó là không còn Phật pháp nữa rồi. Hữu giáo có nghĩa là còn có danh từ Phật giáo, nhưng không có người tu hành. “Hữu nhân” là người tu hành chân chánh, mà không nhất định nói về người có thể hoằng dương Phật pháp. Nếu không có người tu hành chân chánh thì làm sao có người hoằng pháp? Tự nhiên sẽ không có. Lúc đó thì như thế nào? Tức **tà chánh bất phân, thị phi mạt biện**: Như những người chỉ giả nghĩa tu hành để cầu danh lợi, nên họ không làm những việc mà người xuất gia nên làm, đó đều là chánh tà không phân. Ví dụ có một vài ngoại đạo cho rằng: “Đây cũng là bái Quán Âm, cũng là bái Quan Đế mà!” Lại còn bái gì gì nữa, v.v... Họ nói toàn những chuyện giống như thế. Họ không biết thế nào là tà? Thế nào là chánh? Tà chánh không phân, phải trái cũng không phân biệt được.

Cạnh tranh nhân ngã, tận trục lợi danh: Tức thường tranh hơn thua, yếu mạnh, cạnh tranh nhân ngã thị phi, đều ở đó mà tranh danh đoạt lợi. Không phải danh tiếng của mình, cũng ráng tranh giành cho bằng được. **Cử mục thao thao, thiên hạ giai thị:** Giương mắt nhìn thấy khắp thiên hạ, ai ai cũng đều như thế, thao thao vô tận như biển cả mênh mông bát ngát. Những người này đều làm những việc có danh lợi. Cho nên, các vị theo tôi xuất gia, thì tuyệt đối không được đuổi bắt theo danh lợi! Chúng ta quyết không cùng ở chung trong dòng nơu bản mà làm những chuyện xấu xa. Chúng ta nhất định phải làm một người đệ tử Phật chân chánh trong thời mạt pháp.

Bất tri Phật thị hà nhân? Tức không biết Phật là gì? **Pháp thị hà nghĩa?** Pháp có nghĩa là muốn người dứt làm các điều ác, tăng trưởng các điều lành, sửa đổi lỗi lầm, làm cuộc đời mới. Tuy muốn người hiểu rõ, nhưng họ không hiểu, càng học càng hồ đồ, càng học lại càng không hiểu biết. **Tăng thị hà danh?** Tăng có nghĩa là gì? Ngay cả Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng mà họ cũng không biết. Thế nào gọi là Tăng? Là từ bốn vị tu trở lên, sống hòa hợp với nhau, chớ không phải một người tự sống riêng rẽ. Người thường cho rằng, một người tu cũng gọi là Tăng, đó là sai lầm. Tăng là mọi người tu hòa hợp và cùng sống trong lục hòa với nhau.

Suy tàn chí thủ, đãi bất nhẫn ngôn! Ngay cả Phật Pháp Tăng cũng không hiểu, Phật pháp suy tàn đến mức độ này khiến tôi không thốt nên lời, tôi thật không có cách nào nói ra được. **Mỗi nhất tư cập, bất giác lệ hạ:** Mỗi khi nghĩ đến đây, tôi bỗng rơi lệ như mưa, nước mắt như suối.

PHẦN CHÁNH TÔNG

Ngã vi Phật tử, bất năng báo ân: Ta là người xuất gia, là đệ tử của Phật, mà không thể báo đáp ân đức của Ngài. **Nội vô ích ư kỷ, ngoại vô ích ư nhân:** Đối với bên trong mà nói, ta không lo nỗ lực tu hành tức: đối với mình không có ích lợi gì, đối với người bên ngoài cũng không lợi ích chi. **Sanh vô ích ư thời, tử vô ích ư hậu:** Lúc sống ta không giúp gì cho đương thời, khi chết đi tức cũng không có ích lợi gì cho mai sau. **Thiên tuy cao, bất năng phú ngã:** Trời tuy cao, cũng không dung chứa được ta ở giữa trời đất. Và ta không có làm chuyện công đức gì để hưởng sự che chở của trời đất. **Địa tuy hậu, bất năng tải ngã:** Đất tuy dày, ta cũng không có tư cách ở giữa trời đất, hay cùng trời đất dung hợp. **Cực trọng tội nhân, phi ngã nhi thù?** Tội nhân có tội cực trọng này, nếu không phải ta thì là ai? Chính là ta chớ không phải ai khác. Đây là Đại sư Tĩnh Am dạy người xuất gia chúng ta đều phải nên hồi quang phản chiếu, đều phải sám hối. Không phải ta thì là ai, đó không phải người nào khác, mà đích thị là ta. Cho nên người xuất gia chúng ta cần phải ghi nhớ là không nên tạt đổ hay làm những điều chướng ngại cho người.

Nguyên văn:

由是痛不可忍，計無所出；頓忘鄙陋，忽發大心。雖不能挽回未運於此時，決當圖護持正法於來世。是故偕諸善友，同到道場；述爲懺摩，建茲法會。發四十八之大願，願願度生；期百千劫之深心，心心作佛。從於今日，盡未來際，畢此一形，誓歸安養，既登九品，回入娑婆。俾得佛日重輝，法門再闡。僧海澄清於此界，人民被化於東方，劫運爲之更延，正法得以久住。此則區區真實苦心。是爲發菩提心第十因緣也。

LÀM CHO CHÁNH PHÁP TỒN TẠI LÂU DÀI

Âm Hán Việt:

Do thị thống bất khả nhẫn, kế vô sở xuất; đốn vong bỉ lậu, hốt phát đại tâm. Tuy bất năng văn hồi mạng vận ư thử thời, quyết đương đồ hộ trì chánh pháp ư lai thế. Thị cố giai chư thiện hữu, đồng đáo đạo tràng; thuật vi sám ma, kiến tư pháp hội. Phát tứ thập bát chi đại nguyện, nguyện nguyện độ sanh; kỳ bách thiên kiếp chi thâm tâm, tâm tâm tác Phật. Tùng ư kim nhật, tận vị lai tế, tất thử nhất hình, thế quy An dưỡng, ký đăng cửu phẩm, hồi nhập Ta-bà. Tỷ đắc Phật nhật trùng huy, pháp môn tái hiển, tăng hải trường thanh ư thử giới, nhân dân bị hóa ư Đông phương, kiếp vận vi chi cánh diên, chánh Pháp đắc dĩ cửu trụ. Thử tác khu khu chân thật khổ tâm. Thị vi phát Bồ-đề tâm đệ thập nhân duyên dã.

Dịch:

Vì thế mà tôi đau xót không thể cầm lòng. Nhưng suy nghĩ lại thì không thấy có cách nào khác hơn, nên quên ngay cái què hèn của mình mà phát đại tâm. Tuy không thể văn hồi mạng vận ngay lúc này, nhưng tôi quyết hộ trì chánh pháp ở mai sau. Vì thế chư thiện hữu cùng đến đạo tràng, tổ bày sám hối, kiến lập pháp hội. Phát 48 lời đại nguyện, nguyện hóa độ chúng sanh, trong thâm tâm suốt trăm kiếp ngàn đời, tâm niệm đều thành Phật. Từ ngày hôm nay cho đến tận cùng đời vị lai, hết một đời này nguyện sanh Cực Lạc, lên chín phẩm. Xong, trở lại Ta-bà, khiến cho mặt trời Phật pháp lại rạng soi, rộng mở pháp môn một lần nữa để tăng giới được thanh tịnh ở cõi này. Dân chúng được hóa độ ngay cõi phương Đông, vận Chánh pháp nhờ đó mà kéo dài thêm nữa. Do đó chánh pháp được tồn tại lâu dài.

PHẦN CHÁNH TÔNG

*Đây là tấm lòng khổ tâm chân thành, tha thiết nhỏ mọn của tôi.
Đó là nhân duyên thứ mười của sự phát Bồ-đề tâm.*

Giảng:

Do thị thông bất khả nhẫn: Nói đến đây tôi thật đau lòng không thể nhẫn! Nhẫn việc khó nhẫn, nhưng cũng nhẫn không xong. **Kế vô sở xuất:** Tôi cũng không có cách nào trốn khỏi các nghiệp tội đã tích tụ sâu dày. **Đốn vong bỉ lậu, hốt phát đại tâm:** Vì thế lập tức quên mình tệ lậu kém hèn, bèn phát tâm Bồ-đề rộng lớn, rằng: Không được! Ta không thể làm kẻ tội nhân đại cực ác như thế mà cần phải phát đại Bồ-đề tâm!

Tuy bất năng văn hồi mạng vận ư thử thời: Tuy ta phát tâm Bồ-đề rộng lớn, cũng không thể hoàn toàn cứu vãn khí vận của thời mạng pháp. Nhưng **quyết đương đồ hộ trì chánh pháp ư lai thế** là nhất quyết phát nguyện hộ trì chánh pháp trong đời vị lai. Tôi bảo các vị, tại sao tôi phải duy trì chánh pháp? Vì đời đời kiếp kiếp tôi đều phát nguyện hộ trì chánh pháp và nhất định phải hành trì chánh pháp. Từ vô lượng kiếp đến nay, tôi đều phát nguyện như vậy. Cho nên khi đến đây, tôi cố gắng duy trì chánh pháp và không quản ngại biết bao khó khăn gian khổ. Như dù có người chửi mắng, hủy báng, tạt đổ, chướng ngại tôi, tôi đều phải giữ gìn chánh pháp. Tôi tuyệt đối không thể lơ là với chí nguyện này được!

Thị cố giai chư thiện hữu: Vì thế tôi nay cùng với rất nhiều bạn lành, **đồng đáo đạo tràng**, cùng đến Vạn Phật Thánh Thành. **Thuật vi sám ma, kiến tư pháp hội:** Chúng ta cùng đến chỗ này, tu Đại Bi Sám Pháp. Quý vị có biết không? Đến Vạn Phật Thánh Thành chính là đến đạo tràng. Đạo tràng

LÀM CHO CHÁNH PHÁP TỒN TẠI LÂU DÀI

này chính là đạo tràng của mỗi người quý vị, nên quý vị cần phải ghi nhớ, không nên bỏ bê đạo tràng lớn của mình. Tại sao đạo tràng lớn này là của quý vị? Vì cá nhân tôi, tôi không sao dùng cho hết một nơi lớn như thế! Cho nên, đây là chỗ của tất cả Phật giáo đồ trên toàn thế giới, không phải chỉ của riêng tôi, tôi bất quá ở chỗ này để ngày ngày gác cửa cho quý vị. Vì quý vị muốn làm hoàng đế, hoặc muốn làm tổng thống nên rất bận rộn đi công tác, hoạt động khắp nơi. Hoặc là vì muốn làm chủ công ty, làm tổng giám đốc, làm ông chủ nhà mình, nên mỗi người đều có trách nhiệm riêng; chỉ có tôi là người thất nghiệp, không có chức vụ gì, đành ở nơi đây làm tớ, trông coi nhà cửa cho quý vị. Đợi đến khi quý vị được làm hoàng đế, làm tổng thống rồi, lúc đó quý vị càng lại phải phát tâm hộ trì Vạn Phật Thánh Thành hơn nữa. Nghe vậy quý vị nói: “Ồ! Sư Phụ, Sư Phụ nói đùa hoài!” Tôi nói: Sao quý vị biết được sau này mình chẳng phải là tổng thống hay hoàng đế? Nếu đời sau quý vị được làm hoàng đế vì quý vị phát nguyện: “Kiếp sau, khi làm hoàng đế, tôi nhất định sẽ ủng hộ Vạn Phật Thánh Thành, tôi sẽ dùng bảo điện kim loan của tôi để tu sửa Vạn Phật Thánh Thành, và dùng vàng kim để xây dựng Phật điện nguy nga tráng lệ như điện kim loan.” Đây đều là những việc mà quý vị không thể tiên đoán được. Cho nên đệ tử hoàng đế này của tôi, nay lại không muốn trở về hoàng cung của y. Tôi hỏi: Tam cung lục viện của ông thì sao? Y nói, y không màng đến và còn bảo các nàng tam cung lục viện của y cùng đến Vạn Phật Thánh Thành tu học. Cho nên đây là điều rất quan trọng.

Sang năm sau, từ ngày 21 tháng 7 âm lịch, buổi tối chúng

PHẦN CHÁNH TÔNG

ta làm lễ sám tịnh, đến ngày 22 thì chính thức đả thất Địa Tạng, niệm danh hiệu Ngài Địa Tạng, hoặc là niệm “Án ma ni bát di hồng.” Trước kia chúng ta đã thử đả thất “Án ma ni bát di hồng,” ngày đêm sáu thời, chia làm ba phiên. Phiên thứ nhất niệm tám tiếng thì thay phiên, phiên kế lại niệm tám tiếng rồi đổi phiên khác, cứ như thế mà luân phiên đổi ca niệm không gián đoạn trong bảy ngày. Khi đả thất viên mãn, nhìn thấy những đứa Mỹ con đều rất ưa thích và rất thành tâm, tôi bèn làm bài thơ “Vũ Trụ Bạch” để kỷ niệm pháp hội đó. Vậy sang năm, chúng ta lại cùng nhau nghiên cứu xem, nên niệm “Án ma ni bát di hồng” hay niệm “Địa Tạng Vương Bồ Tát.” Quý vị muốn niệm danh hiệu gì cũng được và chúng ta sẽ niệm sáu thời suốt trong bảy ngày. Kỳ thất trước, tôi không biết họ đã phân mỗi ca là tám giờ, hay là mười hai giờ nữa. Lúc đó, họ tự niệm, tôi không có tham dự và cũng không để ý đến.

Các vị không nên cho rằng, mỗi Phật sự ở đây, tôi đều phải tham gia. Như có người nói: “A! Chúng con ngồi thiền cũng không thấy Sư Phụ đến!” Mỗi ngày tôi đều ở đây, quý vị đã nhìn không thấy mà còn lại oán trách này nọ! Quý vị không có mắt thì làm sao nhìn thấy tôi được? Tôi có đến quý vị cũng không biết. Vì tôi bước rất nhẹ nhàng không gây tiếng động, nên dù có đi sát bên quý vị, quý vị cũng không hay. Tôi thật không nói chuyện thần thoại, mà đích xác là như vậy. Nhưng quý vị lại cho rằng, đã không nhìn thấy tôi. Nếu không nhìn thấy tôi, vậy quý vị đến đây đã nhìn thấy ai?

Ngày 22 bắt đầu đả thất Địa Tạng, đến ngày 27 thì viên mãn. Ngày 28, 29, 30 chúng ta lạy Phật và niệm Phật sám hối. Pháp hội lần này dài khoảng 10, 11 ngày. Nếu ai hoan

LÀM CHO CHÁNH PHÁP TỒN TẠI LÂU DÀI

hỷ đến, thì một mình đến cũng tốt mà cả đoàn thể đến cũng tốt! Nhưng khi đến, quý vị cần phải thông báo cho chúng tôi hay trước để chúng tôi kịp thời sắp đặt chỗ ở cho các vị đến đây dụng công tu đạo. Điều này rất cần thiết, cho nên quý vị chớ đến thình lình, khiến chúng tôi không có thời gian chuẩn bị sắp xếp. Trong thời gian đả thất, chúng tôi càng không thể đón đưa người được.

Vì thế, sau này bất luận có ai đến Vạn Phật Thánh Thành, chúng ta không đón và cũng không đưa, mà các vị phải tự đến. Nếu như tiếp rước, đưa tiễn, thì lãng phí rất nhiều thời gian của người dụng công tu đạo ở đây, khiến quý vị không có công đức. Vì để thành tựu công đức của quý vị, hai bên chúng ta cần phải yên ổn vô sự và vì đều là người nhà với nhau nên không được khách sáo. Tôi hy vọng quý vị đặc biệt chú ý điểm này.

Điều quan trọng nhất là khi đến đây, người hút thuốc phải đi khám sức khỏe và quăng bỏ tất cả các bao thuốc lá đố trên máy bay, không được đem đến Vạn Phật Thánh Thành. Nếu mang theo thì dù không có hút, y cũng làm cho Vạn Phật Thánh Thành xông nồng mùi thuốc lá. Chúng tôi thật chịu không nổi cái mùi này! Có lúc tôi nói đùa như: Người của Vạn Phật Thành giống như rắn, rất sợ thuốc lá, và cũng giống như loài sâu bọ vừa nghe mùi thuốc hút là chạy hết. Cho nên chúng tôi ở đây đều là những con sâu, cái kiến, loại muỗi, ruồi nhỏ nhoi, ở chỗ này kêu vo ve, vo ve. Vậy khi quý vị đến đây xin nhớ là không nên bắt nạt hay ăn hiếp những loài sâu, kiến nhỏ bé này.

Khi lập pháp hội sám hối như vậy, chúng ta cần phải **phát tứ thập bát chi đại nguyện, nguyện nguyện độ sanh**: Mỗi

PHẦN CHÁNH TÔNG

nguyện đều là hóa độ chúng sanh. **Kỳ bách thiên kiếp chi thâm tâm, tâm tâm tác Phật:** Dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp, tận trong thâm tâm chúng ta đều nguyện sẽ thành Phật.

Tùng ư kim nhật, tận vị lai tế, tất thử nhất hình, thế quy An dưỡng: Kể từ ngày hôm nay cho đến tận cùng đời vị lai, mỗi cuối đời người, chúng ta nguyện sanh về thế giới Cực Lạc. Chính là khi mạng chung, ta nhất định sanh về Cực Lạc. “An dưỡng” chính là thế giới Cực Lạc. **Ký đăng cửu phẩm, hồi nhập Ta Bà:** Đã lên chín phẩm, tức hoa khai kiến Phật và sau đó trở lại thế giới Ta-bà. **Tỷ đắc Phật nhật trùng huy, pháp môn tái xiển:** Khiến cho mặt trời Phật pháp lại sáng chói huy hoàng, cũng như xiển dương rộng rãi pháp môn một lần nữa. **Tăng hải trường thanh ư thử giới:** Chư Tăng đều trường thanh, thanh tịnh, chẳng có những người không tu hành. **Nhân dân bị hóa ư Đông phương:** Tất cả nhân dân đều được Phật giáo hóa ngay nơi cõi Đông phương. **Kiếp vận vi chi cánh diên:** Chánh pháp của Phật nhờ đó mà được kéo dài thêm nữa. Không phải nói kiếp vận kéo dài mà là chánh pháp kéo dài, tức sẽ không còn kiếp vận. **Chánh pháp đắc dĩ cửu trụ:** Nếu người người đều thực hành dụng công tu đạo, không có lòng ích kỷ, không có tâm cầu danh cầu lợi, không có tham tâm, không có những dục niệm, đó chính là lúc chánh pháp tồn tại lâu dài.

Thử tác khu khu chân thật khổ tâm: Đại sư Tịnh Am nói, đây là sự khổ tâm nhỏ bé của Ngài. Vì Ngài khiêm nhường nên mới cho đó là loại khổ tâm nhỏ bé, yếu ớt không có sức mạnh chi.

Thị vi phát Bồ đề tâm đệ thập nhân duyên dã: Đây là nhân duyên thứ mười của sự phát Bồ-đề tâm.

III. PHẦN LƯU THÔNG

Nguyên văn:

如是十緣備識，八法周知。則趨向有門，開發有地。相與得此人身，居於華夏。六根無恙，四大輕安，具有信心，幸無魔障。況今我等，又得出家，又受具戒，又遇道場，又聞佛法，又瞻舍利，又修懺法，又值善友，又具勝緣。不於今日發此大心，更待何日？惟願大眾，愍我愚誠；憐我苦志，同立此願，同發此心。未發者今發，已發者增長，已增長者今令相續。勿畏難而退怯，勿視易而輕浮，勿欲速而不久長，勿懈怠而無勇猛，勿委靡而不振起，勿因循而更期待，勿因愚鈍而一向無心，勿以根淺而自鄙無分。譬諸種樹，種久則根淺而日深；又如磨刀，磨久則刀鈍而成利。豈可因淺勿種，任其自枯；因鈍弗磨，置之無用？

Âm Hán Việt:

Như thị thập duyên bị thức, bát pháp châu tri, tác xu hướng hữu môn, khai phát hữu địa. Tương dữ đắc thủ nhân thân, cư ư Hoa Hạ. Lục căn vô恙, tứ đại khinh an, cụ hữu tín tâm, hạnh vô ma chướng. Huống kim ngã đẳng, hựu đắc xuất gia, hựu thọ cụ giới, hựu ngộ đạo tràng, hựu văn Phật pháp, hựu chiêm xá lợi, hựu tu sám pháp, hựu trị thiện hữu,

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

hựu cụ thắng duyên. Bất ư kim nhật phát thử đại tâm, cánh đãi hà nhật? Duy nguyện đại chúng, mẫn ngã ngu thành; lân ngã khổ chí, đồng lập thử nguyện, đồng phát thị tâm. Vị phát giả kim phát, dĩ phát giả tăng trưởng, dĩ tăng trưởng giả kim linh tương tục. Vật úy nan nhi thối khiếp, vật thị dĩ nhi khinh phù, vật dục tốc nhi bất cứu trưởng, vật giải đãi nhi vô dũng mãnh, vật ủy mị nhi bất chấn khởi, vật nhân tuần nhi cánh kỳ đãi, vật nhân ngu độn nhi nhất hướng vô tâm, vật dĩ căn thiển nhi tự bỉ vô phận. Thí chư chủng thọ, chủng cứu tắc căn thiển nhi nhật thâm; hựu như ma đao, ma cứu tắc đao độn nhi thành lợi. Khởi khả nhân thiển vật chủng, nhậm kỳ tự khô; nhân độn phát ma, trí chi vô dụng?

Dịch:

Như thế chúng ta đã biết mười nhân duyên và cũng hiểu rõ về tám tướng trạng thì xu hướng có lối, phát tâm có chỗ. Chúng ta nay được thân người, ở xứ Trung Hoa, sáu căn đầy đủ, tứ đại nhẹ nhàng an lạc, tín tâm đầy đủ, may mắn lại không bị ma chướng. Hơn nữa ngày nay chúng ta còn được xuất gia, thọ giới cụ túc, được gặp đạo tràng, được nghe Phật pháp, được chiêm bái xá lợi, được tu tập sám pháp, được gặp bạn lành, hội đủ thắng duyên. Nếu ngày nay chúng ta không phát tâm rộng lớn, thì còn chờ đến ngày nào.

Cúi xin đại chúng, cảm thương cho tâm thành ngu muội của tôi, tội nghiệp cho chí nguyện khổ sở của tôi, mà cùng lập nguyện ấy, đồng phát tâm này. Nếu ai chưa phát thì nay phát. Ai đã phát rồi thì làm tăng trưởng thêm. Ai đã tăng trưởng phát tâm rồi thì nên tiếp tục tiến tới. Chớ sợ gian nan mà khiếp sợ

thối lui, và đừng cho là dễ mà khinh lờn, hời hợt. Đừng ham mau mà chẳng lâu bền. Đừng biếng nhác giải đãi mà thiếu dũng mãnh. Đừng uể oải mà không phấn khởi. Đừng chần chờ mà kỳ hẹn mãi. Đừng vì ngu độn mà cứ mãi vô tâm. Đừng vì căn cơ cạn cợt mà tự khinh mình không xứng đáng dự phần. Như trồng cây, trồng lâu thì rễ cạn, ngày càng ăn sâu; như mài dao, mài mãi thì dao cùn cũng trở thành sắc bén. Phải chăng vì rễ cạn mà không trồng, mặc cây khô héo? Có phải vì dao cùn mà không mài, mặc dao trở nên vô dụng?

Giảng:

Như thị thập duyên bị thức, bát pháp châu tri: Ở trên chúng ta đã hiểu rõ mười loại nhân duyên là: báo ân Phật, ân cha mẹ, ân sư trưởng, ân thí chủ, ân chúng sanh, nhớ khổ sanh tử, tôn trọng tánh linh của mình, sám hối nghiệp chướng, cầu sanh Tịnh-độ, và khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Chúng ta cũng hiểu rõ tám pháp: tà chánh, chân nguy, đại tiểu, và thiên viên. **Tắc xu hướng hữu môn, khai phát hữu địa:** Quý vị đã biết được đường lối tu hành như thế nào và cũng có chỗ để khai phát tâm Bồ-đề của quý vị.

Tương dữ đắc thử nhân thân, cư ư Hoa hạ: Nay các vị đã có các thứ nhân duyên, đã được thân người, lại được ở xứ Hoa, Trung Quốc. **Lục căn vô dạng, tứ đại khinh an:** Lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều đầy đủ không có tật bệnh gì. Tứ đại: đất, nước, gió, lửa cũng được điều hòa, không có bệnh tật chi. **Cụ hữu tín tâm, hạnh vô ma chướng:** Các vị lại có đầy đủ tín tâm mà không bị ma chướng làm chướng ngại sự tu hành học đạo của các vị.

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Hướng kim ngã đẳng, hựu đắc xuất gia, hựu thọ cụ giới: Hướng chi chúng ta hôm nay lại được xuất gia, được thọ giới Cụ-túc. **Hựu ngộ đạo tràng, hựu văn Phật pháp:** Lại gặp được đại đạo tràng Vạn Phật Thánh Thành, lại có người giảng kinh thuyết pháp cho nghe. **Hựu chiêm xá lợi, hựu tu sám pháp:** Vạn Phật Thánh Thành của chúng ta cũng có Xá-lợi của Phật và chúng ta lại được tu trì pháp Đại Bi Sám cùng các khóa lễ sám hối khác. **Hựu trị thiện hữu, hựu cụ thắng duyên:** Lại gặp được rất nhiều bạn tốt, lại hội đầy đủ các thứ nhân duyên thù thắng đặc biệt. **Bất ư kim nhật phát thủ đại tâm, cánh đãi hà nhật?** Nếu các vị không phát Bồ-đề tâm rộng lớn trong ngày hôm nay, thì còn đợi đến ngày nào nữa!

Duy nguyện đại chúng, mẫn ngã ngu thành, lân ngã khổ chí: Đại sư Tỉnh Am nói, cúi xin các vị đại chúng! Xót thương cho tấm lòng thành khẩn ngu si của tôi mà thông cảm tôi và thương hại cho cái chí nguyện khổ tâm này của tôi. **Đồng lập thủ nguyện, đồng phát thị tâm:** Đồng phát 48 lời đại nguyện, cũng là phát tâm nguyện này.

Vị phát giả kim phát: Nếu người chưa phát 48 lời nguyện này thì nên phát ngay. **Dĩ phát giả tăng trưởng:** Đã phát 48 lời nguyện rồi thì càng ngày càng làm cho các nguyện này tăng trưởng rộng lớn hơn. **Dĩ tăng trưởng giả, kim linh tương tục:** Đã càng ngày càng làm cho tăng trưởng rồi, nay cần phải tương tục không gián đoạn phát Bồ-đề tâm này.

Vật úy nan nhi thối khiếp: Lúc tu Bồ Tát đạo, quý vị không nên sợ gian nan mà sanh lòng khiếp sợ thối lui. **Vật thị dĩ nhi khinh phù:** Quý vị cũng không nên nhìn thấy những việc dễ dàng mà khinh thường hời hợt.

Vật dục tốc nhi bất cứu trường: Quý vị cũng không nên ham mau; nếu không thì sự phát tâm này sẽ chẳng lâu bền. Quý vị cần có tâm lâu bền mà không nên có tâm cầu may, cầu lợi, rồi cho rằng, đầu cơ, lợi dụng thời cơ kiếm lợi, thì có thể tu thành Phật! Không bao giờ có chuyện này! Nói tới đây, tôi lại nhớ chuyện trước kia. Khi tôi dạy 42 pháp Thủ Nhân, thì có người hành trì pháp môn này được vài năm nhưng cảm thấy không có thành tựu chi, y bèn không chịu tu nữa. Đó gọi là thối lui, vì thối lui nên cũng không thể lâu bền được. **Vật giải đãi nhi vô dũng mãnh:** Quý vị không nên giải đãi biếng nhác, mà không có chút tâm dũng mãnh nào.

Vật ủy mị nhi bất chấn khởi: Quý vị chớ nên ủy mị hay lười thoi không dứt khoát. Việc cần đoạn lại không đoạn được, và không có chút gì gọi là phấn chấn. Ngược lại quý vị cần phải phấn khởi, vươn lên. **Vật nhân tuần nhi cánh kỳ đãi:** Quý vị không nên trì hoãn các công tác được giao hay làm một cách cầu thả, vô trách nhiệm. Nhân tuần chính là chậm chạp, kỳ hẹn, không dũng mãnh tinh tấn. Kỳ đãi là hẹn lần hẹn lựa, nói: “Tôi nay không tu được, đợi khi nào sắp xếp xong mọi việc, rồi sẽ tính sau.” Thật ra đối với chuyện tu hành, chúng ta không thể chần chừ kỳ hẹn được.

Vật nhân ngu độn nhi nhất hướng vô tâm: Quý vị không nên vì mình ngu si mà không phát Bồ-đề tâm. **Vật dĩ căn thiển nhi tự bỉ vô phận:** Cũng không nên cho rằng căn cơ của mình cạn cợt và Phật đạo xa vời với khó thành tựu, ta không có phần thành Phật. Các vị không nên có tâm như thế!

Ở đây **thí chư chủng thọ, chủng cứu tắc căn thiển nhi nhật thâm.** Thí dụ như trồng cây, khi mới trồng thì rễ của nó

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

rất cạn; nhưng trồng lâu ngày dài tháng tức rễ của nó sẽ cắm sâu vào lòng đất. **Hựu như ma đao, ma cửu tắc đao động nhi thành lợi:** Lại thí dụ như mài dao. Dao vốn rất cùn, nhưng mài lâu ngày thì nó cũng trở thành con dao sắc bén.

Khởi khả nhân thiên vật chủng, nhậm kỳ tự khô: Quý vị không nên vì rễ rất cạn mà không muốn trồng cây, mặc cho cây khô cằn và chết héo. **Nhân động phát ma, trí chi vô dụng?** Cũng không nên vì dao cùn mà không mài giữa rồi thấy qua một bên, nói: dao này lụt quá không thể dùng được.

Nguyên văn:

又若以修行爲苦，則不知懈怠尤苦。修行則勤勞暫時，安樂永劫；懈怠則偷安一世，受苦多生。況乎以淨土爲舟航，則何愁退轉？又得無生爲忍力，則何慮艱難？當知地獄罪人，尙發菩提於往劫；豈可人倫佛子，不立大願於今生。無始昏迷，往者既不可諫；而今覺悟，將來猶尙可追。然迷而未悟，固可哀憐；苟知而不行，尤爲痛惜。若懼地獄之苦，則精進自生；若念無常之速，則懈怠不起。又須以佛法爲鞭策，善友爲提攜，造次弗離，終身依賴，則無退失之虞矣！勿言一念輕微，勿謂虛願無益。心真則事實，願廣則行深。虛空非大，心王爲大；金剛非堅，願力最堅。大眾誠能不棄我語，則菩提眷屬從此聯姻。蓮社宗盟，自今締好，所願同生淨土，同見彌陀，同化眾生，同成正覺。則安知未來三十二相，百福莊嚴！不從今日發心立願而始也。願與大眾共勉之！幸甚幸甚！

Âm Hán Việt:

Hựu nhược dĩ tu hành vi khổ, tắc bất tri giải dĩ dĩ vưu khổ. Tu hành tắc cần lao tạm thời, an lạc vĩnh kiếp; giải dĩ tắc

thâu an nhất thế, thọ khổ đa sanh. Huống hồ dĩ Tịnh-độ vi chu hàng, tắc hà sâu thối chuyển? Hựu đắc vô sanh vi nhĩn lực, tắc hà lự gian nan? Đương tri địa ngục tội nhân, thượng phát Bồ-đề ư vãng kiếp; khởi khả nhân luân Phật tử, bất lập đại nguyện ư kim sanh.

Vô thủy hôn mê, vãng giả ký bất khả giác; nhi kim giác ngộ, tương lai do thượng khả truy. Nhiên mê nhi vị ngộ, cố khả ai lân; cầu tri nhi bất hành, vưu vi thống tích. Nhược cụ địa ngục chi khổ, tắc tinh tấn tự sanh; nhược niệm vô thường chi tốc, tắc giải đãi bất khởi. Hựu tu dĩ Phật pháp vi tiên sách, thiện hữu vi đề huề. Tháo thứ phát ly, chung thân y lại, tắc vô thối thất chi ngu hỹ! Vật ngôn nhất niệm khinh vi, vật vị hư nguyện vô ích. Tâm chân tắc sự thật, nguyện quảng tắc hành thâm. Hư không phi đại, tâm vương vi đại; kim cương phi kiên, nguyện lực tối kiên.

Đại chúng thành năng bất khí ngã ngữ, tắc Bồ-đề quyền thuộc tòng tử liên nhân. Liên xã tông minh, tự kim đế hảo, sở nguyện đồng sanh Tịnh-độ, đồng kiến Di Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành Chánh giác. Tắc an tri vị lai tam thập nhị tướng, bách phước trang nghiêm! Bất tòng kim nhật phát tâm lập nguyện nhi thủy dã. Nguyện dữ đại chúng cộng miễn chi! Hạnh thậm hạnh thậm!

Dịch:

Lại nữa, nếu cho tu hành là cực khổ vì không biết, sự biếng nhác lại còn khổ hơn. Tu thì khó nhọc tạm thời nhưng được an vui vĩnh kiếp, còn biếng nhác thì một đời tạm nhàn nhưng lắm kiếp chịu sự khổ đau. Huống chi lấy pháp môn Tịnh-độ làm thuyên

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

bè thì lo gì thối chuyển? Một khi được sức nhẫn vô sanh thì sợ gì khó khăn? Nên biết từ bao kiếp trước, ngay cả kẻ tội nhân trong cõi địa ngục mà còn biết phát tâm Bồ-đề, hướng chi ta nay đã làm người, lại làm con Phật, mà sao không lập đại nguyện ngay trong đời này?

Từ vô thủy đến nay hôn mê mờ mịt nên không thể can gián những việc đã qua. Nhưng nay tỉnh ngộ thì có thể truy tới chuyện tương lai. Mê mà chưa ngộ, cố nhiên rất là đáng thương; còn biết mà không làm, mới càng đáng tiếc. Nếu sợ cái khổ địa ngục thì tự nhiên sẽ tinh tấn. Nếu nhớ cái vô thường mau đến tức sẽ không biếng lười. Lại nữa cần lấy Phật pháp làm roi thúc dục. Lấy thiện hữu làm tay dắt, trong khoảnh khắc cũng không tách rời mà nương theo suốt cả một đời, thì không còn lo lắng có sự thối chuyển nữa. Chớ bảo một niệm phát nguyện là chuyện nhỏ nhặt, và đừng cho rằng những lời nguyện là trống rỗng là vô ích. Tâm chân thì mưu thành, nguyện lớn thì hành sâu. Hư không chẳng lớn, tâm vương mới lớn. Kim cương đâu có cứng chắc, nguyện lực mới chắc bền nhất.

Nếu đại chúng không bỏ qua lời tôi, thì từ đây kết hợp quyển thuộc Bồ-đề. Bạn hữu Liên Xã từ đây kết giao, sở nguyện đồng sanh Tịnh-độ, đồng thấy Di Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành Chánh-giác. Như vậy thì biết đâu, ba mươi hai tướng tốt và trăm phước trang nghiêm sau này của chúng ta chẳng bắt đầu từ sự phát tâm lập nguyện trong ngày hôm nay? Nguyện cùng đại chúng chung nhau nỗ lực, như thế thật là lành thay! May mắn thay!

Giảng:

Hựu nhược dĩ tu hành vi khổ: Nhược là giả thiết. Giả như quý vị cảm thấy tu hành là một việc cực khổ, không chịu nổi! Ăn một bữa cũng cảm thấy rất khó khăn và không ăn thịt cũng thấy rất thèm; điều này không được làm, điều kia cũng không được làm. Há chẳng phải là không được tự do chăng? **Tắc bất tri giải đãi vuu khổ:** Nhưng quý vị lại không biết, nếu quý vị không tu hành, lại giải đãi biếng lười thì còn khổ hơn nữa. Khổ của tu hành chỉ là cực khổ nhất thời, mà được an vui vĩnh viễn. Còn như nếu quý vị không tu hành thì vĩnh viễn ở trong biển khổ. Có lúc quý vị cảm thấy, nếu ở nhà tốt, mặc đồ đẹp, ăn món ngon, và vui chơi hưởng thụ là được rồi. Nhưng đó chỉ là tạm thời, không phải là vĩnh viễn. Nếu như quý vị tạo tội nghiệp, thì vĩnh kiếp đều là đau khổ.

Tu hành tắc cần lao tạm thời, an lạc vĩnh kiếp: Tu hành chỉ là nhất thời cảm thấy không được hưởng thụ. Nhưng nếu quý vị tu hành thành công thì vĩnh viễn được an lạc nơi thế giới Cực Lạc, không còn chịu sự khổ đau. **Giải đãi tắc thân an nhất thế, thọ khổ đa sanh:** Giải đãi chính là làm biếng trốn việc, sống cầu an cho qua ngày đoạn tháng. Đó chỉ là một đời này cảm thấy được hưởng phước, hưởng thụ, nhưng sau này vĩnh viễn bị sa đọa, hoặc là bị đọa vào địa ngục, hoặc là sanh vào ngã quỷ hay làm súc sanh chịu sự đau khổ vô cùng.

Hướng hồ dĩ Tịnh-độ vi chu hàng, tắc hà sâu thối chuyển? Hướng chi lấy pháp môn Tịnh-độ làm thuyền bè đưa chúng ta ra khỏi biển khổ mà không còn phải lo lắng về cảnh đau khổ nữa. Nếu thối chuyển thì sẽ nhận chịu cảnh khổ đau. **Hựu đắc vô sanh vi nhữn lực, tắc hà lự gian nan?** Quý vị lại được Vô

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

sanh pháp nhãn, tức sẽ không cảm thấy có gì là đau khổ để
nhẫn, cũng không có gì là an vui để mong cầu. Vô sanh pháp
nhãn này cũng là không thấy khổ, không thấy vui, không thấy
sanh, cũng không thấy diệt. Vậy quý vị còn sợ gian nan chi
nữa? Cho nên quý vị chớ sợ gian nan cực khổ!

**Đương tri địa ngục tội nhân, thượng phát Bồ-đề ư vãng
kiếp:** Quý vị nên biết kẻ tội nhân tuy đọa vào địa ngục, nhưng
lại thoát khỏi cảnh địa ngục rất nhanh mà lìa khổ được vui, vì
xưa kia họ cũng đã phát Bồ-đề tâm. Vậy thì **khởi khả nhân
luân Phật tử, bất lập đại nguyện ư kim sanh:** Đã như họ ở
địa ngục phát Bồ-đề tâm đều có thể lìa khổ được vui; huống
chỉ chúng ta là người hiền lành, lại là đệ tử ngoan của Đức
Phật, thì tại sao không thể phát đại nguyện trong đời này?

Vô thủy hôn mê, vãng giả ký bất khả giác: Từ vô lượng
kiếp cho đến hôm nay, chúng ta đều không hiểu mà hôn mê
mờ mịt. Nhưng việc quá khứ thì không có cách nào vấn hồi.
Nhi kim giác ngộ, tương lai do thượng khả truy: Nhưng nay
chúng ta đã hiểu rõ, đã giác ngộ nên những việc trong tương
lai còn có cơ hồi cứu vãn.

Nhiên mê nhi vị ngộ, cố khả ai lân: Nếu quý vị vẫn còn ở
trong mê muội, không được giác ngộ, cố nhiên rất đáng thương
xót! Nhưng chỉ vì quý vị còn ở trong mê nên cũng không biết
là mê. **Cầu tri nhi bất hành, vu vi thống tích:** Mà quý vị đã
biết, đã hiểu thì nên phát nguyện; nếu không phát nguyện thì
càng đáng thương hại hơn!

Nhược cụ địa ngục chi khổ, tắc tinh tấn tự sanh: Nếu
quý vị sợ quả báo khổ trong địa ngục thì tự nhiên sẽ tinh tấn
đồng mãnh. **Nhược niệm vô thường chi tốc, tắc giải đãi bất**

khởi: Nếu nhớ vô thường mau đến tìm mình thì chúng ta sẽ không giải đãi biếng lười.

Hựu tu dĩ Phật pháp vi tiên sách, thiện hữu vi đề huê: Quý vị nên dùng Phật pháp để làm roi thúc giục, khích lệ, khuyến nhắc mình; lại thêm bạn lành cùng giúp đỡ, dìu dắt nhau. **Tháo thứ phát ly, chung thân y lại:** Tháo thứ là thời gian rất ngắn. Tức là dù trong khoảng thời gian rất ngắn cũng không lìa Phật pháp, không lìa pháp môn này. Chung thân y lại là suốt đời nương theo Phật pháp. **Tắc vô thối thất chi ngu hỹ!** Nếu được như thế thì sẽ không thối thất Bồ-đề tâm.

Vật ngôn nhất niệm khinh vi, vật vị hư nguyện vô ích: Quý vị chớ bảo rằng một niệm phát nguyện thì rất nhỏ nhặt, không gì quan trọng; cũng không nên nói rằng, đó là phát cái nguyện hư vọng, không có ích lợi chi. **Tâm chân tắc sự thật, nguyện quảng tắc hành thâm:** Nếu quý vị chân thành phát nguyện thì nguyện đó sẽ trở thành sự thật. Nếu phát nguyện quảng đại thì hành động của quý vị sẽ càng tinh tấn, càng sâu rộng hơn.

Hư không phi đại, tâm vương vi đại: Hư không còn chưa được xem là lớn, tâm vương của quý vị mới là lớn, vì tâm vương không có hạn lượng. **Kim cương phi kiên, nguyện lực tối kiên:** Trên thế giới này kim cương là vật kiên cố cứng chắc nhất, nhưng cũng không sánh bằng nguyện lực của quý vị. Cho nên, không được quên mất nguyện lực của mình. Nguyện lực đó mới là kiên cố nhất.

Đại chúng thành năng bất khí ngã ngữ: Đại chúng nếu có thể nghe mà không quên lời của tôi, **tắc Bồ-đề quyền thuộc, tùng thử liên nhân** tức từ đây chúng ta sẽ kết hợp

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

quyến thuộc Bồ-đề làm bà con thân thích với nhau.

Liên Xã tông minh, tự kim đế hảo: Mọi người cùng nhau phát nguyện, cùng nhau niệm Phật thì bạn hữu Liên Xã từ đây kết giao. **Sở nguyện đồng sanh Tịnh-độ, đồng kiến Di Đà:** Mọi người đồng vãng sanh Tịnh-độ, cùng nhìn thấy Phật A Di Đà. **Đồng hóa chúng sanh, đồng thành Chánh giác:** Sau đó lại cùng nhau giáo hóa chúng sanh, đồng thành Phật đạo.

Tác an tri vị lai tam thập nhị tướng, bách phước trang nghiêm! Bất tùng kim nhật phát tâm lập nguyện ni thủy dã: “An tri” nghĩa là làm sao biết được vị lai chúng ta sẽ thành Phật, được ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm giống như Phật, lại không phải là bắt đầu từ sự phát Bồ-đề tâm, lập Bồ-đề nguyện trong ngày hôm nay? Sau này chúng ta thành Phật được, đều là bắt đầu từ ngày hôm nay vậy.

Nguyện dữ đại chúng cộng miễn chi! Hạnh thậm hạnh thậm! Nguyện cùng đại chúng cùng nhau nỗ lực, cùng nhau phát nguyện không thối thất tâm Bồ-đề và cùng nhau đồng mãnh tinh tấn hướng về phía trước. Nếu được như thế, thật là kiết tường và may mắn biết bao!

Lời của Ban biên tập:

Năm 1979 và 1985 Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng thuyết bài “Văn Khuyến Phát Bồ Đề Tâm” tại Vạn Phật Thánh Thành và tại Chùa Kim Sơn khuyến khích chúng đệ tử phát Bồ-đề tâm. Vì lúc đó thiết bị ghi âm sơ sài, cho nên có phần thiếu sót. Hôm nay nhân vì muốn đại chúng nghe được lời dạy của Hòa Thượng một cách hoàn hảo hơn, nên chúng tôi trước chỉnh đốn các bài giảng năm 1985, sau bổ túc bài giảng năm 1979 vào chỗ ghi âm bị thiếu sót.



Phụ Lục: Đại sư Tỉnh Am

Nguyên văn:

蓮社十一祖
清 梵天
省庵法師

師，諱實賢，字思齊，號省庵。常熟時氏子，世儒業。幼出家，嚴習毗尼。尋入講筵，明性相之學。參“念佛者是誰”話，四閱月，忽然開悟曰：“我夢覺矣！”自是機鋒迅利，才辯縱橫，晝覽藏經，晚持佛號。燃指於阿育王山，佛前發四十八大願，感舍利放光。作《勸發菩提心文》，激勵四衆，誦諸多爲涕下。於雍正十二年四月十四日，面西寂然，送者麁至。忽開目曰：“吾去即來，生死事大，各自淨心，念佛可矣！”合掌連稱佛名而逝。

贊曰：

悲心廣大	菩提心文
四十八願	願力宏深
行解真實	瑞應超倫
蓮宗一脈	賴以常存

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

或說偈曰：

見賢思齊精進修	業儒讀書勝大坵
從佛專研毗尼法	參禪徹悟誰自由
大哉菩提激勵發	至矣誓願天地悠
舍利放光照千古	尊者恩澤萬劫留

Âm Hán Việt:

Liên Xã thập nhất Tổ

Thanh Phạm Thiên

Tĩnh Am Pháp sư

Sư, húy **Thật Hiền**, tự **Tư Tề**, hiệu **Tĩnh Am**. Thường Thực Thời thị tử, thế Nho nghiệp. Ấu xuất gia, nghiêm tập Tỳ ni. Tâm nhập giảng diên, minh tánh tướng chi học. Tham “niệm Phật giả thị thù” thoại, tứ duyệt nguyệt, hốt nhiên khai ngộ viết: “Ngã mộng giác hỹ!” Tự thị cơ phong tấn lợi, tài biện tung hoành, trú lã tạng kinh, văn trì Phật hiệu. Nhiên chỉ ư A Dục Vương sơn, Phật tiên phát tứ thập bát đại nguyện, cảm xá lợi phóng quang. Tác “Khuyến phát Bồ-đề tâm văn,” khích lệ tứ chúng, tụng giả đa vi thế hạ. Ư Ung Chánh thập nhị niên tứ nguyệt thập tứ nhật, diện tây tịch nhiên, tổng giả quần chí. Hốt khai mục viết: “Ngô khứ tức lai, sanh tử sự đại, các tự tịnh tâm, niệm Phật khả hỹ!” Hợp chưởng liên xưng Phật danh nhi thệ.

Tán viết:

Bi tâm quảng đại

Bồ đề tâm văn

Tứ thập bát nguyện

**Nguyện lực hồng thâm
Hành giải chân thật
Thụy ứng siêu luân
Liên tông nhất mạch
Lại dĩ thường tồn.**

**Hoặc thuyết kệ viết:
Kiến hiển tư tề tinh tiến tu
Nghiệp Nho độc thư thắng đại khu
Tùng Phật chuyên nghiên tỳ ni pháp
Tham thiên triệt ngộ thù tự do
Đại tai Bồ-đề khích lệ phát
Chí hỷ thệ nguyện thiên địa du
Xá lợi phóng quang chiếu thiên cổ
Tôn giả ân trạch vạn kiếp lưu.**

Dịch:

Đại sư Thật Hiển tự Tư Tề, hiệu Tỉnh Am, người đời Thanh, con nhà họ Thời ở Thường Thục. Xuất gia từ thuở bé, sau khi xuất gia, Ngài nghiêm trì giới luật, giảng kinh thuyết pháp, và nghiên cứu pháp môn tánh tướng. Bốn tháng tham cứu câu “Niệm Phật Là Ai,” Ngài hoát nhiên khai ngộ, nói: “Tôi đã tỉnh giấc mơ!” Từ đó cơ phong Thiền của Ngài thật lạnh lẽo sắc bén, biện tài thêm tung hoành, ngày duyệt Tam tạng kinh, đêm chuyên trì Phật hiệu. Ngài đốt ngón tay ở tháp A Dục Vương, rồi trước Phật phát bốn mươi tám lời đại nguyện. Lúc ấy cảm ứng xá lợi Phật phóng hào quang rực rỡ. Ngài làm bài “Khuyến phát Bồ-đề tâm văn,” khích lệ tứ chúng, nhiều người đã rơi lệ khi đọc bài văn này.

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Ngày mười bốn tháng tư, niên hiệu Ung Chánh thứ mười hai, Đại sư ngồi hướng về Tây mà viên tịch. Hàng đạo tục các nơi nghe tin tụ hội về đưa tiễn rất đông. Đại sư bỗng mở mắt nói:

“Tôi đi không bao lâu sẽ trở lại, sanh tử là việc lớn, mỗi người nên tự thanh tịnh tâm ý, niệm Phật thì có thể giải quyết được việc sanh tử!”

Dặn dò xong, Ngài chấp tay niệm Phật mà thị tịch.

Kệ tán rằng:

Tâm từ rộng lớn,
Soạn văn Bồ-đề.
Bốn tám đại nguyện,
Nguyện lực rộng sâu,
Hành nguyện chân thật,
Cảm ứng khó lường,
Liên tông mạng mạch,
Nhờ Ngài trường tồn.

Hoặc nói kệ rằng:

Kiến hiền Tư Tề tinh tấn tu hành
Nghệ Nho đọc sách như núi đồi
Học Phật tu hành nghiêm trì giới luật
Tham thiền triệt ngộ “ai” tự do
Lớn thay khuyến phát tâm Bồ-đề
Cao thay lời thệ nguyện như đất trời
Xá lợi phóng quang chiếu soi thiên cổ
Ân huệ tôn giả lưu danh ngàn đời.

Giảng:

Pháp sư Tỉnh Am ở chùa Phạm Thiên đời Thanh là vị Tổ thứ mười một của Tông Liên Xá. Vì Ngài học vấn uyên thâm, tu hành trang nghiêm, đạo đức cao cả, trí huệ rộng lớn, cho nên đương thời cảm hóa được rất nhiều người.

Sư húy: Húy là húy danh, không phải để gọi cho người chết. Cho nên không phải sau khi qua đời, vị Pháp sư này mới được gọi là Thật Hiền, mà khi còn sanh tiền Ngài cũng được gọi là Thật Hiền. Húy có thể gọi là kỵ húy. Thế nào gọi là kỵ húy? Chính là “Tử bất ngôn phụ viết húy,” tức con cái không gọi thẳng tên cha mà gọi là húy. Ở đây cũng vì tôn trọng người xưa, tôn trọng vị Tổ sư này nên người ta không gọi thẳng tên Ngài mà thêm vào chữ húy. Ngài Húy **Thật Hiền:** Ngài thật sự là một người hiền đức. **Tự Tư Tề:** Tư Tề tức là “kiến hiền tư tề,” thấy người hiền có đức hạnh thanh cao, muốn cố gắng làm cho bằng người; bản thân Ngài là Thật Hiền, cho nên phải tư tề, tề cái chi? Tề thánh hiền đời xưa, muốn giống như thánh hiền đời trước vậy, vì thế **hiệu Tỉnh Am.** Tỉnh là tỉnh ngộ. Tỉnh Am là căn cứ vào câu “Kiến hiền tư tề yên” trong sách Luận Ngữ tức muốn giống như các vị hiền đức. Còn “Kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh dã” là nhìn thấy người không hiền thì nên hồi quang phản chiếu, phản tỉnh lại mình. Phản tỉnh cái gì? Phản tỉnh coi ta có *hiền* hay không? Ta có phải xấu xa như thế chẳng? Nếu phải thì nên sửa đổi; nếu không, thì cần phải tiếp tục cố gắng hơn lên. “*Hữu tắc cãi, vô gia cảnh*” nếu có lỗi thì lập tức sửa đổi, còn không thì tự khuyến khích cảnh sách mình chớ nên phạm những lỗi lầm như thế. Cho nên hiệu của Ngài là Tỉnh Am. **Thường Thục Thời thị tử:** Ngài là người huyện

Thường Thục - Giang Nam, họ Thời. Thời này là thời gian, cho nên đến lúc ra đời thì Ngài sanh ra đời. **Thế Nho nghiệp:** Gia đình Ngài theo truyền thống Nho giáo, học tập Khổng Tử, tôn trọng thánh nhân đã nhiều đời.

Ấu xuất gia: Ngài xuất gia từ thuở bé. **Nghiêm tập Tỳ ni:** Nghiêm là nghiêm cẩn học tập pháp Tỳ-ni. Tỳ-ni (Vinaya) là tất cả quy tắc, tất cả giới luật; tức là học ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh của người xuất gia và tất cả pháp cần làm như thế nào, Ngài đều phải biết. Ngài học tập rất tinh tấn, không chút để đuôi lơ là. Không giống như chúng ta là những người trong đời mạt pháp, “*nhất nhật bộc chi, thập nhật hàn chi,*” một ngày phơi nắng mười ngày để lạnh, không kiên trì cố gắng mà chỉ hăng hái trong chốc lát. Hôm nay nghiên cứu học tập, ngày mai lại nghỉ ngơi, hôm sau không để ý tới, qua mười ngày, nửa tháng lại hứng thú mới đến học tiếp. Ngài không phải như thế mà luôn chuyên tâm vào một chỗ, ngày đêm đều siêng năng nghiên cứu học tập pháp Tỳ-ni.

Tâm nhập giảng diên: Sau đó không bao lâu Ngài học tập giảng kinh thuyết pháp, cho nên **minh tánh tướng chi học:** Tánh tướng là hai môn: không và hữu. Ngài nghiên cứu không, nghiên cứu hữu, duy thức pháp tướng, những ý nghĩa này Ngài hiểu rõ hết.

Tham “niệm Phật giả thị thù” thoại: Ngài nhất tâm chuyên chú niệm niệm không quên, đi đứng nằm ngồi đều tham ngộ câu thoại đầu “niệm Phật là ai.” Đi là ai đi? Đứng là ai đứng? Ngồi là ai ngồi? Nằm là ai nằm? Đi đứng nằm ngồi, mọi lúc mọi nơi, Ngài đều chăm chăm vào chữ “ai” này.

Tứ duyệt nguyệt, hốt nhiên khai ngộ viết: Như thế trải

qua bốn tháng thì Ngài bỗng hoát nhiên khai ngộ. Vì tham câu “niệm Phật là ai” đến chỗ tột cùng nên Ngài đã hiểu rõ sáng suốt về vạn sự ở thế gian và hiểu rõ ràng tất cả đạo lý ở đời. “*Nhất thông nhất thiết thông*” là khi hiểu rõ một thứ thì thông suốt hết mọi thứ. Sau khi khai ngộ, Ngài nói cái chi? “**Ngã mộng giác hỷ!**” Ta đã tỉnh giấc mộng lớn của kiếp con người.

Chúng ta hiện nay mỗi người đều đang nằm mơ, đều đang ở trong giấc mộng, giấc mộng lớn của nhân sanh. Có người bảo rằng: “Bạn đang nằm mơ đấy!” Thì ta sẽ không tin, nói: “Tôi làm sao mà đang nằm mơ cho được?” Giống như có người đang ngủ nằm mơ, trong giấc mơ có người bảo anh ta rằng: “Bạn đang nằm mộng đấy!” Anh ta sẽ không tin. Đến khi tỉnh giấc mộng, anh ta mới biết là mình đang nằm mơ. Kiếp người chúng ta cũng giống như vậy, hồ đồ hỗn độn, đánh Đông đánh Tây, chơi Nam, vui Bắc, đi Đông đi Tây, ngày lại ngày qua mà không biết là đang làm gì. Nếu nói: “Bạn ở đây làm gì, bạn đang mơ à!” Người ấy sẽ không tin, nói: “Ăn cơm thì không đói, mặc y phục thì không lạnh, ngủ thì sẽ không mệt, đây mới chính là thật, ông mới là người nằm mộng chờ ai.” Đến khi mở mắt, khai ngộ, mới thật hiểu rõ kiếp nhân sanh vốn là như thế! Đó gọi là mộng tỉnh rồi, lúc này mới biết đời người và mộng thì giống nhau.

Tự thị cơ phong tấn lợi: Từ đó về sau, Ngài cùng với ai đấu cơ phong – tức là đả thiên cơ, nói những lời mà người thường không hiểu; cơ phong của Ngài rất nhanh, rất sắc, không ai nói hơn Ngài. **Tài biện tung hoành:** “Tung hoành” là vô địch thiên hạ, không ai biện bác hơn Ngài, tức là Ngài có

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

tài biện tung hoành. Vì thế mọi người đều biết là Ngài đã khai ngộ. Sau khi được biện tài tung hoành, Ngài bèn viết sách, ban ngày thì **trú lãm tạng kinh**: Vì Ngài muốn viết sách nên ban ngày đọc kinh điển, ban đêm thì **văn trì Phật hiệu** tức trì niệm câu “Nam Mô A Di Đà Phật.” Ngài rất tinh tấn, không biếng lười, một giờ một phút cũng không giải đãi, hoặc nói chuyện gẫu.

Nhiên chỉ ư A Dục Vương sơn: Ngài ở núi A Dục Vương đốt ngón tay, lại ở **Phật tiền phát tứ thập bát đại nguyện**: Trước điện Phật Ngài phát 48 lời đại nguyện, cho nên **cảm xá lợi phóng quang**. Núi A Dục Vương có Xá lợi của Phật. Lời phát nguyện của Ngài đã cảm ứng đến Xá lợi Phật phóng hào quang.

Tác “Khuyến phát Bồ đề tâm văn” khích lệ tứ chúng: Ngài lại làm bài “Văn khuyến phát Bồ-đề tâm,” khuyến khích tứ chúng. **Tụng giả đa vi thế hạ**: Nhiều người đã rơi lệ khi đọc bài “Văn khuyến phát Bồ-đề tâm” này.

Ư Ung Chánh thập nhị niên tứ nguyệt thập tứ nhật, diện tây tịch nhiên: Ngày 14 tháng 4 năm Ung Chánh thứ 12, Ngài hướng về phương tây mà viên tịch. **Tống giả quần chí**: Có rất nhiều người đến đưa tiễn Ngài. Đến lúc đó, **hốt khai mục viết**: “**Ngô khứ tức lai, sanh tử sự đại, các tự tịnh tâm, niệm Phật khả hỹ!**” Ngài lại mở mắt ra nói: “Tôi nay ra đi, rất nhanh sẽ trở về. Vấn đề sanh tử là việc khẩn thiết! Các vị chớ có xem thường, mỗi người đều phải tự thanh tịnh tâm ý và xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, cùng tu pháp môn Tịnh-độ mới được.” **Hợp chưởng liên xưng Phật danh nhi thệ**: Nói xong, Ngài chấp tay rồi viên tịch trong lúc xưng

niệm danh hiệu “Nam Mô A Di Đà Phật.” Có thể nói Ngài là vị “*biết trước giờ chết, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý không điên đảo, như nhập thiền định,*” mà viên tịch.

Tán viết: Bi tâm quảng đại, Bồ đề tâm văn: Vì Ngài rất từ bi quảng đại với chúng sanh, cho nên mới viết bài “Văn khuyến phát Bồ-đề tâm.” Với lời lẽ rất thấu triệt, cùng trí huệ thật cao siêu nên bài văn này vô cùng quan trọng trong Phật giáo. Thế nào là chánh, tà? Thế nào là chân, ngụy? Là lớn, nhỏ? Là thiên, viên? Ngài đều trình bày rất rõ ràng.

Tứ thập bát nguyện, nguyện lực hoằng thâm: Ngài phát 48 lời đại nguyện, nguyện lực vô cùng rộng lớn, vô cùng thâm sâu.

Hành giải chân thật thụy ứng siêu luân: Từ sự tu hành Ngài đã thật sự khai mở trí huệ và càng có biện tài, không chút hư ngụy. Ngài cũng cảm ứng được nhiều điềm lành bất khả tư nghì, kỳ tài xuất chúng, siêu quần tuyệt luân.

Liên tông nhất mạch, lại dĩ thường tôn: Liên tông nhất mạch, tức là mạng mạch của tông Tịnh-độ, nương vào Ngài Thật Hiền mà kế tục nối tiếp không ngừng.

Hoặc thuyết kệ viết: Kiến hiền Tư Tề tinh tiến tu: Kiến Hiền tức là chúng ta nhìn thấy Pháp sư Thật Hiền thì nên noi theo gương tu hành tinh tấn của Ngài.

Nghiệp Nho độc thư thắng đại khứu: Khuru là núi nhỏ, không phải núi lớn. Vị Pháp sư Thật Hiền vốn là người học theo nhà Nho và sách mà Ngài đọc qua thì nhiều như núi nhỏ, không phải như núi lớn.

Tùng Phật chuyên nghiên Tỳ ni pháp: Ngài xuất gia học Phật tu hành, trước bắt đầu học Tỳ Ni Nhật Dụng, những pháp

VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

tắc cùng các quy chế và giới luật.

Tham thiền triệt ngộ thù tự do: Ngài tham thiền, tham ngẫm câu niệm Phật là ai? Nếu hiểu rõ được đạo lý này thì hiểu rõ ra “ai” được tự do.

Đại tai Bồ-đề khích lệ phát: Bài “Khuyến Phát Bồ Đề Tâm Văn” vĩ đại này có giá trị vô cùng, có thể nói là cột trụ thật hùng vĩ, khích lệ tứ chúng Phật giáo đồ phát đại Bồ-đề tâm.

Chí hỷ thế nguyện thiên địa du: Chí hỷ tức là nguyện lực của Ngài đã đến cực điểm, không có nguyện lực nào lớn hơn nguyện lực của Ngài. Ngài phát 48 lời nguyện lớn và những nguyện lực này thì trường cửu, bất hủ như trời đất vậy.

Xá lợi phóng quang chiếu thiên cổ: Lời phát nguyện của Ngài đã cảm ứng được Xá lợi Phật phóng hào quang, soi chiếu thiên cổ, tức trên chiếu muôn đời, dưới sáng soi ngàn kiếp, đều là phóng ra hào quang rực rỡ.

Tôn giả ân trạch vạn kiếp lưu: Ân huệ cùng các ưu điểm của vị Tôn giả này sẽ tồn tại mãi muôn vạn kiếp không bao giờ phai mờ trong chúng ta, những người đệ tử của Phật.

*Trích từ “Tái Tăng Định Phật Tổ Đạo Ảnh”
Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng thuật
Ngày 17 tháng 10 năm 1985.*



Sơ Lược về Hòa Thượng Tuyên Hóa 宣化上人簡傳

Hòa Thượng Tuyên Hóa họ Bạch, tên thật là An Từ, tự Độ Luân. Ngài quê ở huyện Song Thành, tỉnh Tùng Giang thuộc Đông Bắc, Trung Hoa, tức là Mãn Châu. Phụ thân Ngài tên Phú Hải, chuyên làm nghề nông. Mẹ họ Hồ, sinh được tất cả tám người con, năm trai ba gái và Ngài là út.

Hồ thái phu nhân thọ chay trường, niệm Phật chẳng hề gián đoạn. Một đêm nọ phu nhân nằm mộng thấy Đức Phật A Di Đà hiện thân phóng đại quang minh chiếu triệt thế giới, chấn động thiên địa. Giật mình tỉnh giấc, phu nhân ngửi thấy mùi hương kỳ diệu khắp phòng, rồi sau đó hạ sanh ra Ngài.

Vừa ra đời, Ngài liền thanh khóc suốt ba ngày đêm không dứt. Chính là vì đau xót cho nỗi khổ của thế giới Ta Bà này vậy.

Ngài cư ngụ tại một thôn quê nhỏ bé, thừa thớt nhà cửa. Thế nên, đến năm mười một tuổi Ngài chưa hề thấy qua người chết. Một hôm, Ngài thấy một em bé, miệng ngậm, mắt nhắm, nằm bó trong đám rơm bên lề. Ngài gọi mà đứa bé chẳng đáp, rờ thì chẳng có hơi thở. Ngài lấy làm khó hiểu vô cùng nên hỏi nhóm bạn. Có kẻ hiểu biết liền nói: “Đứa bé đã chết rồi!” Song Ngài vô cùng ngạc nhiên, không hiểu thế nào là chết. Về nhà, Ngài liền hỏi mẹ, bà dạy: “Phàm là người, ai cũng phải chết. Có kẻ chết già, có kẻ chết vì bệnh, cũng có kẻ chết vì tai nạn. Bất luận là giàu sang hay nghèo khó, bất luận là sĩ, nông, công, thương, hay quan lại, ai ai rốt cuộc rồi cũng phải chết.”

Ngài lại hỏi: “Nếu thật như vậy, có cách gì thoát được chết không?” Bấy giờ trong nhà có vị khách là người tu hành.

SƠ LƯỢC VỀ HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

Vị này đỡ lời đáp rằng: “Chỉ có cách tu Đạo, minh ngộ tự tâm, triệt kiến bốn tánh thì mới liễu đoạn sanh tử, siêu thoát luân hồi, thành Chánh Giác, chứng Vô Sanh.”

Tuy lúc đó Ngài còn nhỏ tuổi, song đối với lời vị khách nói, Ngài tỉnh ngộ sâu xa, do đó Ngài quyết chí xuất gia tu Đạo.

Khi Ngài bàn chuyện xuất gia với mẹ, bà dạy: “Xuất gia là chuyện rất tốt, nhưng cũng không phải là chuyện dễ làm. Cần có thiện căn, có đại nguyện lực, và cần phải phát đại Bồ Đề tâm thì mới có thể thành tựu Vô Thượng Đạo. Nay con đã phát tâm, ta hết sức đồng ý, cũng thật là phù hợp với giấc mộng xưa kia vậy. Nhưng nay ta đã già, ngày tháng chẳng còn bao lâu, các anh chị con đều đã tự lập. Con nên ở lại để phụng dưỡng cha mẹ; khi ta mất rồi, con xuất gia tu hành, lúc đó cũng chẳng muộn.”

Ngài vâng lời cha mẹ, rồi sau đó hằng ngày thường theo mẹ lạy Phật. Lạy Phật xong, Ngài lạy cha mẹ.

Ngày qua ngày, đông tàn xuân đến, Ngài cung kính phụng dưỡng song thân như đối với Phật vậy. Chẳng bao lâu tiếng đồn về sự hiếu thảo của Ngài vang khắp bốn phương. Khi đó mọi người đều gọi Ngài là Bạch Hiếu Tử (người con chí hiếu họ Bạch).

Năm Ngài 19 tuổi thì mẹ Ngài qua đời; bấy giờ Ngài từ giã họ hàng lên chùa Bái Hòa Thượng Thường Trí làm Thầy và quy y, chính thức xuất gia, thọ giới. Sau đó, Ngài về lại nơi mộ phần thân mẫu để thủ hiếu trong ba năm. Suốt thời gian ấy, Ngài sống trong một túp lều tranh nhỏ, ngày ngày tọa Thiền, đọc tụng kinh điển Đại Thừa và niệm Phật A Di Đà. Rất nhiều lần Ngài ngồi Thiền rồi nhập Định, liên tiếp trong nhiều tuần lễ chẳng rời thiền sàng.

Một đêm nọ, dân trong thôn gần đó hốt hoảng thấy túp

SƠ LƯỢC VỀ HÒA THƯỢNG TUYỀN HÓA

lều tranh của Ngài hừng hực lửa đỏ. Ánh lửa hồng phừng phừng lên giữa không trung và túp lều tranh thì sáng rực như ban ngày. Nhiều người chạy đến mộ, hô hoán: “Nhà Hiếu Tử bị cháy rồi!” Cả trăm người trong làng hè nhau xách gáo, đem xô tới để chữa cháy. Song, khi tới nơi họ chỉ thấy túp lều tranh bình lặng, lửa chẳng cháy và Ngài thì vẫn an nhiên, tỉnh mặc trong Thiền Định!

Có lần Ngài đang tọa Thiền thì chợt có vị khách đến viếng. Vị khách ấy, ngạc nhiên thay, chính là Lục Tổ Huệ Năng! Đức Tổ Sư dạy Ngài rằng trong tương lai Ngài sẽ tới Mỹ quốc để độ sinh, rằng ở Tây phương Ngài sẽ gặp nhiều kẻ hữu duyên có thể hoàng dương Phật Pháp và Ngài sẽ độ vô lượng vô biên chúng sanh. Mãi đến lúc Đức Tổ Sư từ biệt quay đi rồi, Ngài mới choàng tỉnh, nhớ lại rằng Ngài Huệ Năng vốn là người đời Đường khoảng 1.200 năm về trước. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Ngài vân du khắp nơi. Cuối cùng, trải qua hơn ba ngàn dặm, Ngài tới chùa Nam Hoa, bái kiến vị Đại Thiện Tri Thức của thời bấy giờ là Lão Hòa Thượng Hư Vân. Lão Hòa Thượng lúc ấy đã 109 tuổi. Vừa nhìn thấy Ngài, Lão Hòa Thượng liền nhận ra ngay sự chứng ngộ của Ngài. Khi đó, Lão Hòa Thượng nói: “Như thị, như thị!” và Ngài cũng đáp lại: “Như thị, như thị!”

Bấy giờ, Lão Hòa Thượng Hư Vân ấn chứng sở đắc của Ngài và Ngài chính thức trở thành vị Tổ thứ chín của dòng pháp Quy Ngưỡng.

Sau đó, Lão Hòa Thượng dạy Ngài ở lại chùa đảm nhận chức Viện Trưởng Viện Giới Luật của Chùa Nam Hoa.

Năm 1950, Ngài từ giã chùa, lên đường sang Hương Cảng. Ở đây, Ngài sống tại một sơn động biệt lập, chẳng lai vãng gì đến bụi trần, tục lụy. Chẳng bao lâu, có vô số Tăng-lữ từ Trung Hoa, Đại Lục qua Hương Cảng tỵ nạn và họ cần sự

SƠ LƯỢC VỀ HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

giúp đỡ của Ngài. Cuối cùng, ứng với nhân duyên, Ngài rời sơn động, lập ra giảng đường và hai ngôi chùa, cùng trợ giúp xây dựng nhiều đạo tràng khác.

Trong suốt mười hai năm ở Hương Cảng, Ngài là tấm gương sáng, tinh tấn tu hành khổ hạnh, quên mình vì Phật Pháp. Ngài đã ảnh hưởng vô số thiện nam tín nữ, khiến họ phát tâm Bồ Đề, quy y Tam Bảo, ủng hộ Phật Pháp.

Năm 1962, Ngài đến San Francisco, Mỹ Quốc. Tại đây, nơi một nhà kho nhỏ, Ngài kiên trì tu hành trong im lặng, chờ đợi cho cơ duyên hoằng dương Đạo Pháp chín muồi. Lúc ấy, Ngài tự gọi mình là “Mộ Trung Tăng” (nhà Sư trong phần mộ), hay là Hoạ Tử Nhân (người đã chết nhưng còn sống). Những Phật tử hiểu biết sự tu hành chân chính của Ngài đều rất cảm động và cung kính ủng hộ, cúng dường Ngài.

Năm 1968, Ngài biết cơ duyên đã đến, Ngài nói: “Một đóa hoa sẽ nở ra năm cánh.” Mùa hè năm đó, Ngài chủ trì Pháp Hội giảng Kinh Lăng Nghiêm trong 96 ngày. Khi Pháp Hội kết thúc, quả nhiên có năm người Mỹ đầu tiên xin xuất gia với Ngài.

Từ đó, Ngài tiếp tục chủ trì nhiều Pháp Hội cùng giảng giải các bộ kinh như: Tâm Kinh, Kinh Địa Tạng, Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Bảo Đàn v.v... Năm 1971, Ngài giảng bộ kinh tối cao của Đại Thừa, đó là Kinh Hoa Nghiêm.

Song song với việc giảng Kinh, thuyết Pháp, Ngài còn làm vô số công đức độ sinh khác. Năm 1976, Ngài thành lập Vạn Phật Thánh Thành là nền tảng căn cứ địa để hoằng dương Phật Pháp ở Mỹ Quốc. Tại Vạn Phật Thánh Thành, Ngài xây dựng chế độ Tùng-lâm, đào tạo Tăng, Ni, học chúng, tạo nhân duyên thù thắng cho sự chân chính tu hành.

Giới Thiệu Kinh Sách



Phật Thuyết Kinh A Di Đà

Không như những bộ kinh khác, vì đây là bài kinh không người thưa thỉnh mà Phật tự thuyết giảng. Quyển kinh này được Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng ý nghĩa và phương pháp hành trì, để chúng ta nhận thức rõ hơn về công năng và giá trị của bộ kinh A Di Đà. Phần nội dung có đề cập đến cuộc đời và xen kẽ những câu chuyện kể về các đệ tử lớn của Phật thật lý thú. Sách có thêm phần chú thích và nhiều danh từ Phật học căn bản.



Kinh Kim Cang

Toàn bộ tên kinh, gọi là Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Công dụng của kinh là phá tan tất cả những chấp trước, vướng mắc về các tướng: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Ví như Bồ Tát khi thực hành bố thí mà còn chấp thấy ta là kẻ bố thí, có người được bố thí, tức đó không phải là Bồ Tát.

Cho nên đức Phật bảo: Bồ Tát không nên trụ vào sắc mà bố thí. Trong thời mật pháp, nếu có người khi nghe kinh Kim Cang liền sanh lòng tin hiểu thọ trì thì thật là hiếm có, vì người thế gian lại thường có tâm chấp ngã, chấp pháp.



Lục Tổ Thiền Kinh

Nội dung quyển kinh tường thuật lại cuộc đời và quá trình đắc pháp của Lục Tổ. Trong cuộc đời hành đạo, Ngài đem pháp môn Đốn giáo lưu truyền đến khắp nơi khiến người học đạo nhận được bốn tâm, thấy được bốn tánh. Lục Tổ Pháp Bảo Đàn Kinh gồm những bài thuyết pháp của Lục Tổ Huệ Năng được sao chép lại để lưu truyền. Tổ là người vốn không biết chữ, nhưng khi nghe có người tụng kinh Kim Cang đến câu: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mà hoát nhiên khai ngộ. Sau Ngài được Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn ấn chứng truyền y bát và trở thành Tổ thứ sáu.

GIỚI THIỆU KINH SÁCH



Khai Thi

Gồm những lời giảng dạy của Hòa Thượng Tuyên Hóa về các đạo lý căn bản như: nhân cách làm người đối với gia đình, xã hội và cả nhân loại trên thế giới. Với những dẫn dụ thiết thực, Hòa Thượng chỉ bày các đức hạnh cao thượng của những bậc cổ nhân Hiền Thánh hầu để mọi người lấy đó làm gương mà noi theo. Song song với những bài pháp ngắn này Hòa Thượng vẫn luôn tha thiết kêu gọi chúng ta nên xem trọng nhân nghĩa đạo đức và nhớ giữ tâm bình khí hòa trong các sinh hoạt hằng ngày. Vì đó cũng là một trong những phần chánh khí giúp cho thế giới hòa bình.



Kinh Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương

Là bộ kinh được dịch ra Hán Văn lần đầu tiên khi Phật Giáo từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa. Kinh này gồm có 42 chương Phật pháp, cũng chính là 42 đoạn ngữ lục, hay 42 lời dạy do đức Phật thuyết giảng về phương pháp tu hành. Người tu đạo phải quyết tâm đoạn trừ các dục vọng, mê chấp và biết buông xả. Nhưng chủ yếu là hành giả cần phải biết tự chủ để hàng phục tâm mình, có thể mới đạt được kết quả. Bộ kinh này chẳng những rất ích lợi cho người xuất gia, mà cả cư sĩ tại gia cũng có thể nương theo học tập để hành trì.



Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma

Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma, vị Tổ thứ 28 ở Ấn Độ nhưng ở Trung Quốc thì kể là Sơ Tổ. Vì xét thấy căn tánh Đại Thừa ở Trung Quốc đã chín muồi nên Ngài không quản gian khổ khó khăn tìm đến đó hoằng truyền Phật pháp. Nhưng khi đến Trung Quốc, chẳng một ai nhận biết ra Ngài, kể cả vua Lương Võ Đế cũng không trọng dụng Ngài. Đã vậy lại có người vì tị hiềm ganh ghét nên ra tay đầu độc Tổ đến sáu lần. Mặc dù gặp bao chướng ngại, Ngài vẫn an nhiên, không hề hấn chi. Biết cơ duyên chưa đến, Ngài tọa thiền tại núi Hùng Nhĩ, 9 năm quay mặt vào vách chờ thời. Lúc bấy giờ Pháp Sư Thần Quang cũng 9 năm quỳ trước hang núi để cầu pháp với Sơ Tổ. Để chứng minh lòng thành cầu đạo, Ngài Thần Quang tự chặt cánh tay khiến máu rơi nhuộm đỏ màu tuyết trắng. Kết quả Sơ Tổ Đạt Ma đã tìm được người để truyền thừa tâm ấn. Ngài Thần Quang trở thành Nhị Tổ Huệ Khả và tiếp tục lưu truyền mạch mạng Phật pháp. Sách có kèm các hình ảnh diễn tả câu chuyện rất sống động về Tổ Bồ Đề Đạt Ma.



Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Phẩm Phổ Môn

Bộ kinh quen thuộc nhất là Phẩm Phổ Môn, thường được các giới xuất gia, tại gia tụng niệm. Nội dung quyển kinh được Hòa Thượng Tuyên Hóa diễn giải về những đức hạnh từ bi và các công năng diệu dụng của Bồ Tát Quán Thế Âm trong khi cứu độ chúng sanh.



Kinh Vạn Phật Bảo Sát

Theo truyền thống mỗi năm vào dịp lễ Phật Đản, tại Vạn Phật Thánh Thành và Pháp Giới Thánh Thành đều có tổ chức khóa lễ Vạn Phật Bảo Sát. Đây là thiện duyên cho mọi người quy tụ về để cùng nhau lễ Phật sám hối. Đồng thời cũng là cơ hội cho mọi người chuyên tâm lễ bái 10 ngàn lạy trong vòng 3 tuần lễ, mong tiêu trừ tội nghiệp. Bộ kinh gồm chữ Hoa, có chú âm đọc và đính kèm thêm chữ Việt. Rất thuận tiện cho người tham gia pháp hội, vừa để bắt kịp theo đại chúng, vừa lại hiểu được ý nghĩa của kinh trong lúc lễ bái.



Luận Đại Thừa 100 Pháp Minh Môn

Luận này từ lúc ban sơ có đến 8 vạn 4 ngàn pháp. Vì chúng sanh căn tánh mê muội, nên Bồ Tát Di Lặc thân ngấn thành bộ Luận Du Già Sư Địa gồm 600 pháp. Nhưng vẫn còn nhiều đối với căn cơ chúng sanh sau này. Bồ Tát Thiên Thân bèn sơ lược tóm gọn thành 100 pháp. Bộ Luận này đơn giản lại dễ hiểu, là ngõ tắt dẫn chúng ta vào cửa Phật pháp, rất thích hợp đối với những ai có căn tánh Đại Thừa.



Tam Bộ Nhất Bái

Nhật ký tường thuật lại cuộc bái hương hơn ngàn dặm của hai vị sư người Mỹ, đệ tử Hoà Thượng Tuyên Hóa. Với cuộc hành trình kéo dài hơn 10 tháng, hai sư đã thành tâm cứ mỗi ba bước một lạy từ San Francisco đến Marblemount, tiểu bang Washington để cầu cho thế giới hòa bình. Tam Bộ Nhất Bái đã nêu lên chí nguyện chân thành đối với toàn nhân loại, một hành động cao cả hiếm có đã thật sự xảy ra ngay trên đất Mỹ. Là quyển sách mà không thể bỏ qua được.

GIỚI THIỆU KINH SÁCH



Vĩnh Gia Chứng Đạo Ca

Là bài ca chứng đạo được truyền tụng trong đời Đại Sư Vĩnh Gia Huyền Giác, triều đại nhà Đường. Và là vựi sư vốn được vào chùa từ thuở nhỏ. Đại sư vốn thông minh học rộng lại biết dụng công tu hành nên đã sớm giác ngộ. Ngài nhân xem kinh Duy Ma mà tâm địa phát sáng và được Lục Tổ ấn chứng.

Đại sư Vĩnh Gia viết thành bài ca giải bày những kinh nghiệm của người đã nhận chân được thật tướng, thấu suốt được lý thiên. Ngài mượn qua lời ca giọng hát để mọi người cùng thấy được cái chân thật, bất sanh bất diệt sẵn có của mình.

Bài ca chứng đạo này được Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng giải hai lần: năm 1965 và năm 1985. Nếu chúng ta hiểu thấu được và y theo bài ca này mà tu hành, thời cũng có thể chứng đạo như Đại Sư Vĩnh Gia.



Pháp Nhữ Thâm Ân

Là sự kết tập một số bài viết của chúng đệ tử xuất gia, tại gia người Hoa, Mỹ, Canada, Việt, Singapore, Mã Lai... để tưởng niệm vị thầy khả kính, Hòa Thượng Tuyên Hóa. Các vị bày tỏ lòng tri ân sâu xa về những kinh nghiệm quý báu đã học được với Hòa Thượng Tuyên Hóa, vị thầy tôn kính dù nay đã vắng bóng nhưng kỷ niệm và những bài học quý giá của Ân sư sẽ mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm của bao người đệ tử.

Qua các bài viết này, với những mẫu chuyện được kể lại, độc giả sẽ được dịp hiểu biết thêm về những giáo pháp kỳ đặc, tuy thiên xảo nhưng rất thực tế mà Hòa Thượng đã phương tiện dẫn dắt, tùy theo căn tánh của mỗi đệ tử. Nhờ vậy mà các đệ tử Ngài dần dần biết nhận khuyết điểm, lỗi lầm, biết sửa đổi các thói hư tật xấu để trở thành những con người hướng thiện. biết góp phần làm lợi ích cho chúng sanh. Mỗi câu chuyện đều có phối hợp theo hình vẽ thật linh động.

Kinh Nhật Tụng: (Sắp phát hành)

Gồm các bài kinh, chú cho các khóa lễ sáng, trưa và chiều mà tứ chúng ở Vạn Phật Thánh Thành thường ngày tụng niệm theo nghi thức truyền thống Phật Giáo Trung Hoa. Ngoài ra quyển kinh cũng có thêm các nghi lễ về Khánh Chúc, các ngày vía Thánh Đản, Phóng Sanh, Văn Phát Nguyện Sám Hối... Có phần chú âm, chữ Việt và chữ Anh rất thuận tiện cho việc tụng niệm.



Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm

Bài Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm này là của Đại Sư Tĩnh Am do Hòa Thượng Tuyên Hóa lược giảng. Qua bài văn, Đại Sư Tĩnh Am đã khẩn thiết khuyên nhắc chúng ta nên cấp bách phát Bồ Đề tâm. Ngài còn vạch bày tường tận lý do cũng như phân tích rõ ràng, tại sao chúng ta phải phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm này rất quan trọng thiết yếu trong sự tu hành của chúng ta, và cũng chính là nhân tố chánh yếu để thành Phật. Chúng ta nên học theo Đại sư mà phát Bồ Đề tâm và lập Bồ Tát hạnh hầu vượt thoát sanh tử luân hồi. Vì vậy, bài Văn Khuyên Phát Bồ Đề Tâm này chiếm một địa vị vô cùng quan trọng trong Phật Giáo.

Kinh Địa Tạng



Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện với lời chú giải của Hòa Thượng Tuyên Hóa. Kinh thuật lại lý do tại sao Ngài Địa Tạng được xem như là một vị Bồ Tát bậc nhất về phát nguyện. Lời phát nguyện thâm sâu cao cả, vĩ đại như Địa ngục vị (chưa) không, thế bất thành Phật. Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề. Ngoài ra Kinh Địa Tạng còn gọi là bộ kinh hiếu thảo, trong kinh đã tường thuật về tiền thân kiếp trước của nhiều vị Bồ Tát. Đây cũng là bộ kinh chỉ dẫn chúng ta một cách rõ ràng thiết thực, làm sao để được lợi ích trong việc lo liệu về tình trạng sanh sản, bệnh nặng cũng như khi có người qua đời.

Gậy Kim Cang Hết: Gồm 3 quyển.



Ghi lại những câu vấn đáp của Hòa Thượng và các Phật tử, nhân trong các chuyến Hòa Thượng hoằng pháp ở Đài Loan. Hòa Thượng với những câu trả lời, nhằm chấn chỉnh những quan niệm tà kiến, dị đoan và thức tỉnh những tâm hồn mê muội. Có lúc Ngài chỉ đáp lời đơn giản, ngắn gọn vài câu mà hàm chứa ý nghĩa rất chí lý. Cũng có khi Ngài lại pha lẫn chút khôi hài, nhưng được nhuần đạo nghĩa, khiến người nghe ân cần chú ý với lòng hân hoan đón nhận lời Ngài dạy bảo. Trong khi xem những câu vấn đáp, chúng ta cũng có thể cảm thấy hình như Hòa Thượng đang trực tiếp trả lời câu thắc mắc cho chính mình.

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát



Kệ Hồi Hương

Nguyện đem công đức này, trang nghiêm Phật tịnh độ,
Trên báo bốn trọng ân, dưới cứu ba đường khổ,
Nếu có ai nghe thấy, tất phát bồ-đề tâm,
Đến khi mạng này hết, đồng sanh Cực Lạc quốc.

**Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới
Vạn Phật Thánh Thành**

Home Page: <http://www.drba.org>

P.O. Box 217, 2001 Talmage, CA 95481-0217 U.S.A.

Điện thoại: (707) 462-0939 Fax: (707) 462-0949

Pháp Giới Thánh Thành (The City of The Dharma Realm)
1029 West Capitol Avenue West Sacramento,
CA 95691 U.S.A. Tel: (916) 374-8268

Học Viện Dịch Kinh Quốc Tế
(The International Translation Institute)
1777 Murchison Drive Burlingame, CA 94010-4504 U.S.A.
Tel: (650) 692-5912 Fax: (650) 692-5056

Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo Pháp Giới
Chùa Phật Giáo Berkeley (Berkeley Buddhist Monastery)
2304 McKinley Avenue Berkeley, CA 94703 U.S.A.
Tel: (510) 848-3440 Fax: (510) 548-4551

Chùa Kim Sơn (Gold Mountain Monastery)
800 Sacramento Street San Francisco, CA 94108 U.S.A.
Tel: (415) 421-6117 Fax: (415) 788-6001

Chùa Kim Thánh (Gold Sage Monastery)
11455 Clayton Road San Jose, CA 95127 U.S.A.
Tel: (408) 923-7243 Fax: (408) 923-1064

Chùa Kim Luân (Gold Wheel Monastery)
235 North Avenue 58, Los Angeles, CA 90042 U.S.A.
Tel: (213) 258-6668

Chùa Phước Lộc Thọ
(Blessings, Prosperity, & Longevity Monastery)
4140 Long Beach Boulevard Long Beach, CA 90807 U.S.A.
Tel: (562) 595-4966

Chùa Long Beach (Long Beach Monastery)
3361 East Ocean Boulevard Long Beach, CA 90803 U.S.A.
Tel: (562) 438-8902

Chùa Kim Phong (Gold Summit Monastery)
233 First Avenue West Seattle, WA 98119 U.S.A.
Tel: (206) 217-9320

Hoa Nghiêm Tịnh Xá (Avatamsaka Vihara)
9601 Seven Locks Road, Bethesda, MD 20817-9997 U.S.A.
Tel: (301) 469-8300

Chùa Hoa Nghiêm (Avatamsaka Monastery)
1009 4th Avenue, S.W.
Calgary, AB T2P 0K8 Canada
Tel: (403) 269-2960

Chùa Kim Phật (Gold Buddha Monastery)
248 East 11th Avenue Vancouver, BC V5T 2C3 Canada
Tel: (604)709-0248

Chùa Bát Nhã Quán Âm
Prajna Guanyin Sagely Monastery
Batu 5 ½ Jalan Sungai Besi,
Salak Selatan, 57100 Kuala Lumpur, Malaysia
Tel: (03) 7982-6560 Fax: (03) 7980-1272

Hội Phật Giáo Pháp Giới In Kinh
(Dharma Realm Buddhist Books Distribution Society)
11th Floor, 85 Chung-Hsiao E. Road, Sec. 6,
Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: (02) 2786-3022 Fax: (02)2786-2674